

NGUYỄN DUY CẦN

TRANG-TỬ² TINH-HOA

莊
子
精
華

ĐẠI-NAM

Thành kính
dâng tống hương-hồn thân-phụ
N. D. C.

書不盡言
言不盡意
Sách, không hết lời,
Lời, không hết ý.

DỊCH KINH

..

筌者所以在魚，
得魚而忘筌。
蹄者所以在兔，
得兔而忘蹄。
言者所以在意，
得意而忘言。
吾安得夫忘言之人，
而與之言哉。

Có nôm là vì cá ; đừng cá hãy quên nôm.
Có dò là vì thỏ ; đừng thỏ hãy quên dò.
Có lời là vì ý ; đừng ý hãy quên lời,
Ta tìm đâu đừng người biết quên lời,
hầu cùng nhau đàm luận !

TRANG-TỬ

... « L'exposé d'une doctrine, si favorable soit-il à cette doctrine, ne signifie pas qu'on souhaite qu'elle soit adoptée. Les docteurs du Tao le souhaitaient-ils eux-mêmes. Absolument pas, puisque l'apostolat était ce qui leur répugnait le plus ».

..

... « Trình-bày một giáo-lý nào, dù sự trình-bày ấy có thuận-lợi cho giáo-lý ấy đến đâu, cũng không c nghĩa là cầu mong nó được người người thừa-nhận. Chính các bác uyên-thâm về Đạo-học, họ có cầu mong được như thế không ? Tuyệt-đối là không, vì sự truyền-giáo là điều mà họ kỵ nhất ».

Jean GRENIER

TỰA

Văn-Minh mà thiên-hạ ngày nay đang tôn-sùng và đeo-đuổi là một thứ Văn-Minh lượng, lấy sự « tiến-bộ » làm lý-tưởng ; còn Văn-Minh của Trang-Tử chủ-trương là một thứ Văn-Minh phẩm, lấy sự « tận-thiện » làm lý-tưởng. Hai thứ Văn-Minh ấy có nhiều điểm bất-đồng, rất khó mà dung-hòa với nhau được. Cho nên, có kẻ cho rằng đem tư-tưởng Trang-Tử mà nói ra buổi này, phải chăng sẽ không bổ-ích gì cho thiên-hạ phần đông, có khi còn là một việc làm trái thời là khác nữa, cũng không chừng ! Học-thuyết Trang-Tử không thể nằm cạnh bên một nền Văn-Minh Cơ-Giới gần như tột-độ như ngày nay.

Những tư-tưởng mà người đời phần đông ưa-thích nhất là những tư-tưởng thỏa được lòng

dục-vọng của họ. Người ta, ít có ai biết cần đến sự thật để sống. Cái gì trái với lòng ao-ước của họ, là họ bác ngay, trước khi xem xét coi nó có đúng với sự thật hay không ? Đã chẳng những bác ngay, mà lại còn xem như thù-địch. Những tư-tưởng ủy-mị, xu-nịnh, vừa theo dục-vọng của quần-chúng, sẽ được họ tôn-thờ như một cái gì « thiêng-liêng bất-khả xâm-phạm ». Thiên-hạ rùng-rùng nghe theo và xem đó như một Chân-lý tuyệt-đối, trong khi nó chỉ là một thỏa-mãn của dục-vọng nhất thời thôi.

Một nhà xã-hội-học hiện-đại Tây-phương có viết : « Phần đông quần-chúng không bao giờ biết khao-khát sự thật. Trước những sự thật hiển-nhiên mà không vừa lòng họ, họ không thêm đoái-hoài đến ; trái lại họ chịu tôn-thần-thánh sự đối-trá lạc-làm, nếu sự đối-trá lạc-làm ấy khéo làm vừa lòng họ. Kẻ nào khéo ảo-hoặc họ, sẽ làm chủ họ được ngay rất dễ-dàng ; trái lại, kẻ nào tìm cách phá tan ảo-vọng của họ sẽ bị họ tru-diệt không sai ». Jésus bị treo lên cây Thập-giá, Socrate bị bắt uống độc được... phải chăng đều là vì đã muốn làm cho thiên-hạ tỉnh-ngộ.

Cléopâtre, hoàng-hậu xứ Ai-Cập, muốn biết mình và nàng Octavie ai đẹp, hỏi ý tên đầy-tớ ruột

của bà : « *Cléopâtre và Octavie ai đẹp ?* » Tên đầy-tớ đại-dột nói : « *Octavie* ». Cléopâtre giận, mắng cho và đánh tên đầy-tớ đến khi tên ấy chịu nói rằng Cléopâtre đẹp hơn.

Tâm-lý ấy là tâm-lý thông-thường của thiên-hạ : « *Cứ nói lão đi, nếu anh muốn, nhưng hãy nói với em rằng : anh yêu em* ». (Mens si tu veux, mais dis-moi que tu m'aimes). Cái tâm-lý ấy, cũng là cái tâm-lý của người bệnh hủi của Trang-Tử : « *Người bệnh hủi kia, nửa đêm sanh đặng đứa con. Bèn lật-đật kiểm cho đặng lửa để xem, chỉ nơm-nớp lo sợ nó không giống mình* ». (Thiên-Địa)

Ốc bè-đăng của con người cũng do đấy mà ra. Phàm những gì thuộc về bè-đăng mình đều được xem là hay, là đẹp. Không cần biết cái điều mình tin-tưởng và cho là phải ấy, có thật phải, có thật đúng làm chi : hễ giống với mình thì cho là phải, không giống với mình, thì cho là quấy. « *Thiên-hạ đều biết tìm cái mà mình không biết, nhưng chẳng ai, biết tìm cái mà mình đã biết, đều biết chê cái mà mình cho là không phải, mà chẳng ai biết chê cái mà mình đã cho là phải* » (Khứ-Cự). Hễ cùng một tôn-giáo, cùng một đảng-phái, cùng một quốc-gia hay cùng

một dân-tộc, đều là phải cả, dầu có sai lầm đến đâu cũng nhắm mắt bít tai, bỏ qua tha thứ. Cho là con ruột của mình mà không giống mình, cũng không được nhìn-nhận, mặc dầu mình là « kẻ hủi » ... Là tại sao ? « Con người ở đời, đều thích người ta đồng với mình, mà rất ghét người ta khác với mình » (Tề-Vật-Luận). Phải chăng đó là căn-bệnh nguy-hiểm nhất của loài người, nhất là con người ngày nay !

Ôi ! « Hạng thất mệ, suốt đời không tỉnh. Hạng thật ngu, suốt đời không khôn. Ba người cùng đi, mà có một người mệ, thì chỗ mình định nói đến còn có thể mong đạt tới được, là vì kẻ mệ ít mà người tỉnh nhiều. Nếu ba người cùng đi mà có tới hai người mệ, thì chỗ mình định nói đến không thể mong đạt tới được, là vì người mệ nhiều mà người tỉnh ít. Nay, cả thiên hạ đều mệ, ta đâu có muốn chỉ đường cũng không thể được. Chẳng cũng xót-xa lắm sao ! Tiếng hát hay, không sao lọt được vào tai bọn dân quê : hát lín-lo báy-bay vậy, mà chúng nào-nức vui cười ! Thế nên, lời nói cao, không thể vào được nơi lòng của chúng nhàn. Lời « hay » không thể nói ra được, là vì lời « thô » rất nhiều, đầy lấp thiên-hạ và được kế-lực của bè-đảng ủng-hộ. Lấy hai cái chình bằng

đất, đánh to lên, thì nó lấp cả tiếng chuông đồng ; vậy, cái chỗ mình định nói đến, làm sao đạt tới cho được... Biết là sự chẳng có thể được, mà gượng làm, đó lại còn mé hơn thiên-hạ nữa. Cho nên, thà là bỏ đó mà chẳng suy cầu đến làm gì còn hơn... » (Thiên-Địa).

Tuy vậy, Trang-Tử cũng có nói : « Đồng với ta, cho ta là phải. Không đồng với ta, cho ta là quấy. » Mà đồng với ông và cho ông là phải, chỉ có những hạng người « vô-kỷ, vô-công và vô-danh » như ông. Và phần ấy chẳng phải là không có, tuy rất hiếm ở cái thời chuộng sự thành-công bất-cứ bằng phương-tiện nào.

Viết quyển sách này, tôi hết sức bất-mãn về chỗ không thể nói được hết ý-nghĩ của mình, và trình-bày được hết mọi khía-cạnh của nó. « Thư bất tận ngôn ; ngôn bất tận ý ». Tư-tưởng của Trang-Tử thật là sâu-xa bao-quát vô-cùng. Các học-giả chú-giải hay nghiên-cứu Trang-Tử sở-di có nhiều chỗ không đồng nhau, là vì cái học của Trang-Tử không thuộc về địa-phận của Lý-Trí, mà thuộc về khu-vực của Tâm-Linh Trực-Giác.

Trước hết, ta phải xem nó như một tâm-học

(huyền-học) hơn là một triết-học suông của Lý-Trí, nghĩa là chẳng phải chỉ học nó như ta nghiên-cứu học-hỏi các học-thuyết khác bằng Trí, mà phải dùng đến Tâm để ngộ nó, nghĩa là sống với nó. Nếu không « sống với nó » thì học nó, chẳng qua là một cuộc mua vui cho trí-não nhất-thời, không bổ ích gì cho đời sống tinh-thần, mà ta cũng không làm sao hiểu nó cho thấu-đáo được nữa.

Ở đây, tôi đâu dám tự-hào là đã hiểu Trang-Tử đến nơi đến chốn... Điều ấy ở ngoài cao-vọng của tôi. Tôi đã hết sức muốn gìn-giữ địa-vị khách-quan, nhưng đối với một học-thuyết nhất-nguyên thì bảo bỏ phần chủ-quan cũng khó mà thấyặng chỗ thâm-sâu của lẽ Đạo nhiệm-mầu : ta không thể tách mình ra khỏi sự vật mà hiểu theo quan-niệm nhị-nguyên choặng. Tôi đã nói : nó là Tâm-học, cho nên chẳng những dùng Trí, mà phải dùng cả Tâm để đi ngay vào nó, đồng-hóa với nó, hiểu nó và sống với nó. Chẳng phải kẻ đứng trên dòng sông xem nước chảy, mà là kẻ nhảy xuống dòng nước, bơi lội trong đó, để thí-nghiệm cái chảy của nó.

NGUYỄN-DUY-CÀN

LỜI NÓI ĐẦU

Độc sách Trang-Tử, cũng như của Lão-Tử, đối với một số độc-giả chưa quen-thuộc về Đạo-học-Đông-Phương sẽ có nhiều ngộ-nhận, nhất là đối với người thanh-niên trí-thức của thế-hệ hiện-thời phần đông chịu ảnh-hưởng sâu nặng tinh-thần tư-tưởng Tây-Phương, nên dễ có nhiều nhận-thức sai lầm.

Như vậy, bàn qua một vài đặt-điểm tinh-thần của Đạo-học Đông-Phương nói chung, và của Trang-Tử nói riêng, tưởng không phải là điều vô-ích.

..

I.— *Độc Trang-Tử cũng như độc Lão-Tử « điều quan-trọng, không phải ở những gì các sách ấy nói với ta, mà là ở những gì các sách ấy đã kêu-gọi được nơi ta. »*

Như trước đây trong quyển « Văn-Minh-Đông-Phương và Tây-Phương » tôi đã có viết : « Sự hiểu biết của người Đông-Phương là sự hiểu-biết do mình tìm ra, hoặc nhờ bên ngoài kêu-gọi mà khai-phát. Và chính sự hiểu biết ấy mới thật là hiểu biết. « Sách vở kinh-diễn của Đông-Phương, vì thế phần nhiều dùng một lối văn rất vắn-tắt, hay bóng-dáng mà không lý-luận chặt-chẽ, không minh-chứng dài dòng. Đó là cốt để cho kẻ học-hỏi phải vận-dụng công-phu suy-nghĩ mà lắng nghe cái tiếng dội nơi sâu-thẳm của lòng mình. Họ chỉ kêu-gọi thôi, chứ không cốt để truyền-bá tư-tưởng của họ... Dụng ý của họ là để tạo cái học bề sâu... Sự tối-tăm của câu văn có cái hấp-dẫn của nó là kích-thích óc tò-mò, sự tìm hiểu ẩn ý của người viết và nhân đó giải-phóng những tiềm-lực sâu-thẳm của lòng mình... Không khác nào ánh-sáng Thái-dương giúp cho trăm hoa đua nở nhưng cây nào nở hoa nấy »

..

II.— Lại nữa, như nhà văn Jean GRENIER đã lưu ý ta về tinh thần của Đạo-học Đông-Phương :

« trình bày một giáo-lý nào, dù sự trình-bày ấy có thuận-lợi cho giáo-lý ấy bực nào, cũng không có nghĩa là người ta mong ước nó được thừa nhận. Các bậc uyên-thâm về Đạo-học, chính họ có mong ước được như thế không ? Tuyệt-đối là không, vì sự truyền giáo là điều mà họ kỵ nhất ».

Là tại sao ? Theo Trang-Tử, không có ai có thể giải-thoát được cho mình, ngoài mình cả. Hơn nữa, không có một cái hoàn-thiện nào có thể xem là hoàn-thiện mẫu cho tất-cả mọi người và mọi vật trên đời.

Hiện-tượng của cái Sống thì thiên-hình vạn trạng không riêng gì trong các loài vật, mà ngay cả trong loài người : Mỗi người đều có một bản-sắc mà không một ai giống ai, cũng như trong các loài hoa, loài đá v.v... Hoa cúc mà thực-hiện được cái tận-thiện tận-mỹ của nó là khi nào nó trở thành được một đóa hoa cúc hoàn-toàn, chứ không phải bắt chước mùi-hương, sắc-đẹp hay hình thức của đóa hoa lan. Cái hoàn-thiện của hạt kim cương sẽ không giống với cái hoàn-thiện của viên ngọc-bích, cũng như cái hoàn-thiện của con chó không giống với cái hoàn-thiện của con mèo. Và như vậy, không bao giờ có một tôn-giáo, xã-hội hay luân-lý có tổ-chức nào có thể giúp cho mỗi người thực-hiện được

cái toàn-thiện của mình cả. Nhà văn Tây-Phương W. BLAKE có nói: « Một cái luật thiết-lập chung cho cả loài sư-tử và trâu-bò, đó là áp-chế ». Dù cho là Thích-Ca, Jésus hay Lão-Tử, Mahomet... không có đấng nào có thể được xem là gương tận-thiện cho tất-cả loài người. dù những bậc ấy mỗi người đã thực-hiện được cái tận-thiện của mình. Bởi vậy, các nhà Đạo-học không bao giờ tuyên-truyền khuyến-dụ ai phải theo mình cả, vì một lẽ rất giản-đĩ là không có ai dạy ai được cả, vì không có cái tận-thiện nào có thể xem là tận-thiện-mẫu cho tất-cả mọi người. Cái học về Tề-Vật và Tiêu-Diệu của Trang-Tử cho ta thấy rằng « vật nào cũng có cái tánh Tự-nhiên của nó, không vật nào giống vật nào cả. Bởi vậy, ta phải biết chịu chỗ khác-biệt nhau đó, nghĩa là phải biết nhìn-nhận sự « bất-bình-đẳng tự-nhiên » của sự-vật mà đừng đem tư-tám mong bình-đẳng-hóa nhất-luật tất-cả mọi người mọi vật trong thiên-hạ. Biết nhận sự « bất-bình-đẳng tự-nhiên giữa vạn-sự vạn-vật, tức là phải biết kính-trọng chỗ riêng-biệt của mỗi vật, nghĩa là cái Tánh tự-nhiên của mỗi vật mà không xen vào làm trở-ngại sự phát-triển tự-nhiên của nó, hay sửa đổi uốn-nắn nó theo một công-thức giả-tạo nào khác bản-tánh của nó. Không xen vào làm trở-ngại hay làm hư-hoại Tánh tự-nhiên của mỗi

vật, là để cho được mỗi vật sống « tiêu-diêu » nghĩa là tự-do theo cái sống của nó, tự-do phát-triển cái Tánh Tự-nhiên của nó. Một hành-động được gọi là hành-động tự-do, khi nào trong hành-động ấy, ta đã biểu-lộ được cả cái Người thâm-sáu, thành-thực của ta, theo ta, chứ không phải theo kẻ khác, theo một giáo-lý hay theo một mẫu người lý-tưởng nào ngoài ta. Sống theo mình, là Tự-Do, là Hạnh-Phúc, « sống theo kẻ khác, là Nô-lệ, là Đau-khổ ».

Và như thế, thì sự tuyên-truyền khuyến-dụ để cho thiên-hạ cùng theo, phải chăng là đi làm cái việc khuyến-dụ kẻ khác « xá kỷ thích nơn » phản lại quan-niệm « các sinh kỳ sinh », « các an kỳ mạng » của Tiêu-Diệu rồi còn gì ! Cho nên đối với những ai theo tôn-chỉ của Đạo, « sự truyền-giáo là điều mà họ kỵ nhất » không có gì lạ cả.

III.— Nhưng cái tinh-thần đặc-biệt nhất của Đạo-Học Đông-Phương nói chung và của Lão Trang nói riêng là tánh-cách lù-mù và bao-trùm trong cách dùng từ-ngữ cùng phép trình-bày đại-lược.

Điều khó-khăn nhất của các học-giả Tây-Phương, hay của nhiều học-giả Đông-Phương chịu ảnh-hưởng quá nặng văn-hóa Tây-Phương là không thể chịu được

những lối tư-tưởng lù-mù, lưng-chùng của các hệ-thống tư-tưởng của Đông-Phương, nhất là của cái học Lão Trang hay Phật-giáo Đại-thừa chẳng hạn. Trước sự sáng-sủa rõ-ràng của văn-từ cùng cách lập-luận và phổ-diễn của người Tây-phương, người chúng ta ngày nay được giáo-hóa theo phương-pháp-luận cùng văn-pháp của Tây-Phương rất lấy làm bất-mãn, nếu không nói là khinh-thường cái học cổ-huyền ấy của Đông-Phương.

Phần đông các học-giả Tây-Phương, ngay những học-giả có một vốn Hán-học hay Ấn-học sâu-sắc nhất cũng đã tỏ ra có một ý-niệm, rất mơ-màng về bản-chất của nền Triết-học Đông-Phương, của Ấn-Độ và Trung-Hoa cổ điển. Tôi không tin rằng họ bất-tài hay bất-lực, mà lại tin rằng có lẽ vì cái bản-chất thiên-hình uyển-chuyển rất khó nắm được của các loại tư-tưởng Ấn-Độ và Trung-Hoa ngày xưa, thật rất xa-lạ đối với khối óc nhị-nguyên và khoa-học thiên về Lý-Trí của người Tây-Phương ngày nay.

Cách biểu-diễn và suy-tư của người Tây-Phương rất liên-lạc hệ-thống: cái gì họ nói ra thì nói rất minh-bạch, nghĩa là trắng ra trắng, đen ra đen không thể nào lẫn-lộn với nhau được. Nhưng với người

Đông-Phương thì không thế như vậy được nữa. Trong Dịch-Kinh, nền-tảng của Triết-học Trung-Hoa, ngay ở những nguyên-lý đầu-tiên ở Hệ-Từ, cũng đã nói rõ: « nhất âm, nhất dương chi vị Đạo ». Tuy hai lẽ ấy mâu-thuẫn nhau, nhưng vẫn không bao giờ rời nhau và đơn-phương tồn-tại. Từ một vật cực-tiểu như nguyên-tử hay một vật cực-đại như Vũ-Trụ, luật âm dương mâu-thuẫn vẫn chi-phối như nhau. Vì vậy, tư-tưởng của Đông-Phương Đạo-học không chịu có sự phân-tích, lại càng không thể hệ-thống-hóa và đặt sau danh-từ « duy » gì cả, duy-tâm hay duy-vật, duy-linh hay duy-thức v. v... Và dĩ-nhiên không thể còn dùng đến lý-trí mà suy-luận được nữa.

Một học-giả Tây-Phương rất tinh về tinh-thần tư-tưởng của Đạo-học Đông-Phương đã nhận thấy rất đúng: « Tây-Phương có xu-hướng thích phân chia sự-vật thành từng khu-vực, thành từng vấn-đề riêng-biệt. Nào là vấn-đề « Ngã » và « Phi-Ngã », tôn-giáo và triết-học, luân-lý đạo-đức và đời sống thực-tế... Giữa Thượng-đế và Con-Người và loài vật cùng thiên-nhiên đều có một ranh-giới không thể vượt qua, khiến cho người Tây-Phương rất công-phẫn mỗi khi họ cảm thấy không làm sao sắp đặt một yếu-tố nào vào hạng loại đã định sẵn nào, một

cách phân-minh. Dĩ-nhiên, sự phân-tích là cần-thiết trước khi tổng-hợp, và biết phân-tích kỹ-càng trước khi hành động, đó là một tính tự-nhiên cần thiết cho tư-tưởng của con người. Nhưng, nếu sau khi phân-tích, lại không biết lo tổng-hợp lại, tổng-hợp cả bên ngoài lẫn bên trong, thì còn có lợi-ích gì nữa ? Vì dù sao, con người là một cái toàn-thể duy-nhất, chẳng khác nào một chiếc máy thu-thanh : mỗi yếu-tố về thể-chất, về tình-cảm và trí-lực, về tinh-thần, về đạo-đức... chỉ có ích-lợi và giá-trị là khi nào các yếu-tố ấy phụ họa vào Toàn-thể, và nó sẽ có thể hiểu được và dùng được là khi nào tất-cả mọi yếu-tố phụ-thuộc và rời-rạc kia chung sức lại để phục vụ cho toàn-thể cơ khí hay cơ-thể. Tây-Phương mà càng lo phân-chia ngăn-cách mãi, thì chỉ sẽ đi đến rời-rạc và hỗn-loạn

« Còn lập-trường tư-tưởng của Đông-Phương thì lại có thể tóm-tắt trong hai câu này của hai nhà đại văn-hào Đông-Phương là Sir Mohamed IQBAL và Rabindranath TAGORE.

« Bàn về triết-học Sir Mohamed IQBAL nói :
« Cái Lẽ hợp-nhất của tất-cả mọi vật hiện-hữu thật đã quá rõ-ràng khiến cho tôi dám tin rằng nếu ta

châm cây kim vào cánh hoa hồng, cánh hoa sẽ nhỏ ra một giọt máu người. »

Còn Rabindranath TAGORE thì cho ta phương-pháp thực-hiện bằng con đường hỗn-hợp điều-hòa với vạn-sự vạn-vật Đối với người Đông-Phương, người ta không thể bao giờ nhận được rằng một lời nói có giá-trị xác-thực về khoa-học mà lại có thể trái ngược lại với tôn-giáo ; và cũng không thể bao giờ tưởng tượng được rằng người ta chỉ cần dành riêng vài giờ trong tuần để cầu-nguyện là đã làm được đầy-đủ bốn-phận đối với Thượng-đế rồi ; và cũng không thể bao giờ tưởng-tượng được rằng người ta lại có thể chuyên-tâm chế-tạo các khí-cụ mãnh-liệt mà không lưu-ý đến mục-đích sử-dụng khí-cụ ấy...

« Quan-niệm về sự Tổng-Quan và Toàn-thể ấy, dĩ-nhiên lại dắt-dẫn người Đông-Phương đến một ý-niệm khác về sự *liên tục* giữa các sự-vật, mà không thể nhận có được những điều « cắt xén nhân-tạo » sự-vật ra từng mảnh-mún do Lý-Trí tạo ra để dùng vào những mục-đích thực-tiến. Phân-biệt không-khí với thượng-tàng không-khí, phân-biệt óc thông-minh với linh-tính, phân-biệt màu da đen với màu da trắng... có lẽ rất hữu-ích cho các nhà bác-học đây,

nhưng Tây-Phương thường ngây-thơ nghĩ rằng những danh-từ ấy thích-ứng và biểu-hiệu cho những vật thực-tại cách-biệt rành-rẽ, và do đó mới có sự lẫn-lộn những bản lược-đồ với những gì gọi là thực-tại. Các tín-đồ Phật-Giáo và Ấn-Độ-Giáo lại còn đi xa hơn nữa trong cái ý-niệm về sự liên-tục này, và cho rằng không bao giờ có sự phân-chia cách-biệt gì cả, đừng nói là có sự gián-đoạn giữa Thượng-Đế, Linh-hồn con người, loài Vật và các loài Vật vô-tri: thảy đều là Một » (:))

Vì vậy, tư-tưởng và cách biến-diễn bằng văn-từ của người Đông-Phương bao giờ cũng có cái hình-dáng mập-mờ, hư-hư thực-thực... thiếu sự rõ-ràng dứt-khoát của những thứ chân-lý một chiều và quả-quyết của Tây-Phương hay Đông-Phương nghiên-học.

Xem ngay như tư-tưởng trong Nho-học và Lão-học, tuy khác nhau xa (nhưng cùng một nguồn-gốc siêu-hình đầu tiên của triết-học Trung-Hoa là kinh Dịch) vẫn đều có một tánh-cách chung này là vừa mâu-thuẫn, vừa bao-trùm và vô-cùng uyển-chuyển.

(*) Cc que l'Occident peut apprendre de l'Orient (Synthèse, Bruxelles) par Jean HERBERT.

Chính học-thuyết của Khổng-Tử có tánh-cách thực-tế hơn hết, rất dễ hiểu đối với người Tây-Phương và đã được học-giả Tây-Phương bàn đến rất nhiều, thế mà thực-sự người Tây-Phương họ đã hiểu như thế nào, hay là phần-đồng cũng chỉ tưởng mình đã hiểu một ông Khổng-Tử thủ-cụu, tùy-thời, một chánh-trị-gia và một nhà tư-tưởng tầm-thường có cao-vọng chiết-trung và dung-hòa mọi việc mà không có ý-kiến gì là tán-kỳ cả? Sau lưng cái ông Khổng-Tử thủ-cụu « tổ-thuật Nghiêu Thuấn, hiền chương Văn-Vũ » ấy, một chánh-trị-gia tầm-thường đó, người ta đã quên đi ý đến một ông Khổng-Tử « vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã » một ông Khổng-Tử « vô khả, vô bất khả » mà tư-tưởng lưu-động bao-trùm muôn mặt, một ông Khổng-Tử tâm-lý-gia sáu-sắc, một đạo-đức-gia tế-nhị, một biện-chứng-gia rắn-rỏi đã thốt ra câu « thế giả như tư phù, bất xả trú-dạ » ! Ta phải lấy ông Khổng-Tử thứ hai này làm cơ-sở cho ông Khổng-Tử kia. Cái Đức cao-nhất của Nho-học phải chăng là đức Nhân? Nhân là gì, nếu không phải là Chánh Tâm, Thành Ý, sự điều hòa của những mối mâu-thuẫn đầu tiên giữa Người và Ta. Trong khi giảng dạy, Khổng-Tử bao giờ cũng tùy trình-độ của mỗi đệ-tử mà định-nghĩa một cách miễn cưỡng và tạm thời: « tùy thời chi

nghĩa, đại kỳ tai ! ». Như vậy, ta thấy rằng ngay ở những tư-tưởng thực-tế và tâm-thường nhất của Nho-gia cũng chưa thể có được một định nghĩa dứt-khoát và rõ ràng, trái lại, thường lại có tánh cách lưu động biến-chuyển vô-cùng.

Nhưng, những thứ tư-tưởng lưu-chuyển biến hóa không sao nắm được là những tư tưởng siêu hình của Trang Lão. Theo Tư-Mã-Thiên, theo Sử-Ký, chính Khổng-Tử còn phải nhìn-nhận rằng: « Lão-Tử như con Rồng » (Ngô kim kiến Lão-Tử kỳ do long da !). Có lẽ cho rằng lời nói đầy của Khổng-Tử là có ý chê Lão-Tử là con người hão-huyền, và học-thuyết của ông không-tưởng. Người ta đã quên rằng « Rồng » trong Kinh Dịch là tượng-trưng cho sự biến-hóa hay là dịch-hóa. Tư-tưởng của Lão-Tử rất uyển-chuyển, không bao giờ có thể định-nghĩa một chiều, thường biểu-diễn bằng những danh-từ cường-dụng có hai chiều xuôi ngược mâu-thuẫn. Đọc tư-tưởng của Lão-Tử mà cứ hiểu theo nghĩa một chiều và dứt-khoát thì không làm gì hiểu đúng được loại tư-tưởng ấy như những câu « đại thành nhược khuyết », « đại doanh nhược xung », « đại trực nhược khuyết », « đại biện nhược nột » v.v... ... Còn Trang-Tử thì lại càng huyền-ảo hơn nữa. Trong thiên Tề-Vật ông nói: « Đạo chiêu nhi bất

Đạo ; ngôn biện nhi bất cập ». Đạo mà sáng thì không phải Đạo ; lời mà rõ-ràng thì không đến chốn. Lão-Tử cũng đã có nói: « Tục nhơn chiêu chiêu, ngã độc hôn-hôn ; tục nhơn sát-sát, ngã độc muộn-muộn » (Người đời sáng-chói, riêng ta mịt mờ ; người đời phân-biến, riêng ta hỗn-độn). Đạo mà chói sáng, tỏ rõ, tức là Đạo bị chia phân, theo hầu một bên Thị hay Phi rồi. Cho nên Đạo mà như thế, không còn phải là Đạo-Một hay Bất-Nhị nữa. Đạo thì dường như mịt-mờ, nửa tối nửa sáng, lẫn-lộn thị phi. Nếu lại có sự biến-biệt rõ-ràng thì là Đạo không đầy-đủ, chỉ có cái bề mặt mà thiếu cái bề trái của nó, nên mới nói « lời mà rõ-ràng là không đến chốn ». Thế nên Lão-Tử mới nói: « Đạo khả Đạo, phi Thường Đạo », và « tri giả bất ngôn, ngôn giả bất tri ». Thật có đúng với câu này trong sách Kybalion: « Tout est double (...) toutes les vérités ne sont que des demi-vérités, tous les paradoxes peuvent être conciliés » (Thấy đều có hai mặt (...) tất-cả những chân-lý nói ra chỉ là những phân-nửa chân-lý mà thôi, tất-cả mọi nghịch-thuyết đều có thể dung-hòa). Tư-tưởng của Trang-Tử và Lão-Tử đều là một thể cả. Trang-Tử viết: « Vật vô phi bỉ, vật vô phi thị... thị diệc bỉ dã, bỉ diệc thị dã ». Vật, không vật nào là không phải « đấy », không vật nào

là không phải « đó » (...) « Đó » cũng là « đây », mà « đây » cũng là « đó ». Thật không khác nào tư-tưởng của Phật-Giáo Thực-Đại-Thừa như « phi hữu phi không, diệc hữu diệc không », « sắc bất dị không, không bất dị sắc... », « sắc tức thị không, không tức thị sắc » (sắc không khác gì không, không chẳng khác gì sắc, sắc tức là không, không cũng tức là sắc) : thấy đều là Một. Okakura KAKUZO cũng nhận rằng : « Các bậc Thánh - trí ngày xưa ở Đông-Phương không bao giờ trình-bày học-thuyết tư-tưởng của mình bằng sự quả-quyết một chiều. Họ nói toàn bằng giọng nghịch-thuyết mâu-thuẫn... là vì họ sợ đưa ra những chân-lý nửa chừng... ».

Và bởi thế mà văn Trang-Tử toàn dùng nghịch-thuyết (paradoxe), nói nghịch là để bổ-túc những chân-lý thường phiến-diện của thế-nhân. Giọng trào-lộng u-mặc thượng-thừa của Trang rất xứng-đáng là tị-tố văn-học u-mặc (humour) của Trung-Hoa. Và bởi phần đông không rõ bút pháp u-mặc ấy nên đã gán cho ông là khinh thể ngạo vật. Không rõ công-dụng của nghịch-luận u-mặc của Trang-Châu thì không bao giờ có thể hiểu được văn-học của phái Thiền (Zen) Trung-Hoa.

Bất-đắc-dĩ mà nói, thì chỉ nói một cách hết sức là miễn-cưỡng, và người đọc cần phải nhận thấy, một cách tinh-tế những gì gọi là « ý tại ngôn ngoại », bởi « thư bất tận ngôn, ngôn bất tận ý ». Chính Khổng-Tử còn phải than : « dư dục vô ngôn » và « thiên hà ngôn tại » thay ! Chính cũng vì những lẽ đã nói trên, mà kho tàng triết-học Đông-Phương thường biểu-diễn bằng phép ngụ-ngôn.

Nhân thế, ở Đông-Phương không có những triết-gia với những thứ triết-học suông, mà phần nhiều là những hiền-giả hay thi-sĩ với cái nghĩa thâm-sâu thiết-thực của nó. Hiền-giả là những người sống với cái triết-lý của họ, còn thi-sĩ là những người đã sống huyền-đồng cùng thiên-nhiên và tạo-vật. Tóm lại, Hiền-giả và Thi-nhân là những kẻ « tri hành hợp nhất », cho nên mới nói rằng triết-học Đông-Phương vốn là Đạo-học hơn là Triết-học. Vậy đọc Trang-Tử và muốn hiểu được Trang-Tử một cách thâm-sâu, cần nhất là phải có những thực-nghiệm bản-thân học-thuyết ấy nghĩa là phải sống trong học-thuyết ấy.

Vì những lẽ nói trên, ta không thể trách sao tư-tưởng, ngôn-ngữ cùng cách lập-luận trong sự trước thư lập ngôn của người Đông-Phương thường kém mạch-lạc, kém sự sáng-sủa hơn trong tư-tưởng cũng như trong ngôn-ngữ, trong cách lập-luận và trong phép trước thư lập ngôn của người Tây-Phương. Mỗi bên đều có những sở-trường sở-đoán. Đạo-Học Đông-Phương cũng như Khoa-Học Tây-Phương, dụng-cụ phát-huy và phổ-biến tư-tưởng của đôi bên phải có khác nhau. Vì đã nhận thức sai lầm sứ-mạng của hai thứ văn-hóa ấy mà người Tây-Phương cũng như người Đông-Phương đã vô-tình xuyên-tạc châm-biếm, hay công-kịch lẫn nhau, đó là điều mà hạng thức-giả ngày nay nên lưu-ý tránh xa. Phải có đúng như nhà văn MAT - GIOI đã nói : « Cao vọng của người Tây-Phương trong khi phổ-bày tư-tưởng là để được hiểu ; còn cao vọng của người Đông-Phương là để được nói đúng với sự thật ». (*L'ambition de l'Occidental est d'être compris, l'ambition de l'Oriental est d'être vrai*). Mà sự thật ấy là Đạo, là cái mà Trang-Tử đã nói « Đạo chiều nhi bất Đạo, ngôn biện nhi bất cập » và « biện dã giả, hữu bất kiến dã ».

Đây là điểm đặc-biệt nhất, nếu đọc sách về Đông-Phương Đạo-Học mà không lưu-tâm chú-ý sẽ có thể đi đến sự ngộ-nhận để rồi như một nhà học-giả kia lên án Trang-Tử là « giảng về Thần không được rõ-ràng. Về mối quan-hệ giữa Thần và người lại còn hàm-hồ hơn, chỉ nói lơ-mơ đại-khái rằng con người nên thuận theo Đạo mà sống, thuận theo Đạo mà chết, từ Đạo mà ra rồi lại quay về với Đạo... Vì cái đại-tiên-đề về Thần Trang-Tử nói không được rõ-ràng như vậy, cho nên nhân-sinh-quan của ông, theo đó, cũng chỉ lơ-mơ đưa ra cái chủ-trương tiêu-cực thoái-hóa... (*) Học-thuyết Trang-Tử sở-di bị gọi là « lơ-mơ », « hàm hồ »... là vì đã bị nhìn bằng cặp mắt nhị-nguyên, chuyên dùng Lý-Trí của Tây-Phương Khoa-Học, và Đông-Phương thực-vật-học.

..

IV.— Ngoài những điểm nói trên, lại còn một điểm nữa mà những người chưa quen lối lập-ngôn của Trang-Tử dễ bị hiểu lầm.

(*) « Nhân-sinh-quan Trang-Tử » của Trương-Chấn-Đông đăng trong tạp-chi Hiện-dại Học-Nhan x. b. ở Đài-Loan (theo bản dịch của Giản-Chi) đăng ở báo Mai số (23-24).

Bàn về một lẽ cao-siêu huyền-diệu, có thể cảm được mà không thể nói ra được bằng những lời nói thông-thường nhi-nguyên, cho nên ông phải dùng đến « ngụ-ngôn » rồi mượn « trùng-ngôn » mà làm sáng-tỏ thêm lên. Trong đó sự-tích tuy có thật mà câu-chuyện giả-thác lạ-lùng. Đó là cách dùng cụ-thể để giải-thích trừu-tượng. Khi lại dùng « chi-ngôn », tức là thuật miệng nói ra, bất-lẽ là đúng hay không đúng với lịch-sử.

Như vậy, ta thấy rõ ràng: không có một sự-kiền nào có thể gọi là sự-kiền lịch-sử cả trong sách Trang-Tử. Những nhân-vật trong các bài ngụ-ngôn, dù có tên thật trong lịch-sử đi nữa, đều là không đúng với sự thật, cũng như những nhân-vật mà ông đã tạo ra. Toàn là những phương-pháp hành-văn của ông mà thôi. Đừng bao giờ tin là có thật, nhất là những lý-luận do miệng Khổng-Tử thốt ra đều là giả-thác cả, bày ra để làm trò. Có nhiều học-giả vô-tình, không hiểu lẽ ấy, nên đã có nhiều nhận-thức sai lầm đáng tiếc, vì đã thành-thật tin rằng đó là những lời nói xác-thực của Khổng-Tử.

Khổng-Tử trong sách Trang-Tử chỉ là người đứng chịu đạn, dùng làm cái bia cho những mũi tên trào-lộng của Trang, thường được trình-bày dưới ba hình-thức và thái-độ như sau :

1.— Khổng-Tử đóng vai-trò của người chủ-trương những thuyết giả-tạo, phản tự-nhiên, và dĩ-nhiên ông là kẻ đối-phương của cái học của Trang.

2.— Khổng-Tử lại cũng đóng vai là một bậc Thầy đã ngã theo cái học của Lão-Trang và giảng lại cho các đệ-tử mình cái học của Lão-Trang thuần-túy. Đây là hoàn-toàn bịa ra, để chỉ rõ sự còn thiếu kém trong học-thuyết của Nho-gia và đồng thời cũng nêu lên những cái hay đặc-biệt của Đạo-học. Ở đây độc-giả cần để ý: đừng bao giờ cho đó là những lập-luận và ý-kiến của Khổng-Tử, mà oan cho Khổng-Tử.

3.— Tuy vậy, cũng có một vài nơi. Khổng-Tử lại là đại-diện cho học-thuyết mình, nhưng đây là phần ít nhất và toàn là ngụ-thơ, chắc chắn không phải của Trang-Tử hoặc các đệ-tử hay các nhà Trang-học thêm vào, mà chính là do tay các nhà Nho pha vào để khuấy rối.

Đọc sách Trang-Tử, cần phải đề-phòng lối văn ngụ-tác này, nhất là ở Tập-thiên. Bởi vậy, có người đã khuyên ta, nếu muốn rõ được giáo-lý của Trang-

Lão, cần phải biết qua về Nho-học và trái ngược lại (). Lời khuyên ấy rất đúng.*

Sau hết, một trở-ngại khá quan-trọng khiến cho độc-giả thường dễ bị ngộ-nhận, là lối văn trào-lộng u-mặc của Trang-Tử.

U-mặc thì phải dùng đến *ngịch-luận* (paradoxos), tức là nói nghịch lại với cách suy-luận của thế-nhân. Nhiều người chưa rõ, đã gán cho Trang có cái giọng « *khinh thế ngạo vật* », kỳ thực sự nói nghịch của ông không phải để phủ-nhận mà là để bổ-túc những chân-lý một chiều, cốt để « cười » lên cái nhìn phiến-diện của những kẻ mù mờ voi, đĩnh-ninh cái lẽ Phải của mình là cái lẽ Phải tuyệt-đối. Tôi đã dành riêng cả một quyển sách để nói lên khía-cạnh u-mặc này :

« *Cái Cười của Thánh-Nhân* », xin miễn nói thêm nữa.

Sài-thành ngày 22-9-1963

THU-GIANG

(*) « *L'on ne peut bien comprendre le Taoïsme si l'on ne possède quelque connaissance du Confucianisme et réciproquement* ».

Le Livre du Thé — OKAKURA KAKUZO (Payot — Paris. 1931) p. 55.

CHƯƠNG THỨ NHẤT

I

A. LƯỢC-SỬ

B. SÁCH CỦA TRANG-TỬ

1. Phân-biệt các thiên
2. Vấn-đề chân-ngụy trong các thiên chương
 - a) So-sánh nội-thiên với các thiên khác.
 - b) Vấn-đề chân-ngụy trong ngoại và tạp-thiên.
 - c) Vấn-đề chân-ngụy trong nội-thiên.
3. Bàn về văn-học của Trang-Tử
4. Bàn về phép đọc sách Trang-Tử.
5. Bàn về các nhà chú-giải Trang-Tử

A.— LƯỢC-SỬ TRANG-TỬ

TU-MÃ-THIÊN, trong *Sử-Ký*, chương « *Trang-Tử Liệt-truyện* » (莊子列傳) nói : « *Trang-Tử, người xứ Mông 周, tên Châu 蒙* ». Nhưng không thấy nói là người nước nào.

PHI-NHÂN trong *Tập-giải 集解* dẫn *Địa-lý-Chí 地理志* ra mà nói : « *Huyện Mông, thuộc về nước Lương 梁. Còn TU-MÃ-TRINH 司馬貞 trong Sách-Ẩn 索隱 dẫn lời của LƯU-HƯỚNG 劉向 trong Biệt-Lục 別錄 lại nói : « Người xứ Mông, nước Tống »* Vậy, Trang-Tử là người nước nào ? Lương hay Tống ?

MÃ-TỰ-LUÂN 馬叙倫 trong quyển *Trang-Tử Tống-nhơn-Khao 莊子宋人考* nghiên-cứu về hai thuyết này rất kỹ, và kết-luận một cách quả-quyết : Trang-Tử là người nước Tống.

Họ Mã cho rằng Trang-Tử sống vào khoảng Lương-Huệ-Vương nguyên-niên cho đến Triệu - Huệ - Văn nguyên-niên. Lương-Huệ-Vương nguyên-niên thuộc về khoảng năm thứ 6 đời Châu-Liệt-Vương, còn Triệu-Huệ-Văn nguyên niên thì ném vào khoảng Châu-Năng Vương năm thứ 17. Thế thì chiếu theo tây-lịch, Trang

Tử sống trong khoảng 370 và 298 trước tây-lịch kỷ-nguyên, nghĩa là đồng thời với Mạnh-Tử và Huệ-Tử bên Á, và Aristote, Zénon, Epicure bên Âu.

Sự-tích truyền lại về đời sống của Trang-Tử thật là mơ-hồ, không có chi có thể tin là đích-xác được. Tuy nhiên, đứng về phương-diện học-thuật, nó vẫn có cái giá-trị đặc-biệt của nó.

Ông thường giao-du thân-mật với Huệ-Thi người nước Tống và cùng thường biện-nạn với nhau luôn. Trong sách Trang-Tử rất có nhiều sự tích về sự tranh luận của hai nhà.

« Trang-Tử cùng Huệ-Tử đứng chơi trên cầu sông Hào. Trang-Tử nói : « Đàn cá xanh bơi lội thung-dung. Cá vui đó. » Huệ-Tử nói : « Ông không phải cá, sao biết cá vui ? »

Trang-Tử nói : « Ông không phải tôi. sao biết tôi không biết... ! » Huệ-Tử nói : « Tôi không phải ông, nên không thể biết được ông, còn ông không phải cá, ông cũng hẳn không sao biết được cái vui của cá. » Trang-Tử nói : « Xin xét lại câu hỏi đầu : Ông hỏi tôi làm sao biết cá vui... Đã biết là tôi biết ông mới có hỏi « làm sao mà

biết ». Thì đây, làm như vậy : Tôi đứng trên cầu sông Hào mà biết đó. » (Thu-Thủy)

Về sau, Huệ-Tử mất. Một khi Trang-Tử đi qua mộ ông tỏ ý thương-tiếc : « Từ khi ông mất, tôi không còn cùng ai bàn-bạc chất-vấn được nữa !

Đủ biết, Trang-Tử và Huệ-Tử đi lại rất thân nhau vậy.

Gia-đình ông như thế nào, sử không thấy nói. Chỉ biết ông có vợ, và vợ ông chết. Thiên Chi-Lạc, có câu chuyện này : « Vợ Trang-Tử chết. Huệ-Tử đến吊. Thấy Trang-Tử ngồi dưới xoác hai chân vừa vỗ bần vừa ca. Huệ-Tử nói : « Cùng người ở tới già, có con lớn mà người chết lại không khóc, cũng đã là quá lắm rồi, lại còn vỗ bần ca, không thái quá sao ? » Trang-Tử nói : « Không. Lác nàng mới chết, tôi sao chẳng động lòng. Nhưng nghĩ lại hồi trước, nàng vốn là không sanh. Chẳng những là không sanh, mà đó vốn là không hình. Chẳng những không hình mà đó vốn là không khí. Đó, chẳng qua là tập-chất ở trong hư-không biến ra mà có khí, khí biến ra mà có hình, hình biến ra mà có sanh rồi lại biến ra nữa mà có tử. Sanh, hình, khí, tử có khác nào Xuân, Hạ, Thu, Đông, bốn mùa hành-vận. Và lại, người ta nay đã nghỉ yên nơi cụ-thất (nhà lớn)

mà tôi còn cứ than khóc chẳng là tự tôi không thông Mạng. Nên tôi không khóc. » (Chi-Lạc).

* *

Đời ông rất nghèo... Gần như cơ-hàn. « Trang-Tử, nghèo túng... Sang Giám-hà Hầu vay lúa Giám-hà Hầu nói : « Tôi có cái ấp sắp nộp tiền lúa. Tôi sẽ giúp ông trăm lượng. Có được không ? »

— Trang-Tử giận nói : « Hôm qua, khi Châu đến đây giữa đường nghe có tiếng kêu. Ngánh lại trông, thì thấy một con cá đang vùng vẫy trong cái vết bánh xe Châu tôi hỏi : « Cá đến đây làm gì ? ». Cá nói : « Tôi là thủy-thần ở biển Đông, ông có thể giúp tôi một tô nước để cứu tôi không ? » Châu tôi nói : « Để tôi qua chơi bên phía Nam nước Ngô nước Việt rồi khi về, tôi sẽ lấy nước Tây-giang về đón người. Có được không ? » Cá giận nói : « Tôi đang cần nước, ông chỉ cho tôi được một lít là đủ sống. Nay nói như ông đợi đến lúc ông về thì đến hàng cá khô, thấy tôi nơi đây » (Ngoại-vật).

Ở thiên Sơn-Mộc cũng nói : « Trang-Tử bận áo vải mà vá, giày cột bằng dây gai... Gặp Ngụy-Vương. Ngụy-Vương nói : « Tiên sanh khờ-não thế ư ? » Trang-tử nói : « Nghèo chớ không khờ-não. Kề sĩ có đạo-đức, không bao giờ khờ-não. Áo rách, giày hư là nghèo, chẳng phải khờ. Đó chẳng qua là không gặp thời mà thôi. Phàm con khi nhảy

nhót dặng thông-thả là nhờ gặp được rừng cây to nhánh dài, rơn tru dai-dẻo. Dầu cho bực thiện-xạ như Phùng-Mông cũng không sao hạ nó được. Nếu nó rúi phải gặp cây khô, gai-góc thì sự hoạt-động ắt khó-khẩn chậm-chạp. Cũng thời một con thú : cũng xương ấy, gân ấy mà sự cử-động dễ khó khác nhau. Hoàn-cảnh không thuận làm cho nó không tự-do dùng hết sở-năng của nó. Nay, sanh không nhằm thời, trên thì hôn ám, dưới thì loạn tặc, lại muốn không cực-nhọc có dặng không ?...

Ông là người tay nghèo, nhưng luôn luôn thanh-cao điềm-đạm. Tài trí ấy, nếu muốn lợi danh hẳn là có ngay danh lợi. Nhưng ông một mực chối từ... Sở Uy-Vương đã từng vời ông ra làm quan mà ông không nhận :

« Trang-Tử câu trên sông Bộc. Sở-Vương sai hai quan đại-phu đem lễ-vật mời ông ra làm quan. Trang-Tử cầm cần câu không nhúc-nhích cũng không thèm nhìn lại, nói : « Tôi nghe vua Sở có con thần quy chết đã 3.000 năm. Vua Sở quý nó và cất trên miếu đường. Con quy ấy, chịu chết để lưu lại cái xương cho người ta quý trọng, hay lại chịu thà sống mà kéo lê cái đuôi mình trong bùn ? » Hai vị đại phu nói : « Thà sống mà kéo lê cái đuôi trong bùn còn hơn » Trang-Tử nói : « Thôi, về đi. Ta đây cũng chịu kéo lê cái đuôi của mình trong bùn... » (Thu-Thủy).

* *

« Trang-Tử gần chết. Đệ-tử muốn hậu táng. Trang-Tử nói : « Ta có trời đất làm quan-quách, nhật nguyệt làm ngọc bích, tinh-tá làm ngọc châu, vạn vật làm lễ tống. Đám táng của ta như vậy không đủ sao, mà còn thêm chi vô nữa ? »

Đệ-tử nói ; « Chúng con sợ điều quạ ăn xác thầy ! »

Trang-Tử nói : « Trên thì điều quạ ăn, dưới thì gười kiến ăn. Cướp đây mà cho đó, sao lại thiên-lịch thế ! » (Liệt-Ngự-Khẩu).

B. — SÁCH CỦA TRANG-TỬ :

I. — Phân biệt các thiên :

Sách của Trang-Tử hiện thời chỉ gồm trong một bộ *Nam-Hoa-Kinh*.

— Theo « *Hán Thư Nghệ-Văn chí* » (漢書藝文志) thì sách *Nam-Hoa-Kinh* có 52 thiên. Nay chỉ còn lại 33 thiên, phân ra làm 3 phần : *Nội-thiên*, *Ngoại-thiên* và *Tạp-thiên*. Phải chăng vì người sau như Quách-Tượng đã dồn lại và phân thiên chương, hay vì người sau đã làm lạc mất đi 19 thiên kia ?

Nội thiên gồm có 7 thiên :

Tiêu-Diêu-Du
Tề-Vật-Luận

Dưỡng-Sinh-Chủ
Nhơn-Gian-Thế
Đức-Sung-Phù
Đại-Tống-Sư
Ứng-Đế-Vương

Ngoại thiên có 15 thiên :

Biền-Mẫu
Mã-Đề
Khứ-Cự
Tại-Hữu
Thiên-Địa
Thiên-Đạo
Thiên-Vận
Khắc-Ý
Thiện-Tánh
Thu-Thủy
Chi-Lạc
Đạt-Sinh
Sơn-Mộc
Điền-Tử-Phương
Trí-Bắc-Du

Tạp thiên có 11 thiên :

Canh-Tang-Sở
Từ-Vô-Quý
Tắc-Dương

Ngoại-Vật
Ngũ-Ngôn
Nhượng-Vương
Đạo-Chích
Duyệt-Kiểm
Ngũ-Thụ
Liệt-Ngự-Khẩu
Thiên-Hạ

..

Căn-cứ theo văn-mạch mà xem thời thấy chỉ có *Nội-thiên* là biểu-thị được cái chỗ trọng-yếu của học-thuyết Trang-Tử mà thôi, còn *Ngoại-thiên* và *Tạp-thiên* thì rất rời-rạc và chỉ cứ bàn đi bàn lại những tư-tưởng đã phổ-diễn ở *Nội-thiên* mà thôi.

..

Sự phân-biệt chương thứ như thế do chính tay Trang-Tử hay người đời sau ?

TÔ-ĐÔNG-PHA 蘇東坡 đầu tiên, trong *Trang-Tử Từ Đường Ký* 莊子祠堂記 nói : « Phân-biệt các chương, đặt tên các thiên là do nơi người sau, chẳng phải bản ý của Trang-Tử ».

Còn ĐƯỜNG-LAN 唐蘭 cũng nói : « Sự phân-biệt

Nội-thiên, Ngoại-thiên và Tạp-thiên là do LƯU-HƯƠNG. Nhân đó, ta thấy sự phân biệt chương thứ là do người đời sau.

..

II. — Vấn-đề chân-ngụy trong các thiên chương :

Phàm nghiên-cứu về một học-thuyết nào, sự tìm tài-liệu và phê-bình tài-liệu là vấn-đề trọng-yếu nhất. Phê-bình tài-liệu, là để tìm cho ra chánh-văn của nhà tư-tưởng mà mình muốn nghiên-cứu đó, khỏi phải lăm-lẫn với những ngụy-thơ do các đệ-tử hay của kẻ khác xen vào. Muốn thuật lại cho đúng tư-tưởng của một người nào, thời phải căn-cứ nơi chánh văn của người đó, không dặng quyền căn-cứ nơi lời nói của kẻ khác, dầu kẻ ấy là đệ-tử bậc nhất cũng vậy.

Nếu ta không thận-trọng trong việc lựa chọn tài-liệu, thời sự nghiên-cứu của ta khó lòng thoát khỏi sự xuyên-tạc và bất-công mang tội vu-oan cổ-nhân.

Phân-biệt được chân-ngụy trong các thiên chương sách Trang-Tử, là một vấn đề gay-go hết sức. Tuy vậy, các học-giả Trung-Hoa Nhật-Bản sau này, phần nhiều hấp-thụ được phương-pháp sử-học của Âu-Tây, đã giải-quyết hộ cho ta được rất nhiều nỗi khó-khăn về vấn-đề này.

..

A.— SO-SÁNH NỘI-THIÊN VỚI CÁC THIÊN KHÁC.

Nội-thiên, tuy cũng có chỗ đáng hoài-nghi, — như ta sẽ thấy sau đây, — nhưng nếu xem qua bề-tài của nó, ta thấy rõ nó nhất-khí, không như ở *Tạp thiên* hay *Ngoại-thiên*.

Sở-dĩ thấy được có chỗ phân-biệt giữa *Nội-thiên* với hai thiên kia, là do những cơ như sau đây :

1) Nếu lấy về văn-ngệ cùng tư-tưởng mà so-sánh *Nội-thiên* và các thiên kia, ta thấy rõ hai điều - nghệ khác nhau :

2) *Nội-thiên*, lời nói tuy khinh Nghiêu-Thuấn, chê Khổng-Tử, nhưng thâm-trầm tao-nhã. Còn *Ngoại-thiên* và *Tạp-thiên*, thì lời nói xuyên-tạc, thô-lỗ, nóng nảy, phi-báng, đều là giọng nói khinh-bạc, không phải tư-cách của một người thanh-cao như Trang-Tử ở *Nội-thiên* :

Ta thử lấy một tí-dụ, là thấy rõ :

« *Vô-Chỉ*, nói với *Lão-Đam* : Khổng-Khâu chưa phải là bậc chí-nhân. Đó còn tự xưng mình là thầy và còn tìm đệ-tử cho đông, không hay rằng đó là những điều mà bậc chí-nhân cho là gởng càm. » (Đức-Sung-Phù).

Đó là văn-từ ở *Nội-thiên*.

Còn ở *Tạp-thiên*, thì lại khác :

« *Đạo Chích* nghe nói nổi giận, mắt như sao sáng, tóc dựng đứng ngược, bảo rằng : Đó có phải là kẻ xảo-ngụy nước Lỗ tên là Khổng-Khâu chăng ? Vì ta ra bảo nó rằng : « Đó tạo nên lời khen láo vua Văn vua Võ, đội mũ cành cây, thắt lưng da bò, nhiều lời nói bậy, chẳng cày ruộng mà ăn cơm, chẳng dệt vải mà mặc áo, khua môi múa mỏ, cứ việc sanh ra chuyện phải trái để làm mê hoặc vua chúa trong thiên hạ, khiến kẻ học trong thiên hạ chẳng trở về gốc rễ của mình, giả bộ làm truyện Hiếu-Đễ, để cầu may được phong hầu phú-quý... » (*)

3) *Nội-thiên* thì tuyệt không bao giờ dẫn văn của Lão-Tử, mặc dầu cái học của Trang-Tử do Lão-Tử mà ra.

Ngoại-thiên và *Tạp-thiên*, thì trái lại, thường hay dẫn văn của Lão-Tử.

4) Cái chỗ mà *Nội-thiên* thuật lại về tánh-cách của NGHIÊU-THUẤN và ĐẠI-VÕ, không đồng với *Ngoại-thiên* và *Tạp-thiên*.

5) Tên đặt các thiên ở *Nội-thiên* đều bao-quát được tất-cả cái nghĩa của toàn thiên, như *Tiêu-Điêu-Du*, *Tề - Vật - Luận*, *Dưỡng - Sinh - Chủ* v. v... Trái lại, các thiên ở *Ngoại* và *Tạp-thiên*, trừ ra những thiên *Nhượng - Vương*, *Duyệt - Kiếm*, *Đạo-Chích*, *Ngư*.

(*) Xem ở phần Phụ-Lục : « *Đạo-Chích* »

Phụ thấy đều chỉ lấy hai ba chữ đầu thiên mà đặt tên, như *Biên-Mẫu*, *Mã-Đề*, *Thiên-Vận*, *Ngoại-Vật*, v.v... không ăn chịu gì đến cái nghĩa của toàn thiên. Tuy bốn thiên trên đây, không lấy mấy chữ đầu đặt tên thiên, song cũng chỉ lấy những chữ gần đó, và cũng không có ăn-chịu gì đến ý-nghĩa của trọn thiên.

Do mấy điều trên đây, ta thấy Nội-thiên rất khác với Ngoại và Tạp-thiên. Chắc chắn không phải của một người viết ra. Nếu Nội-thiên là do Trang-Tử viết ra, thì Ngoại và Tạp-thiên là do một kẻ khác viết.

..

B.— VẤN - ĐỀ CHÂN - NGUY TRONG NGOẠI VÀ TẠP - THIÊN.

Tuy Ngoại-thiên và Tạp-thiên đều nghi là của kẻ khác không phải của Trang-Tử viết ra, nhưng trong các thiên chương ấy, rất có nhiều chương, nhiều thiên văn-thẻ và ý-tứ rất hay, nếu không phải người học-lực uyên-bác như Trang-Tử, chắc khó lòng mà viết ra cho được.

Cho nên, một phần cũng có thể cho là do Trang-Tử viết ra, nhưng phần nhiều do kẻ khác viết.

Là vì những lý-do sau này :

1.— Văn-ngệ không giống nhau :

Bốn thiên Đạo - Chích, Ngư - Phụ, Duyệt - Kiểm, Nhượng-Vương, học-giả phần nhiều hoài-nghi là của người sau viết. Người đầu-tiên hoài-nghi, là TÔ-

ĐÔNG-PHA. Trong « *Trang-Tử Từ Đường Ký* » có nói : « Ta thường hoài-nghi Đạo-Chích, Ngư-Phụ, trong đó vu-báng Không-Tử hết sức. Chỉ như Nhượng-Vương, Duyệt-Kiểm thì lại thiên-cần và bi-lậu, không vào tận gốc Đạo ».

TÓNG-LIÊM 宋濂 trong *Chư-Tử-Biện* 諸子辨 cũng hoài-nghi một thể : « Mấy thiên ấy; trước sau văn pháp không giống nhau, nghi là của người sau nhận lầm của Trang-Tử mà chép vào. »

Còn những thiên *BIÊN-MẪU*, *MÃ-ĐỀ*, *KHỬ-CỰ*, *KHẮC-Ỡ*, *THIỆN-TÁNH*, thì văn-khí bình-diễn, lời nói tầm-thường và thiên-cận. Toàn thiên chỉ có một ý, nói đi nói lại mà thôi, dường như những bài sách-luận của hậu-thế.

Trong thiên *Thiên-Vận*, chương nói về Không-Tử viếng Lão - Tử đề hỏi Nhân - Nghĩa, thì giống chỗ chép về câu-chuyện ấy trong *Sử-Ký* TƯ-MÃ-THIÊN nơi mục *Lão-Tử Liệt-Truyện*.

Nhưng, nếu so-sánh văn-từ của hai bên, ta thấy câu văn trong Trang-Tử tạp-nạp, khí-tượng bình-thường, không thể theo kịp văn-từ trong *Sử-Ký*. Mà văn-chương trong sách Trang - Tử có kém gì văn - chương trong *Sử-Ký*, có khi còn cao hơn một bậc, Thế thì, *Thiên-Vận* chắc-chắn là ngụy-thơ, do kẻ sau thêm vào.

..

2) Thần-thái không giống nhau :

Về những chương Đạo-Chích, Ngự-Phụ, Duyệt-Kiểm Nhượng - Vương, ĐÀO - THỊ 姚氏 trong Cổ-Kim Ngự-Thơ-Khảo 古今御書考 đại-khái cũng hoài nghi như TÔ-ĐÔNG-PHA, nhưng chỗ dụng-ý hai họ không đồng với nhau. Họ Đào cho rằng Trang-Tử tuy cũng chê Khổng-Tử, nhưng lời nói thường thâm-trầm, còn lời nói trong bốn chương trên đây thì ngạo-nghe, thóa-mạ, thật không ý-vị chút nào cả. Còn văn-từ thì thiên-bạc, chỉ nói cho há-hê tấm lòng phẫn-uất của mình thôi. Như thế, thần-thái đôi bên không giống nhau, không thể của một người viết ra, nên nghi bốn thiên này là ngụy-thơ.

Ở cuối thiên Biền-Mẫu có câu : « Ta thẹn về đạo-đức, cho nên trên không dám làm theo tiết-thảo các bậc nhân-nghĩa, mà dưới cũng không dám làm theo hành-vi của bọn dâm-tịch ».

Xem câu nói ấy, ta thấy Trang-Tử là người câu-chấp rụt-rè trong nề-nếp, thật không giống tư-cách, thần-thái của Trang-Tử ở Nội-thiên.

VƯƠNG-PHU-CHI 王夫之 trong Trang-Tử-Thông 莊子通 cho rằng : Về tôn-chỉ thì thiên Thiên-Tánh đồng với thiên Khắc-Ý, lời nói thì nhiều mà tạp-nhập hỗn-loạn, trước sau không đồng nhau. Chẳng qua đó là những ý-kiến của khách xe-ngựa áo-mã, bấ-tất-chỉ mà giả-thác đó thôi.

Cũng trong Trang-Tử-Thông VƯƠNG-PHU-CHI nói : « Thiên này dẫn cái thuyết « thánh-nhân bất tử, đại đạo bất chi » (những bậc tự xưng là Thánh-Nhân mà không chết đi, thì cái đạo Trộm-cướp không sao diệt được) của Lão-Tử (*), nhưng nghĩa-lý không thông. Đó là lời của kẻ học theo Trang, nhưng vì muốn răn đời... nên lời nói đầy vẻ phẩn-kích.

.

3.— Tư-tưởng không giống nhau :

Ở thiên Thiên - Đạo nói : « Vô-Vi là đạo của bậc Vua-Chúa »... « Hữu-vi là đạo của bầy-tôi » — Thế là đem Đạo mà chia ra làm hai, không biết đứng nơi Thiên-Quân nhận nó là Một Ngay ở chương đầu thiên này, nói về Nghiêu-Thuấn cũng đủ thấy tư-tưởng ở đây không đồng với tư-tưởng ở Tiêu-Diêu-Du và Tề-Vật-Luận.

.

Nơi thiên Tề-Vật-Luận, Trang-Tử cho sanh-tử là

(*) Cũng một ý với câu « Bất thượng hiền, sử dân bất tranh »...

một. Trái lại, nơi thiên này thì lại lấy sự « vui chết sợ sống » làm tôn-chỉ.

Có bao giờ Trang-Tử lại bảo lấy sự « ham chết sợ sống » làm tôn-chỉ. Thế mà ở thiên Chí-Lực lại cho chết là rất vui (大樂).

VƯƠNG-PHÚ-CHI trong Trang-Tử-Thông nói :
« Thiên này lấy sự chết là rất vui... là bởi kẻ học theo Lão Trang kia, chỉ chụp lấy cái học ngoài đa sanh ra « cuồng táo chỉ tâm » mà giả-thác ra đó thôi »

Trong thiên Thiên-Địa có những câu như : « Lập đức và làm sáng Đạo, đó gọi là người có đức Vương », « Người con hiếu không nịnh cha, kẻ tôi trung không nịnh vua, đó là cái thanh của tôi con ».

Đó phải chăng là những lời nói của Nho-gia, đâu còn phải là tư-tưởng của Trang-Tử nữa.

4.— Người sau diễn lại tư-tưởng của Trang-Tử và Lão-Tử :

VƯƠNG-PHÚ-CHI và ĐÀO-NẠI 桃 李 đều cho Ngoại-thiên và Tạp-thiên không phải của Trang-Tử viết ra, mà là do các học-giả về sau viết đề bày-giải cho rộng thêm tư-tưởng của Trang-Tử và Lão-Tử.

Mã-Điền, diễn-giải các thuyết « vô-vi tự-chánh » (無為自正) của Lão-Tử.

Biên-Mẫu, bàn về tôn-chỉ « các an kỳ tánh » 各安其性 của Trang-Tử ở Tiên-Diêu-Du.

Tại-Hựu, diễn tư-tưởng của Lão-Tử, nhưng lộn-xộn, không đầu đuôi.

Sơn-Mộc, dẫn thêm tôn-chỉ của Nhơn-gian-Thế, nhưng dẫn một cách tạp-nhập.

Thư-Thủy, giải rộng cái ý nghĩa nơi thiên Tiên-Diêu và Tề-Vật.

Thiên-Địa, diễn ý-nghĩa của thiên Ứng-Đế-Vương.

Liệt - Ngự - Khẩu trần - thuật những lời nói của Trang-Tử.

Đạt - Sinh, bày - giải thêm cái ý - nghĩa nơi thiên Dưỡng-Sinh.

Trì-Bắc-Du bày-giải cái ý-nghĩa thiên Tề-Vật và Đại-Tông-Sư.

Đó, đều là những thiên do các học-giả theo phái Lão Trang về sau viết ra cả.

C — VẤN-ĐỀ CHÂN-NGUY TRONG NỘI-THIÊN :

Học-giả xưa nay, đều nhìn-nhận chỉ có *Nội-Thiên* là có thể do chính tay Trang-Tử viết ra mà thôi. Cho nên đều căn-cứ vào đó mà nghiên-cứu tư-tưởng của Trang-Tử.

Tuy-nhiên, cũng có vài học-giả — rất ít — hoài nghi một vài thiên trong đó nữa. Như *Đường-Lan* trong *Lão-Đam-Địch Tánh-Danh Hòa Thời Đại Khảo* nói : « *Nhơn-Gian-Thế*, *Đức-Sung-Phù*, *Đại-Tông-Sư* ba thiên này đối với *Khổng-Tử* đều gọi là *Trọng-Ni*. Riêng có chương *Tử-Tang-Hộ* ở thiên *Đại-Tông-Sư* lại không giống mấy chương trước, gọi ngay là *Khổng-Tử*. Vậy, ta có thể xem đó, không phải của một người viết ra... ấy không phải nguyên-văn của *Trang-Tử* ».

Riêng tôi, cũng hoài-nghi chương ấy. Trong thiên *Đại-Tông-Sư*, tư-tưởng của Trang-Tử thuần-nhất. Đối với vấn-đề sinh-tử, Trang-Tử xem là một, thản-nhiên mà đến, thản-nhiên mà đi, cho nên sống thì vui với sống, chết thì vui với chết, đều một lòng lảng-lãng không chút vướng mắc.

Nội chương này, nếu sánh với tư-tưởng chương trên, cũng đã thấy khác về cái nghĩa của sanh-tử rồi. *Tử-Tang-Hộ* chết, hai người bạn đánh đòn và ca bên xác *Tang-Hộ* : « *Than ôi ! Tang-Hộ ! Than ôi ! Tang-Hộ !* Đó trở về cái *Chân*, còn chúng ta làm người. Ôi ! » Thế là tự tiếng ca ấy, ta thấy mấy người ấy mừng cho

Tang-Hộ, mà riêng buồn cho mình còn phải sống làm người. Ta thấy toàn chương đều có cái ý « vui chết buồn sống » rất trái với ý-tưởng Trang-Tử nơi *Tề-Vật*, cùng những chương khác nơi thiên *Đại-Tông-Sư* này nữa.

Vậy, riêng một chương này, tôi tin rằng không phải của Trang-Tử viết ra. Kẻ phân thiên chương trước đây xem-xét không kỹ mà chép lăm vào, vậy, ta phải bỏ nó đi, sắp nó vào hàng *Ngoại-thiên* hay *Tạp-thiên*.

Thiên « *Nhơn-Gian-Thế* » cũng đáng hoài-nghi là không phải do Trang-Tử viết ra.

Như ta đã thấy, sự phân thiên chương trong sách Trang-Tử không phải do Trang-Tử mà do hậu-học làm ra. Chính xem ngay bản *Trang-Tử* của *Quách-Tượng*, ta thấy sự phân-định *Ngoại*, *Tạp-thiên* cùng với bản *Trang-Tử* của *HƯỞNG-TỬ* không đồng nhau thì rõ. Vậy, ta chớ nên câu-nệ điều ấy, cứ lấy theo văn mà luận văn, lấy ý mà luận ý để tìm chân-ngụy, bất-tất phải xem sự phân-định của họ *Quách* làm tiêu-chuẩn tuyệt-đối.

Thiên *Nhơn-Gian-Thế* sở-dĩ đáng hoài-nghi là vì những cơ sau này :

1. — *Thề-tài không giống nhau :*

Trong các thiên ở *Nội-thiên*, đều vừa có luận, có dụ.

Như thiên *Ứng-Đế-Vương*, trước tỉ-dụ, sau nghị-luận. Thiên *Đại-Tông-Sư*, thì trước nghị-luận, sau tỉ-dụ. *Đức-Sung-Phù*, trước tỉ-dụ, sau nghị-luận, *Dưỡng-Sinh-Chủ*, thì trước nghị-luận, sau tỉ-dụ. Chỉ như hai thiên *Tiêu-Diêu-Du* và *Tề-Vật-Luận* thì dụ và luận giao lẫn nhau, hỗn-nhiên như một thề. Ta thấy rõ, trong đó vẫn pháp tới lui có quy-tắc lắm.

Duy có một thiên *Nhơn-Gian-Thế* thì không phải vậy nữa. Chương thứ nhất : nói về chuyện Nhan-Hồi muốn du-thuyết Vệ-Quân, hỏi ý nơi Khổng-Tử. Chương thứ hai : là chuyện Công-tử Cao đi sứ nước Tề. Chương thứ ba, là câu chuyện giữa Nhan-Hạp và Cừ-Bá-Ngọc. Chương thứ tư, nói về chuyện người thợ mộc tên Thạch qua nước Tề gặp cây lịch-xã. Chương thứ năm, nói chuyện Nam-Bá Tử-Kỳ thấy đại mộc. Chương thứ sáu, nói về chuyện một người quê ở nước Tề. Chương thứ bảy, nói về chuyện Khổng-Tử qua nước Sở gặp Tiệp-Dư. Toàn thiên đều thuật rờn những cổ-sự mà thôi. Thật không giống với bút-pháp của sáu thiên kia. Rõ không phải của một người viết ra.

2. — *Ý Nghĩa không liên-quán :*

Chương thứ 4, thứ 5, thứ 6 của thiên *Nhơn-Gian-*

Thế đều lấy tỉ-dụ những vật nhờ bất-tài mà được an-toàn, không ăn-chịu gì với tư tưởng của những chương trên.

Chương thứ 4 nói về cây lịch-xã, qua chương thứ 5 lại nói đến một cây to khác : hai chương ý-tứ trùng phục

Chương thứ 7 nói về Sở-Cường chê Khổng-Tử không biết tiến thoái, cũng với đoạn trên, lại không hợp nhau. Đoạn thứ nhất và đoạn thứ nhì, ta thấy Trọng-Ni là bậc sáng-suốt về Đạo, thay lời Trang-Tử mà cất-nghĩa đạo-đức. Qua đoạn chót thốt-nhiên Khổng-Tử lại biến thành người ám-muội. Thế là trước sau, bút-pháp không thông vậy.

3. — *Sao chép lại văn của Luận-Ngữ :*

Nhơn-Giam-Thế, chương thứ 8 nói về Khổng-Tử qua nước Sở gặp người khùng tên Tiệp-Dư qua lại trước cửa mà ca.

Câu chuyện và văn-từ trong bài ca đều giống hệt với sách *Luận-Ngữ*.

Sách *Trang-Tử* có câu *Luận-Ngữ*, thì quả là *Nhơn-gian-Thế* chép văn của *Luận-Ngữ*, chứ còn gì nữa.

Trang-Tử là người « quan uông tự tứ » nghĩa là người khí-độ cứng-cỏi, rộng-rãi và phóng-túng lắm, há lại đi bắt chước theo con đường kẻ khác đã vạch

mà đi sao ? Cho nên, biết rằng, đó không phải văn của Trang-Tử.

4.— *Tư-tưởng không giống nhau :*

Tư-tưởng ở *Tiêu-Diêu-Du*, và *Tề-Vật-Luận* thật rõ-ràng là rộng-rãi khoáng-đạt.

Tôn-chỉ của *Tiêu-Diêu-Du* là « các sinh kỳ sinh » mỗi vật đều được sống theo cái sống của mình, đó là tôn-chỉ tuyệt-đối của mỗi vật trong đời. Cho nên, những chế-độ chánh-trị nào mà làm cho thiên-hạ không đặng « các an kỳ tánh », mỗi vật đều được an theo cái tánh của mình, đều bị ông cực-lực phản-đối.

Thế mà nơi thiên *Nhơn-Gian-Thế*, lời-lẽ lại rất tầm thường như kẻ theo Nho-đạo, rất trái-với tư-tưởng ở *Tiêu-Diêu* và *Tề-Vật* : « Dầu gặp cảnh nào, dầu đến thế nào, giữ một niềm thờ cha là chí hiếu, giữ một niềm thờ vua là chí trung... » (*Nhơn-Gian-Thế*).

Ta nên biết rằng trong sách Trang-Tử, những lời lẽ của Khổng-Tử, toàn là thác ngôn để tả ý-kiến Trang-Tử, chớ không phải để giảng đạo Nho. Ở *Nhơn-Gian-Thế* lại không phải vậy. Những câu trên đây, toàn là lời nói của kẻ nho-sĩ. Toàn thiên văn-khí khác, không được vừa mạnh-mẽ vừa nhẹ-nhàng thanh-thoát như văn-khí ở các thiên *Tiêu-Diêu* và *Tề-Vật*.

Tóm lại, chỉ có *Nội-Thiên*, là dùng được để nghiên-cứu tư-tưởng Trang-Tử mà thôi. Nhưng phải bỏ thiên *Nhơn-Gian-Thế* và chương thứ hai ở thiên *Đại-Tông-Sur* (*) đi, vì đó là ngụy-thơ. Vậy *Nội-Thiên* chỉ còn có sáu thiên này : *Tiêu-Diêu-Du*, *Tề-Vật-Luận*, *Dưỡng-Sinh-Chủ*, *Đức-Sung-Phê*, *Đại-Tông-Sur*, và *Ứng-Đế-Vương*.

a) *Đạt-Sinh*, *Sơn-Mộc*, *Nhơn-Gian-Thế*, *Trí-Bắc-Du*, *Thu-Thủy*, *Tắc-Dương*, *Điền-Tử-Phương* : Bảy thiên này do kẻ học Trang-Tử viết ra. *Đạt-Sinh*, diễn rộng cái tôn-chỉ của *Dưỡng-Sinh* ; *Sơn-Mộc*, đại-đề diễn về cái « dụng của vô dụng » ở thiên *Tiêu-Diêu-Du*. Còn *Nhơn-Gian-Thế* có những tư-tưởng Nho-gia do kẻ học Trang-Tử mà chưa hiểu được thấu-đáo viết ra. *Điền-Tử-Phương* diễn rộng oái ý-nghĩa « bảo chân » của thiên *Dưỡng-Sinh-Chủ*.

b) *Canh-Tang-Sở*, toàn thiên, tám chín phần mười không giống với văn-thể của *Nội-thiên*. Chỗ chủ-trương về Vô-Vi, ta thấy cái giọng của người phản-thế không giống với cái giọng văn ở *Nội-thiên*.

c) *Chí-Lạc*, *Từ-Vô-Quí*, *Ngoại-Vật*, *Liệt-Ngư Khẩu*. *Chí-Lạc*, thì thuyết sự « vui chết ghét sống » rất nghịch với thuyết « sinh tử đồng nhau » của *Tề-Vật-Luận*. Thiên *Chí-Lạc* không thể dùng để nghiên-cứu Trang-Tử.

(*) Tức là chương *TU-TANG-HỘ*.

Từ-Vô-Quì, diễn cái ý-nghĩa trong thiên *Ứng-Đế-Vương*.

Ngoại-Vật, lời nói trong thiên này có vẻ phần-thể, không giống với thần-thái của *Nội-thiên*.

Liệt-Ngự-Khẩu, diễn lại những lời nói của Trang-Tử nhưng người viết nó, chưa hiểu Trang-Tử cho đến nơi đến chốn. Lời nói không phải của Trang-Tử, cũng không phải của Khổng-Tử.

d) *Biên-Mẫu, Mã-Đế, Khử-Cự, Thiện-Tánh, Khắc-Ý* : Các thiên này văn-lý đồng nhau : 1) Mỗi thiên, thiên nào cũng toàn là một bài văn, tư-tưởng trước sau vẫn một ý ; 2) Mỗi thiên, thiên nào cũng chỉ có nghị-luận mà không có tỉ-dụ như ở *Nội-thiên*.

Có thể là do người ở vào khoảng Tần-Hán viết ra.

e) *Tại-Hưu, Thiên-Địa, Thiên-Đạo, Thiên-Vận* :

Các thiên này, có thể do người đời Hán viết ra. Trang-Tử sống đời Chiến-Quốc. Mà trong mấy thiên này lại nói đến *Lục-Kinh* 六經. *Lục-Kinh* sơ dĩ có tên ấy, chỉ bắt đầu đời Hán thôi. Thế thì, các thiên này không phải do Trang-Tử viết ra mà chính là người ở đời Hán viết.

f) *Nhượng-Vương, Đạo-Chích, Duyệt-Kiểm, Ngự-Phụ* : *Nhượng-Vương* và *Đạo-Chích*, toàn thiên là cổ-sự. Cổ-sự ở thiên *Nhượng-Vương*, phần nhiều ở trong *Lữ-Giám*, *Hoài-Nam-Tử*, *Hàn-Phi Ngoại-Truyện*

Duyệt-Kiểm và *Ngự-Phụ*, toàn thiên đều thuật cổ-sự như nhau — Văn của thiên *Duyệt-Kiểm* giống văn của *Chiến-Quốc-Sách*.

g) *Ngự-ngôn, Thiên-hạ* : *Ngự-ngôn* là do kẻ sau thuật lại, thể-lệ trong sự trước-tác của Trang-Tử. *Thiên-Hạ* là do kẻ sau bình-luận cái học của bí gia.

..

III. — Bàn về văn-học của Trang-Tử.

Trang-Tử là người văn-học hoàn-toàn. Có kẻ (*) sắp ông vào hàng « đệ-nhất tài-tử » cũng không phải là quá đáng !

TU-MÃ-THIÊN luận về ông có viết : « Sách ông viết có hơn 10 vạn chữ, đại-đề đều là ngụ-ngôn... Văn ông khéo viết, lời-lẽ thứ lớp, chỉ việc, tả tình đề bài-bác bộn Nho Mặc. Tuy đương thời, những bậc tác-học, cũng không sao cãi để tự gỡ lấy mình cho nể, Lời văn của ông thì phóng-túng ménh-mông, cầu lấy sự thích-ý mình mà thôi. Cho nên từ các bậc Vương, Công đều không ai biết nổi ông là người thế nào ». Thật có đúng như vậy. Chẳng những học-vấn ông cao-thâm, mà văn-chương của ông rất là phong-nhã và hùng-vĩ.

Từ đời Đường, đời Tống về sau, các bậc đại-văn-gia như HẠN-DŨ, LIÊU-TÔN-NGUYỄN, TÔ-THỨC... đều sùng-bái ca-tung không ngớt, nhưng chỉ luận về

(*) Kim Thánh Thán,

văn-chương mà bỏ cái phần triết-lý. Sách Trang-Tử thật là một áng-văn kiệt-tác.

Trang-Tử là kẻ biết hàm-dưỡng chơn-thần đầy đủ, cho nên chí-khí của ông ngang-tàng phóng-dật, văn ông viết ra hồn-nhiên như mây trong núi bay ra, như suối trong đất tuôn ra cuộn-cuộn, trong-trẻo mà nhẹ-nhàng, tự-nhiên, không cố-cưỡng. Bàn về một lẽ cao-siêu tuyệt-mù, có thể cảm được mà không thể nói ra được, cho nên ông phải dùng đến « ngụ-ngôn », rồi mượn « trù-ngôn » mà làm cho sáng tỏ ý thêm. Tuy trong đó sự-tích thời có thật, mà câu-chuyện là giả-thác. Ấy là mượn cụ-thể để giải-thích trừu-tượng. Khi lại dùng đến « chi-ngôn », là buột miệng nói ra, không kể là có đúng hay không với lịch-sử. Cho nên văn của ông huyền-tượng như hoa gương trắng nước hư mà thực, thực mà hư... Thật rất khác xa với văn từ của « bách gia chư tử ».

Đó, là nói về văn-từ ở *Nội-thiên*. Còn *Ngoại-thiên* và *Tạp-thiên* thì lại khác: luận về « ý » thì loạn-chạt thiên-lậu, nói về « tứ » thì mạch-lạc phần nhiều không liên-quán, mà bàn về « văn » thì thô-lỗ hần-học... không phải khí-tượng một người thoát-tục như Trang-Tử. Thật là cùng với *Nội-thiên* không giống nhau rất xa.

Bởi vậy, các học-giả xưa nay đều nghi là ngụy-thơ, do kẻ hậu-học viết ra.

Tuy vậy, trong các thiên ấy, nhất là *Ngoại-Thiên*, có nhiều thiên như thiên *Biển-Mẫu*, văn-chương « uốn

khúc như rồng, bay liệng trên không trung, mà vẻ yêu-kiều không mấy ai lượng nổi » ; thiên *Khử-Cự* thì « thần văn như bay như múa, đầy vẻ lạ lùng » ; thiên *Tại-Hựu* thì « văn viết mạch-lạc biến-hóa, lên xuống nhẹ-nhàng, lời bàn thâm-thúy, lạ-lùng... dưới bút như có khói mây, trong lòng chứa rộng cả *Tạo-Hóa* ». Nếu không phải bậc học-lực uyên-thâm như Trang, cũng khó lòng viết ra cho nổi. Những kẻ viết ra được thứ văn ấy, thật là đã nắm được cái chỗ huyền-diệu của học-thuật Trang rồi vậy.

Các nhà chú-giải về sau này rất nhiều, nhưng lại chỉ thiên về phê-bình văn-chương hơn là tư-tưởng của Trang-Tử. Đại-khái như đời Minh 明 có CHÂU-ĐẮC-CHI 朱得之, trong *Nam-Hoa Thông-Nghĩa* 南華通義; đời Thanh 清, có NGÔ-THẾ-THƯỢNG 吳世尚 trong *Trang-Tử-Giải* 莊子解; TÔN-GIA-CẨM 孫嘉淦 trong *Nam-Hoa-Thông* 南華通; LÂM-TÂY-TRỌNG 林西仲 trong *Trang-Tử-Nhân* 莊子因; LỤC-THỤ-CHI 陸樹芝 trong *Trang-Tử-Tuyết* 莊子雪... đều là những tay sành về văn-chương. Cho nên những lời phê-bình của các nhà ấy, yếu trọng nơi chỗ thưởng-thức câu văn của Trang-Tử, còn về phần luận của họ thì rườm-rà, vụn-vặt, mờ-tối, tựu-trung không giá-trị gì bao nhiêu về phần tư-tưởng.

..

Trừ Lâm-Ngữ-Đường, ít ai thấy rõ khía-cạnh trào-lộng u-mặc của văn Trang-Tử, đã nói trước đây nơi Lời nói đầu.

Trang-Tử có thể gọi là Tị-tử phái văn-học u-mặc trào-lộng của Trung-Hoa từ xưa đến nay. Cho nên văn ông toàn dùng nghịch-thuyết. Chân-lý có hai mặt, một bề Âm, một bề Dương. Trong Âm có Dương, trong Dương có Âm, nói theo Dịch-học Bởi vậy văn u-mặc của Trang có dụng-ý nói nghịch để bổ-túc những chân-lý phiên-diện của thế-nhân. Bởi vậy văn của ông ngang dọc phóng-túng, khi nói xuôi, khi bèn ngược, nói Đông để kích Tây, nói phải để rõ thêm cái quấy, nói quấy để bổ-túc cho cái phải. Đọc Nam-Hoa-Kinh, ta nghe toàn là một giọng cười.. cái cười vang siêu thoát của bậc Thánh-nhân. (*)

IV.— Bàn về phép đọc sách Trang-Tử.

Cổ-ngữ có câu : « Nhân-giả kiến nhân ; Trí-giả kiến trí » (仁者見仁, 智者見智) (Người nhân thì thấy nhân ; người trí thấy trí). Người ta sở-di đọc sách mà xuyên-tạc, không hiểu được cổ-nhân, cũng vì một lẽ ấy.

Kẻ thích Phật, mà đọc Trang, thấy Trang theo thành-kiến của họ về Phật-học. Kẻ sùng Nho hay Đạo mà đọc Trang, cũng thấy Trang theo cặp kiếng của Nho, Đạo. Thế là thấy sai rồi vậy.

..

Ta thử trở ngược lại thời-gian, xem coi cách đọc sách Trang-Tử của người xưa như thế nào.

(*) Xem « Cái Cười của Thánh-nhân » cùng một tác-giả.

BÍCH-HU-TỬ 碧虛子 trong Nam-Hoa-Chân-Kinh (南華真經), nơi bài tựa nói về phép đọc sách Trang-Tử như vậy : « Đây là chính nghiệp của Đạo-gia, dù nơi việc trường-sinh cứu-thị... » (斯乃道家之正業務在長生久視...) Ta thấy rõ, phép đọc sách của ông, cốt nơi sự cầu việc trường-sinh.

LƯU-CHẤN-TÔN 劉震孫 trong Nam-Hoa-Chân-Kinh, cho rằng « Trang-Tử sở dĩ viết bộ sách này, là mục-dịch cứu thời. Trong sách, chỗ bàn đến chim cưu không chịu bay cao như chim Bàng.. là đề biểu-thị cái lẽ « Vật biết an phận » ; còn Hứa-Do không chịu lãnh thiên-hạ, là đề biểu-thị cái chỗ « người biết an-phận ». Nếu người người đều biết an-phận thủ thường như thế, thời « kẻ hèn không hăm mộ kẻ quý mà kẻ nhỏ không bắt chước theo kẻ lớn ; kẻ mạnh không hiếp kẻ yếu, kẻ đông không hiếp kẻ thế-cô. Vua theo phận vua, tôi theo phận tôi, cha theo phận cha, con theo phận con ». Thì thiên-hạ thái-bình vậy. Đó là chỗ khổ-tâm lo cứu đời của Trang-Tử. Đọc sách Trang-Tử mà không rõ lẽ ấy, là không thể thông được vậy ». Đó là ý-kiến về phép đọc-sách của LƯU-CHẤN-TÔN.

DOÃN-ĐÌNH-ĐẠC 尹廷錫, trong bài tựa quyền Trang - Tử - Tuyết 莊子雪 lại nói : « Nếu không tham về Lý-học, thời không đủ sức hiểu quyền Nam-Hoa ».

LA-MIỄN-ĐẠO 梁勉道, trong « Nam-Hoa-Chân-Kinh Tuân Bồn Thích-Đề » (南華真經循本譯題) thì nói rằng : « trong sách Trang-Tử rất có nhiều « cổ-ngữ cổ-chữ » nếu muốn đọc sách ông, thời phải rõ « cổ-học »

(古學) mới đặt. Kẻ nào không biết rõ cở-học, mà chỉ chú-giải suông, là kẻ chú-giải « tai-ngang », không hiểu cách đọc sách Trang-Tử như thế nào cả ».

LỤC-THỤ-CHI 陸樹芝 trong ĐỘC TRANG TẬP-THUYẾT 讀莊集說, đem ra mấy chỗ mà TÔ-ĐÔNG-PHA 蘇東坡 cho rằng Trang-Tử bề ngoài công-kích Khổng-Tử mà bề trong là tán-trợ Khổng-Tử để bảo người sau đừng bắt chước như thế. Ông nói : « Kẻ học hoặc chấp lấy chỗ kiến-giải câu-chấp của Nho-gia, theo đó nên không rõ được nguyên-ý của Trang-Tử... »

LÂM-HI-DẬT 林希逸 nơi bài tựa TRANG-TỬ KHẨU NGHĨA 莊子口義 nêu ra « năm điều khó » trong khi đọc Trang-Tử. « Trong sách Trang-Tử những chỗ nói về Nhân, Nghĩa, Tánh, Mạng... chữ và nghĩa đều không đồng với chữ và nghĩa trong sách chúng ta dùng, đó là một điều khó. Ý-tưởng trong đó, vì muốn cùng với đức Phu-tử của chúng ta tranh-hoành, cho nên lời-lẽ phần nhiều quá đáng, đó là hai điều khó. Xem thường bức trung-trí hạ-trí, như trong sách Phật, chỗ gọi là « tối-thượng-thừa » cho nên lời nói nào trong đó cũng đều quá cao, đó là ba điều khó. Bút-pháp thì khua-động múa-men biến-hóa vô-cùng, đều không thể lấy con đường văn-tự tầm-thường mà cầu hiểu được, đó là bốn điều khó.

Huống chi mạch-lạc lời-lẽ nhọn bén, phần nhiều như chỗ mà nhà Phật phái Đốn-Tông (*) gọi là « Kiểm-nhãn » mà

(*) Đốn 頓 và Tiệm 漸 Hai phương-pháp của nhà Phật dạy người, một thứ thành-công tức khắc gọi là Đốn, một thứ thành-công dần-dần gọi là Tiệm.

trong sách Nho của chúng ta chưa thường có, đó là năm điều khó.

Nhân 5 điều khó ấy, ông mới đề-xuất ra một phép để đọc sách Trang-Tử, cần phải tinh-thông các bộ Luận-Ngữ, Mạnh-Tử, Trung-Dụng, Đại-Học..., rõ được chỗ huyết-mạch của văn-tự, hiểu đến chỗ uẩn-áo của Thiên-gia, và gồm có được bao nhiêu cái học ấy đến chỗ tinh-thâm, rồi sau sẽ đọc Trang-Tử mới rõ được ý-nghĩa trong đó.

Đời Tống, THANG-HÁN 湯漢, riêng xướng lên cái phép đọc Trang-Tử như vậy : « Cần lấy Trang-Tử mà giải Trang-Tử, trên tuyệt không nên vịn theo ai, mà dưới cũng không nên bắt ai theo Trang-Tử, nhất-thiết không được lấy lời nói của Trang, cưỡng dụng ý-tưởng Thiên-Môn để giải nghĩa ».

Đời Thanh, LÂM-TÂY-TRỌNG, cũng riêng có phép đọc Trang-Tử. Theo ông cũng như THANG-HÁN « cần phải lấy Trang-Tử giải Trang-Tử », nhưng lại nói thêm rằng : « hiểu được cả sở-trường của ba họ Nho, Đạo, Thích mới nên đọc sách này ».

Cũng thời một bộ sách, mà cách đọc của mỗi người một khác. Kẻ thì bảo trong sách ấy bày-giải cái học của đạo Tiên : kẻ thì lại cho trong đó chứa những tư-tưởng của Thiên-gia ; kẻ thì bảo trong đó gồm cả Lý-học... dường như đó là một kho-tàng có nhiều của

quý ai muốn dùng chỉ thì dùng. Tự-trung chẳng qua mỗi người mỗi thấy theo sở-kiến của mình, tẻ hơn nữa, mỗi người mỗi thấy theo thành kiến của mình. Như thế, đọc sách Trang-Tử, khó lòng thấy được nguyên-ý của Trang-Tử.

Chỉ có THANG-HÁN, bảo « lấy Trang-Tử mà giải Trang-Tử », là phương-pháp độc-nhất để đọc sách Trang-Tử mà khỏi hiểu lầm thời. Còn LÂM-TÂY-TRỌNG, thì lời nói mâu-thuẫn, không nên nghe theo. Phàm đã bảo « phải thâm Nho, Đạo, Thích rồi sau mới nên đọc Trang-Tử » là đã bảo lấy Nho, Đạo, Thích để hiểu Trang-Tử, rồi sao lại còn bảo « lấy Trang - Tử giải Trang - Tử » là nghĩa làm sao ? Bởi vậy, ta thấy trong sách ông, bàn giải Trang-Tử một cách hết sức cố-cưỡng, dụng tâm gò ép Trang-Tử đem về với Phật và Khổng một cách thô-về xuyên-tạc, thật đáng phàn-nam. Nói thế, không phải không nên thâm Nho, Đạo, Thích trước khi đọc Trang-Tử mà là đừng quàng xiên, đem Trang-Tử gò ép theo tam-giáo, chứ đọc Trang mà vừa tinh-thâm Nho, Đạo, Thích thì còn gì quý bằng.

Trang-Tử, trong thiên *Canh-Tang-Sở* có bài ngụ-ngôn này : « Nam-Vinh-Trừ học lương ăn, đi bảy ngày, bảy đêm đến nơi Lão-Tử. Lão-Tử nói : « Người từ bên Sở lại đây, phải không ? Nam-Vinh-Trừ thưa phải. Lão-Tử nói : « Người sao cùng tới đây với đông người thế ? » Nam-Vinh-Trừ sưng-sốt, đối lại phía sau. Lão-Tử nói : « Người

không hiểu lời ta nói sao ? » Nam - Vinh - Trừ, cả thẹn cái mặt... ».

Đó là ý ông bảo : Những kẻ mang theo nhiều thành - kiến, không thể hiểu được cái gì ngoài cái thành - kiến của mình. « Người sao cùng tới đây với đông người thế ? » là chỉ những học-thuyết mà ta mang theo mãi nơi lòng. Đọc Trang-Tử, cần phải gột rửa tấm lòng tất-cả các học-thuyết của mình đã học qua, mới mong hiểu Trang-Tử theo như Trang-Tử đã hiểu.

BERGSON, một triết-nhân Tây-Phương hiện-thời có viết rất đúng : « Triết-luận là một điều rất dễ, nếu ta đừng để những tư-tưởng đã được qui-định sẵn chen ngăn giữa ta và sự vật ». (Philosopher, serait chose facile si des idées toutes faites ne venaient s'interposer entre notre esprit et les choses).

Viết sách *Nam-Hoa-Kinh*, Trang-Tử dùng ba phép diễn-tả :

« Ngụ-ngôn », là đời vốn không có người ấy, việc ấy, mà tạo ra nên việc như có thật.

« Trùng-ngôn », là lời ấy, việc ấy vốn không phải của người xưa, nhưng đặt ra, rồi đem gán cho họ.

« Chi-ngôn », là buột miệng nói luôn, chẳng kể gì đúng hay không đúng với sự thật lịch-sử nữa, cứ bàn giải lan-man phóng-túng

Như thế, ta thấy rằng, những sự-tích trong sách Trang-Tử nói về Không-Tử đều là chuyện « trùng-ngôn », đem lời nói ý-tưởng của mình gán vào cho Không-Tử. Nếu ta lại coi đó như điển-cổ, đặt lời chê khen, là sai vậy.

Còn như những kẻ đọc Trang-Tử, chỉ vì về văn-chương của ông mà thôi, thì không khác kẻ « ăn bánh vẽ » làm gì biết được mùi-lai nó là gì !

.*.

V.— Bàn về các nhà chú-giải Trang-Tử.

Như ta thấy phép đọc sách mỗi người mỗi khác, thì đến khi chú-giải Trang-Tử cố-nhiên là mỗi người mỗi giải theo sự hiểu-biết của mình. Nhà Nho, thời giải theo Nho, nhà Đạo thì giải theo Đạo, nhà Thiền thì giải theo Thiền. Đều là những lời giải-thích thiên-lệch chủ-quan không đúng với tư-tưởng của Trang-Tử. Tư-tưởng Trang-Tử tuy có chỗ cũng gần-gần với Phật, nhưng không giống Phật. Ta chỉ có thể đem những tư-tưởng gần-gần giống ấy để so-sánh cho thấy chỗ đồng dị, tuyệt-nhiên không nên lấy theo tư-tưởng của các phái khác để giải-thích Trang-Tử. Ta nên đề ý kỹ điều này : Đem tư-tưởng Phật-gia để giải-thích Trang-Tử, với đem tư-tưởng Phật-gia để so-sánh với Trang-Tử, là hai điều khác nhau xa, không thể lẫn-lộn được. Đọc-sách chú-giải Trang-Tử phải thận-trọng đề-phòng mới khỏi sa vào những sai-lầm xuyên-tạc của các nhà chú-giải thiên-kiến.

Trang-học rất thanh về đời Ngụy-Tấn. Cho nên sách vở chú-giải Trang-Tử về thời ấy cũng rất nhiều.

HƯƠNG-TỬ 向秀 là người đầu tiên, đời Tấn, chú giải sách Trang-Tử. Nhưng ông chỉ giải đến thiên Thu-Thủy và Chí-Lạc thời chết. QUÁCH-TUỢNG 郭象 nối theo, chữa sửa lại văn-chương của HƯƠNG TỬ, và giải nốt những thiên sót lại. Bởi vậy về sau, người ta thấy có 2 bản Hương và Quách, nhưng mà nghĩa-lý vẫn một, bởi cũng như một tay QUÁCH-TUỢNG viết ra :

Bản chú-giải của TƯ MÃ BƯU 司馬彪 có trước bản của QUÁCH-TUỢNG. Bản chú - giải của THÔI-TUYỀN 崔譔 cũng vậy, nhưng hiện thời đều mất cả. Chỉ còn bản của QUÁCH-TUỢNG, cho nên, nó là bản cổ nhất đối với những sách còn lại.

.*.

Sách chú-giải Trang-Tử rất nhiều, ta có thể phân ra từng phái cho dễ thấy mạch-lạc hơn :

- 1o) Nho gia ;
- 2o) Đạo gia ;
- 3o) Thiền gia ;
- 4o) Tập gia ;

.*.

1) PHÁI NHO GIA :

Từ đời Đường 唐, về sau, người ta cho cái học của Trang-Tử gốc nơi Điền Tử-Phương (田子方), mà gốc của Điền Tử-Phương là nơi Tử-Hạ 子夏. Học-giả bấy giờ bèn cho Trang-Tử là môn-đồ của Không-Tử. Cho nên rất có nhiều học-giả vịn theo cái thuyết ấy, đem tư-tưởng Không-học mà giải-thích Trang-Tử

Như LÂM HI-DẬT 林希遠 đời Tống 宋, trong *Trang-Tử Khẩu-Nghĩa* 莊子口義, giải-thích thiên *Tiên-Điêu-Du* như vậy : « *Tiên-Điêu-Du* là bàn về sự ưu-du tự-tại. Kẻ môn-nhơn trong *Luận-Ngữ* hình-dung đức Phu-ử chỉ trong một chữ *Lạc* mà thôi. Hình-dung nhơn-vật trong 300 thiên, như câu « *Nam hữu Cù mộc* » « *Nam sơn hữu Đài* » là nói « *Lạc*, chỉ người quân-tử », đó cũng dùng nơi một chữ *Lạc*. Cho nên, chỗ gọi *Tiên-Điêu-Du*, tức là chỗ mà *Kinh-Thi* và *Luận-Ngữ* gọi là *Lạc* vậy ».

Đó là mồm-mép của nhà Nho.

Chỗ khác, ông lại lấy thuyết Phật để giải Trang-Tử. Như câu : « *Bách hải cửu khiếu* » (百穀九竅), thì ông lấy thuyết « *lục căn* » 六根 mà giải. Còn câu « *Vị thi hữu vật* » 未始有物, thì ông dẫn thuyết Thái-Cực Lương-Nghi 太極兩儀 ra mà bàn. Thật là lộn-xộn xuyên-tạc không thể nói.

Đời Thanh 清 có LỤC THỤ CHI 陸樹芝 trong quyển *TRANG-TỬ TUYẾT* 莊子雪 cũng cho Trang-Tử ủng-hộ cái học của nhà Nho. Ông cho rằng lời

nói của Trang-Tử, gốc nơi cái lý Thái-Cực của Kinh Dịch. Ông lại còn cho sách Trang-Tử cũng gồm luôn cả cái lý của Thích và Đạo nữa. Ông cho câu : « *Cùng với Trời Đất đồng sanh, cùng với vạn-vật là một* » (與天地並生而萬物爲一) là nói về việc Trùng-sinh, còn câu « *vị thi hữu phu vị thi hữu thi giả* » (未始有夫未始有始者) tức là cái thuyết « *tứ đại giai không* » (四大皆空) của nhà Phật.

Cứ theo đó mà xem, thì sách Trang-Tử là chỗ mà nhiều kẻ gọi là « *hợp tam giáo ư nhất gia* » (合三教於一家), thật đáng phàn-nàn.

LƯU HỒNG ĐIỀN 劉鴻真 cũng khiên-tưởng, phụ hội với họ Lục mà cho Trang-Tử là môn-đồ của Không. Trong « *Trang-Tử Ước-Giải* » 莊子約解, ông nói : « *Trang-Tử* thọ nghiệp nơi kẻ môn-nhơn của Tử-Hạ 子夏, cho nên sở-học của ông do đạo-học Không-Tử mà ra ». Ông lại viết : « *Thần-nhơn không phải là kẻ bay lên cao, mà là chỉ cái thần-nhơn nơi người, tức là chỗ mà (Nhà Nho) gọi là « *Thiên-Mạng* chỉ vị tánh* » (天命之謂性) Nhưng họ Lưu cũng chưa phải thuần lấy Nho-học mà giải Trang-Tử, ông còn cho Trang-Tử còn kiêm luôn cả cái học của thần tiên nữa.

Lấy Nho-học mà thuần giải Trang-Tử, thì có LIÊU-BÌNH 廖平 và VƯƠNG KHÁI-VẬN 王闓運 Đại-khai họ nói : « *Không-Tử học nơi Lão-Tử. Trang-Tử theo đó mà hiểu Lão-Tử...* » Bởi vậy các ông mới đem cả Không Lão nhồi lại làm một khối.

Ngoài ra, đời Minh 明 có CHÂU-ĐẮC-CHI 朱得支 viết *Trang-Tử Thông-Nghĩa* 莊子通義, và KIM-TRIỆU-THANH 金先清 viết *Trang-Tử Giác* 莊子覺; đời Thanh 清, có NGÔ THẾ XƯƠNG 吳世昌 viết *Trang-Tử Giải* 莊子解, TÔN GIA-CẨM 孫嘉淦 viết *Nam-Hoa Thông* 南華通 cũng đều muốn đem Trang-Tử mà chép vào Khổng-học.

..

2) PHÁI ĐẠO-GIA :

Kẻ học theo phái Đạo-gia, thì cho sách Trang-Tử là bí-thơ bàn về lẽ « trường-sinh cứu-thị » cùng những lẽ huyền-bí khác... là vì những chữ dùng của Trang-Tử như « Chí-Nhơn, Chân-Nhơn, Thần-Nhơn » (至人, 真人, 神人), « ngự phong nhi hành » (御風而行), « hấp phong ẩm lộ » (吸風飲露)... v.v... là những chữ mà phái Đạo-gia có thể hiểu theo họ được. Họ có đề-dâu, những điều nói ấy toàn là những điều ngụ-ngôn, chứ không phải chỉ về những điều thần-bí theo đạo trường-sinh hay phù-pháp.

Đời Tống 宋, BÍCH-HU-TỬ 碧虛子 nói về sách Trang-Tử có câu : « Đây là chính-nghiệp của Đạo-gia, dù nơi việc « trường-sinh-cứu-thị ». Nơi thiên Tề-Vật-Luận câu : « Kỳ hữu chân quân tồn yên » (其有真君存焉) ông giải chữ « chân quân », là « Thái Nhất », nghĩa là ngôi lớn hơn hết. (真君, 太一尊也). Câu Hoàng-Đế chỉ sở

thỉnh uyển dã » (黃帝之所聽堯也), ông giải, « Hoàng-Đế là bốn triều thánh tổ thiên tôn. » (黃帝即本朝聖祖天尊也)... v.v... Toàn lấy điển-cổ của Đạo-Gia mà giải-thích Trang-Tử.

Còn nhà đạo-sĩ tên CHỦ-BÁ-TỬ 褚伯秀 thì tôn Trang-Tử làm Nam-Hoa Lão-Tiên 南華老仙, Giải thêm Tiêu-Diêu-Du, ông cho Côn và Bằng là biểu-thị hai lẽ Âm và Dương, còn việc bay nghỉ của chim Bằng là chỉ về lẽ « âm-tiêu dương trường. Theo ông đó toàn là những điều mà « tai mắt không thể theo kịp », nên phải gượng dùng lấy cả Côn chim Bằng để hình-dung.

Đời-Minh 明, LA-MIỄN-ĐẠO 勞勉道 cũng lấy « Đạo-thơ » mà xem Trang-Tử. Tỉ như câu « thừa thiên-địa chi chánh », 乘天地之正, thiên Tiêu-Diêu-Du ông giải như vậy : « Cái chánh khí của Trời Đất, tức là Thái-Cực động mà sinh ra dương, tĩnh mà sinh ra âm. Sinh ra mà sở-dĩ được sống; Đạo-gia gọi đó là tiên-thiên nhất khí » (天地之正氣, 即太極動而生陽靜而生陰, 生所以得生者, 道家謂之先天一氣). Đó là lấy ý của Đạo-gia mà giải-thích Trang-Tử.

..

3) PHÁI PHẬT-GIA :

Đời Đông-Hán 東漢, các bậc vua chúa rất sùng bái Phật-học và Lão-học. Từ Tấn 晉 đến sau thì

Phật-học và Lão-học đến hồi cực thịnh, CHI-ĐỘN 支遁, TUỆ-TÂM 慧琳, TUỆ-VIÊN 慧遠 rất sành Lão-Trang nên dùng cái học ấy làm sáng thêm cho học giả về sau lấy Phật giải Trang-Tử.

Đời-Đường 唐, có THÀNH-HUYỀN-ANH 成玄英. Đời-Minh, 明 có LỤC-TÂY-NINH 陸西星, và THÍCH-ĐỨC-THANH 釋德清; Đời-Thanh 清 có TRƯƠNG-THỀ-LẠC 張世堯 gần đây có CHUÔNG-THÁI-VIỆM 章太炎... đều lấy Phật-diễn giải-thích Trang-Tử.

..

4) PHÁI TẬP-GIẢI :

Gọi là Tập-Giải, là vì có những nhà chú-giải một cách tự-do, không theo hẳn một khuynh-hướng nào.

So-sánh với các nhà chú-giải về phái này, thì ngoài HUỚNG-TỬ và QUÁCH-TƯỢNG chỉ có TU-MÃ-BUU và Thôi-Tuyền là xuất-sắc hơn hết, nhưng hiện-thời đều lạc mất cả.

Bản chú-giải này thường dùng để giải Trang-Tử trong quyển sách này.

CHƯƠNG THỨ HAI

II

HỌC - THUYẾT

A.— PHẦN TỔNG-QUAN

- 1.— Tâm-điểm của học-thuyết
- 2.— Nhị-nguyên và Tam-nguyên
- 3.— Lý-Trí và Trục-giác.

B.— PHẦN PHÂN-TÍCH

- 1.— Tiêu-Diêu-Du
- 2.— Tề-Vật-Luận
- 3.— Dưỡng-Sinh-Chú
- 4.— Đức-Sung-Phù
- 5.— Đại-Tông-Sư
- 6.— Ứng-Đế-Vương

C.— KẾT-LUẬN

HỌC - THUYẾT :

A.— Tổng-quan

B. — Phân-tích

A.— TỔNG-QUAN :

1.— TÂM-DIỂM CỦA HỌC-THUYẾT :

Học-thuyết Trang-Tử, — cũng như của Lão-Tử, — không phải khó hiểu, nếu ta rõ được nguyên-lý căn-bản của nó. Lão-Tử bảo : « Lời nói và việc làm của ta đều có gốc, đời không biết được cái gốc ấy, nên không hiểu được ta. » (言有宗, 事有君, 夫惟無知, 是以不知我知).

••

Vậy, tâm-diểm của học-thuyết Trang-Tử như thế nào ? Phùng-hữu-Lan nói : « Hết thấy vạn-vật đều do « Đạo » mà ra, và mỗi vật đều có cái « Đức » của nó; nghĩa là hết thấy vạn-vật, mỗi vật đều có cái « tánh tự nhiên » của nó. Nếu biết thuận theo tánh tự-nhiên của mình, thì hạnh-phúc có ngay trong lúc đó, không cần phải cầu-cạnh

đầu khác ở ngoài nữa. Nói thế, là biểu-lộ được tất-cả mọi yếu-điểm của học-thuyết Trang-Châu rồi vậy.

..

Quan-niệm của ông về Vũ-Trụ như thế nào? Theo Trang-Tử có một cái Chân-lý tuyệt-đối, vô-hạn, toàn-mẫu... tức là cái « Sống chung » của Trời Đất. Cái Sống ấy gọi là Đạo (道).

Bất-kỳ là vật nào trong Trời Đất đều có cái Đạo ấy ở trong, gọi là Tánh (性) Hay nói một cách khác, Tánh ấy cùng với Đạo là một thể : « *Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, nhi vạn vật dữ ngã vi nhất* » (天地與我並生而萬物與我為一).

Vậy, phận-sự duy-nhất của mỗi vật, là trở về với cái Chân-thể ấy, tức là trở về với cái « Tánh » của mình để sống theo nó. Đó gọi là « *phản kỳ Chân* » (反其真) hay là « *phục kỳ Bản* » (復其本).

Mà hề sống thuận với nó là sống thuận với Đạo, vì nó và Đạo là một.

Và hề-sống thuận được với Đạo rồi, thì cái mà mình gọi là « *làm* » (為) không còn phải là « *mình làm* » (我為) nữa, mà chính là cái Đạo nơi mình « *làm* ». Cái « *làm* » ấy, là cái « *làm* » của Đạo nơi ta, nghĩa là cái làm của cái Vô-Ngã cho nên hành động ấy gọi là hành động Vô-Vi (無為).

Vô-Vi, tức là hành-vi của Vô-Ngã, của Chân-Thể, của Bản-Tánh. Cái hành-vi của Vô-Ngã ấy, gọi là Đức (德).

* * *

Theo Trang-Tử, sống hòa làm một với Đạo, tức là sống theo Chân thể, theo Bản-Tánh, nên gọi là Thiên (天). Trái lại, sống trong sai-lầm của quan-niệm Nhị-nguyên, thấy mình riêng biệt với vạn-vật, tức là sống theo tư-ngã, sống theo cái sống giả-tạo ước-lệ của xã-hội chung quanh, của cái người mẫu lý-tưởng theo xã-hội chung quanh, của cái người mẫu lý-tưởng theo xã-hội, chế-độ, luân-lý ước-định, đó gọi là Nhơn (人).

Thiên Đại-Tông-Sư nói : « *Biết được cái hành-động của Trời (天), biết được hành-động của Người (人) đó là biết đến chỗ cùng tột rồi vậy* » (知天之所為, 知人之所為, 至矣).

Thiên Tại-Hựu nói : « *Đạo có Thiên - đạo, có Nhơn đạo... Thiên-đạo và Nhơn-đạo khác nhau rất xa (道, 有天道, 有人道... 天道之與人道也, 相去遠矣). Thiên-Canh-Tang-Sô cũng nói thêm : « *Thánh-nhơn khéo về Thiên-đạo, mà vụng về Nhơn-đạo* » (聖人上乎天而拙乎人).*

Kẻ nào sống được trong cái Sống-thật của Tánh mình, Trang-Tử gọi là « *Người thật* » hay Chân-

Nhân. Người chưa sống được trong cái Sống của Chân-thể chưa phải là Chân-nhân. Cái « Sống vô-ngã » ấy là mục-đích cuối-cùng của đời người.

Vậy, tất-cả một nền triết-học của Trang-Tử có thể tóm lại trong một câu này trong thiên *Tiêu-Diêu-Du*: « *Chí-nhân vô - kỷ, thần - nhân vô - công, thánh - nhân vô - danh* » (至人無己, 神人無功 聖人無名)

Hành-vi kẻ « vô-kỷ, vô-công, vô-danh » là Vô - Vi. Vô-Vi, không phải là không làm, mà là làm theo Trời 天, không làm theo Người 人; làm theo Thiên-Tánh, không làm theo Tư-Ngã.

Vô-Vi có hai nghĩa: một nghĩa *tiêu-cực*, một nghĩa *tích-cực*. *Tiêu-cực*, là không làm những gì sai với cái tự-nhiên của mình *Tích-cực*, là phá-hoại những gì có thể trở ngại cho sự phát-triển tự-nhiên Bản-Tánh. Chính là chỗ mà ở thiên *Từ-vô Quý bảo*: *Cái đạo trị thiên-hạ không khác nào việc chẵn ngựa. Chỉ nên trừ-khử cho nó những gì có hại đến nó thôi*.

Bởi vậy, những cái mà Trang-Tử cho là có hại đến sự phát-triển tự-nhiên của Bản-Tánh con người, ông đều cực-lực bài-bác như tất-cả mọi lối chánh-trị, chế-độ, luân-lý... đương thời vậy.

Bởi vậy, những cái mà Trang-Tử cho là có hại

đến sự phát-triển tự-nhiên của Bản-Tánh con người, ông đều cực-lực bài-bác. Chánh-Trị, chế-độ luân-lý nào, nếu còn căn-cứ vào quan-niệm Nhị-Nguyên, chỉ là thứ văn-minh tai-hại cho đời sống tự-do của những ai muốn theo con đường giải thoát. Thứ văn-minh căn-cứ vào Nhị-Nguyên này là thứ văn-minh mà triết-gia Henri Bergson gọi là « xã-hội-đóng » (société close). Có khác nào cái vỏ trứng gà. Bản-Ngã nhốt Thiên-Tánh nơi trong. Muốn « Sống », Thiên-Tánh phải phá-hoại cái vỏ bao ngoài đi, mới sống được. Những văn-minh từ xưa đến nay của loài người đều căn-cứ trên nền-tảng lầm-lạc của Bản-Ngã (Ngã-chấp hay Nhị-nguyên). Những giá-trị của thứ văn-minh ấy chỉ có một phận-sự là củng-cố cái « vỏ bao ngoài » ấy, tức là tìm đủ cách để thoả-thích và nâng cao Bản-Ngã, thật rất tai-hại cho những ai đã nhận-chấn được cái « sống vô-ngã » của mình và mong-mỏi trở về sống trong cái « Sống » ấy.

Những thứ văn-minh ấy, phủ-nhận cái Bản-Thể toàn-năng toàn-lực của cá-nhân và chạy theo sự thực-hiện một Bản-Thể toàn-năng toàn-lực ở ngoài mình, nghĩa là của kẻ khác, dĩ-nhiên phải căn-cứ nơi sự « người bóc-lột người ». Bóc-lột cả về hai phương-diện vật-chất lẫn tinh-thần. Con người, một khi đã nhận thấy mình thiếu-thốn, mong đem cái sáng của người làm cái sáng của mình, mong mang đầu-óc óc kẻ khác mà nghĩ, mang quả tim người khác mà

cảm, thì ngay khi đó, ta đã tạo ra vấn-đề « người bóc lột người » rồi. Có kẻ nhận chịu cho kẻ khác giúp, mới có kẻ làm ân-nhân mình, nhân đó họ mới đề đầu cổ cho mình, bóc-lột sai-sử mình. Nhược bằng, ai ai cũng biết nhận thấy chỗ viên-mãn của mình, không hề-bằng tham muốn cái viên-mãn của kẻ khác, thì làm gì có sự bóc-lột sai-sử của kẻ khác được nữa. Cho nên sở-di có kẻ bóc-lột là vì có người chịu để cho người bóc-lột. Ôi ! Kẻ còn mong trừ diệt cái « xã-hội người bóc-lột người » bằng cái thuật « hạn phúc của mình phải nhờ có kẻ khác giải-quyết hộ cho », thì có khác nào những kẻ mong « bẻ hoa trong gương », « mò trăng đáy nước ».

Nguyên-nhân của sự người bóc-lột người là Bản-Ngã. Kẻ giàu lòng tự-do, cố-nhiên rất thù những thứ văn-minh bóc-lột ấy. Trang-Tử sở-di bài-bác những chế-độ đương thời, không có gì là lạ cả.

Cái văn-minh của ông tôn-thờ là văn-minh của sự Toàn-thiện, tức là văn-minh kêu gọi người trở về sống theo cái Toàn-thiện của mình, nghĩa là thực-hiện sự hoàn-toàn viên-mãn của mình, không hề-bằng tham muốn sự hoàn-toàn viên-mãn của kẻ khác. Cái văn-minh mà ông phản-đối là cái « văn-minh tiến-bộ », lấy sự trở-nên một cái gì không phải mình làm cơ-sở, so-do, tranh-cạnh, tài đủ phương-thế để bằng người, hoặc hay hơn người, vì không tin nơi sự Toàn-thiện

toàn-mãn của mình, mà mãi trông nơi sự Toàn-thiện của kẻ khác.

« Người lý-tưởng » theo « văn-minh Toàn-thiện » là bậc chí-nhân « vô-kỷ, vô-công, vô-danh », là kẻ đã giải-thoát cặp tương-đối « nhị-nguyên » kẻ đã phục-hồi được Bản-Tánh, nghĩa là đã sống được trong cái Sống-Một của mình. Tự mình không thấy thiếu, nên họ sống thản-nhiên, không màng đến dư-luận khen chê, cũng không tham-vọng một lẽ nào khác nơi ngoài cả.

Trái lại, « người lý-tưởng » theo « văn-minh tiến-bộ » là người thích thế-lực, thích cầm quyền thiên-hạ. Nhân-phẩm của họ, tăng theo số ruộng đất, nhà cửa, quyền tước của họ, nghĩa là do nơi giá-trị của ngoại-vật mà họ thâu-trữ hơn là do nơi giá-trị của cái người thật bên trong của họ.

Hai thứ văn-minh ấy không thể ở chung với nhau được nơi một người hữu-tâm và thành-thực với mình. Kẻ ham Hòa-Bình, chuộng Tự-Do không bao giờ chịu theo cái lý-tưởng của văn-minh tiến-bộ là cái văn-minh mà xưa nay kết-quả đã đưa người ta vào những cuộc tranh-đấu liên-miên, chiến-tranh bất-tận, tàn-nhẫn, thảm-khốc không biết chừng nào.

Một cái văn-minh căn-cứ trên nền tảng lạc-lãm của Bản-Ngã mà vẫn cũng ao-ước được sống trong Hòa-Bình, làm thế nào được ? Vậy chứ, định thị phi,

phân vinh-nhục, biện tốt xấu... đó không phải là làm mỗi cho lòng dân sinh loạn hay sao? Cùng cho một vật là quý, là vinh, là tốt mà tôn-trọng; một vật là hèn, là nhục, là xấu mà khinh-khi, không phải đó là giục lòng dân tranh-giành giết hại lẫn nhau sao? Đã giục lòng tham muốn rồi lại còn đem đạo-đức nhân-nghĩa ra mà can-ngăn, hãm-he không cho tham-muốn nữa thì làm sao mà can ngăn cho được? Cổ-nhiên phải dùng đến hình-phạt mà cưỡng-chế người phải nghe theo. Nhưng rồi cũng không làm sao cưỡng-chế cho được, vì cái mầm loạn đã gây ra ngay lúc mình đã đem tốt xấu, thị phi, vinh nhục mà định phân kia rồi. Nếu muốn làm tắt lửa tham dục nơi lòng con người, thì không còn phương-pháp nào hiệu-quả hơn là san bằng giá-trị tuyệt-đối của sự vật. Có đâu, một đàng thì đun, một đàng thì khuấy mà lại muốn cho nước sôi nguội lẫn, không phải đó là việc làm vô-ý-thức lắm hay sao? Sao chẳng biết rút củi ra và tắt lửa đi, việc mà kẻ tầm-thường cũng biết. Bởi vậy, Trang-Tử đã dành một thiên đặc-biệt là *Tề-Vật-Luận* đề thủ-tiêu tất-cả những bằng giá-trị thông-thường của Nhị-nguyên: như tốt xấu, thị phi, vinh nhục, lớn nhỏ... bằng một lý-luận chặt-chẽ và rắn-rỏi mà xưa nay trong lịch-sử tư-tưởng Á-Đông chưa từng thấy có. Chính đây là cái thuyết Vô-Danh của ông mà ta sẽ bàn đến ở một nơi khác.

Một học-giả đời Thanh, LÂM-TÂY-TRỌNG có nói:

« Ta thử xét ở các bậc đế-vương đời xưa mà xem. Các bậc ấy đã từng trêu gọi lòng người, họ bày ra nhân-nghĩa, chia phân phải quấy... rồi lại còn bày ra hình-phạt lỗi thời. Rút lại, chỉ vì mong trị thiên-hạ mà làm loạn thiên-hạ... » Một chỗ khác ông lại nói: « Người đời nói về trị, thường câu-nệ về chỗ « ta » với « người » quanh quẩn về chỗ « đồng » với « dị ». Cố tìm cách thắng vật ngoài, nhưng rút lại thường là bị vật ngoài thắng lại. » Nên chi, Trang-Tử mới bảo « Thiên-hạ sở-dĩ không trị là vì có kẻ trị thiên-hạ », (*) đâu phải là nói quá.

Có gì trớ-trêu bằng, một mặt thì bo-bo lo gìn-giữ rất nhặt-nhiệm những bằng giá-trị của văn-minh tiến-bộ, nghĩa là còn lấy chỗ hơn người làm vinh, thua người làm nhục,... một mặt lại đem nhân-nghĩa, đạo-đức cùng hình-phạt mà khuyến-lệ hay răn-he không cho ham muốn, hoặc ham muốn thái quá... Nhân-nghĩa của bọn thầy đời này không phải là cấm ngăn không cho tham-muốn hay sao? Họ liền-tiếp bảo thiên-hạ đừng có « tham cái nhỏ », hay « tham cái lớn » Trang-Tử nói: « Thiết câu giả tru, thiết quốc giả hủ » (Trộm cái móc thì bị tội xử tử, còn trộm cả nước thì được làm vua chư hầu). Thật là vạch rõ tâm-địa của bọn giả đạo-đức đúng mực vậy. Mà dù ở vào đời nào, trong những xã-hội văn-minh tiến-bộ, luân-lý đạo-đức chỉ là một tràng giả-dối: trợ kẻ mạnh, hiếp kẻ yếu. Vậy

(*) Khử-Cự.

chứ ta không thấy trong phần nhiều chế-độ hiện-thời, thăng trộm lớn đi bắt thăng trộm nhỏ hay sao ? Than ôi ! Cái lý-lẽ của kẻ mạnh bao giờ cũng phải hơn cả !

.*

Nói đến sự Tận-thiện, ta nên đề ý đến điều này. Theo Trang-Tử, không có một cái Tận-thiện nào có thể đem làm cái Tận-thiện mẫu cho tất-cả muôn loài. Mỗi vật đều có một cái Tánh Phận riêng mà Tạo-hóa đã an-bài, nên mỗi vật đều có cái tận-thiện riêng của nó. Cái tận-thiện của hột ngọc trai không phải cái tận-thiện của đóa hoa hương hay của con chim anh-vũ. Trong một cơ thể, cái phối tận-thiện không giống cái gan tận-thiện... Cái tận-thiện của vật này không còn phải là cái tận-thiện của vật khác. Thế thì, còn chỉ gọi là Quý Tiệm, Lớn Nhỏ, Tốt Xấu, Vinh Nhục được nữa. Con người không khác nào một tế-bào trong muôn triệu tế-bào trong một thân-thể to-tát là Vũ-Trụ. Mỗi vật mà được sống một cách tự-do hoàn-toàn theo cái sống của mình, thực-hiện được triệt-đề cái Tánh-Phận của mình thì cũng vẫn đáng quý đáng trọng cũng như muôn vàn vật khác không cùng một Tánh Phận như mình. Không ai có quyền nêu một cái tận-thiện lý-tưởng nào để làm mẫu-mực cho người người đều phải noi theo ! Làm thế là làm sai với Tự-nhiên, điều mà ông luôn luôn cực-lực bài-bác ở thiên Tiêu-

Điều-Du. Tốt xấu, vinh-nhục, lớn nhỏ... là sự nhận-thức của kẻ sống trong quan-niệm sai lầm của Bán-Ngã, của Nhị-Nguyên, chỉ thấy sự vật rời-rạc mà không biết nhận thấy sự liên-quan mật-thiết trong Vạn-Vật, nó chẳng-chợt, dính-liú nhau như những tảng-phủ trong một " cơ-thể-sống " vậy.

.*

Đó là cái tư-tưởng trụ-cốt của Trang-Tử, có thể gọi là trung-tâm-điểm của học-thuyết ông vậy. Suốt bộ *Nam-Hoa Kinh* bao nhiêu tư-tưởng chung quy đều do nơi đó mà ra cả.

.*

2.— NHỊ-NGUYÊN VÀ NHẤT-NGUYÊN :

Học-thuyết của Trang-Tử rất khó hiểu cho một phần đông người bây giờ là vì nó thuộc về cái học Nhất-nguyên (*) mà phần đông chúng ta lại thường tư-tưởng theo lẽ-lối Nhị-nguyên.

Nhị-nguyên thì phân chia sự-vật trong đời ra làm hai phần biệt-lập : chủ-quan và khách-quan, phải và quấy, lành và dữ, tốt và xấu, vật và tâm, tĩnh và động, v... v... Hai lẽ tương-đối ấy luôn luôn tranh-đấu,

(*) Dùng chữ Nhất-Nguyên cũng là cưỡng-dùng, vì nói là Một, thì người ta hay liên-ngĩ đến có Hai. Gọi là Bát-Nhị (không phải hai) có lẽ dễ hiểu hơn.

tiêu-diệt lẫn nhau. Phải là phải mà quấy là quấy ; tĩnh là tĩnh, mà động là động ; vật là vật, mà tâm là tâm... Người ta không thể hiểu rằng phải và quấy, tĩnh và động, tâm và vật có thể sống chung nhau, có thể dung-hòa nhau mà tồn-tại, hơn nữa, cả hai là Một. Bởi vậy, họ mới có lấy cái Phải mà trừ cái Quấy, lấy cái Động mà trừ cái Tĩnh, lấy cái Tâm mà trừ cái Vật... Bấy giờ mới có bày ra duy-tâm duy-vật, chia phe chia đảng, giết hại lẫn nhau để chứng-minh cái phải của mình. Mỗi một người của chúng ta không thể tư-tưởng hoặc sống, nếu không *chống-lại* với một cái gì : *chống* duy-tâm hay *chống* duy-vật, *chống* hữu-sản hay *chống* vô-sản... Đây là cái chiều tự-nhiên của tư-tưởng thông-thường ta. Kể nào nghĩ đúng theo ta, là bạn ta ; kể nào nghĩ khác với ta là kẻ thù của ta. Kể nào đồng với ta, ta cho là Phải ; kể nào không đồng với ta, ta cho là Quấy. Tư-tưởng của ta là tư-tưởng có một chiều mà thôi, hay muốn nói một cách khác, *tư-tưởng* ấy là một thứ tư-tưởng « *tĩnh* ».

Trái lại. *tam-nguyên* thì nhận rằng Tâm-Vật, Phải-Trái, Tốt-Xấu, Động-Tĩnh là hai trạng-thái của mọi sự mọi-vật. Sự-vật đều do sự cọ-xát giữa hai lẽ mâu-thuẫn ấy mà có. Cặp tương-đối mà mất đi một phần, thì không có một cái gì tồn-tại đứng cả. Nói theo Dịch-học, thì Âm-Dương là hai lẽ mâu-thuẫn thường-tại của mọi sự mọi vật. Âm không phải thuần Âm, mà Dương cũng phải thuần Dương. Trong Âm có ẩn phần

Dương ; trong Dương cũng có ẩn phần Âm. Mà Âm cực thì Dương sinh ; Dương cực thì Âm sinh, tạo ra sự có có không không liên-miên bất-tuyệt.. Giữa hai lẽ Âm-Dương mâu-thuẫn ấy, có một cái gì nằm giữa mỗi hai bên, bắt buộc nó không thể rời nhau, để nó biến-hóa sinh-tồn (1). Cái đó, Trang-Tử gọi là Đạo 道. Cái nguyên-lý thứ ba này mà vắng mặt thì sự-vật rời-rã, tiêu-tan tất cả (2). Cho nên xin tạm gọi là Tam-Nguyên.

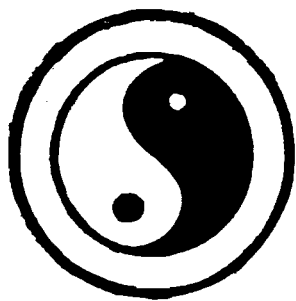
Không riêng gì Dịch-lý Trung-Hoa, mà ở đây có lẽ Trang-Tử đã mượn để biểu-diễn vũ-trụ-quan của mình, và ngay trong tất-cả các ngành Đạo-học cổ-điển. Đông-Phương cũng đều có đề-cập đến cái quan-niệm nguyên-thủy ấy. Ai-Cập cũng có Tam-nguyên, tượng-trưng bằng ba vị thần Shou là Khí, Tefnet là Hư-Không và Atoum là vị thần cầm giềng-mối hai vị thần kia và làm cho họ dung-hòa nhau. Bên xứ Sumer thì cũng có Tam-Nguyên, tượng trưng bằng ba vị thần : Auou là vua cõi Trời ; Enlil là vua cõi Đất ; Ea, chúa tể chi-phối cả hai vị kia. Bên Ba-tư cũng có Tam-nguyên tượng-trưng bằng ba vị thần Ormuzd, vị thần Thiện ;

(1) Có cọ-xát dun-dây nhau mới có biến-hóa. Có biến-hóa mới sinh tồn đứng. (Dịch tắc biến, biến tắc thông, thông tắc cửu)

(2) Chính chỗ Lão-Tử bảo : bảo « Nhất sanh Nhị, Nhị sanh Tam, Tam sanh Vạn-Vật. » (ĐẠO-ĐỨC-KINH) Số Ba này là Nguyên-lý sinh ra Vạn-Vật. Nên tạm gọi là Tam-Nguyên (Nguyên Lý thứ Ba)

Akrimane vị thần Ác, và *Mithra* thần thứ ba chỉ-huy và dung-hòa cả đôi bên Thiện-Ác. Ấn-độ cũng có Tam-nguyên tượng-trưng bằng ba vị thần : *Brahma* là chúa tể chỉ-huy hai vị thần phụ-tá là *Vishnu* vị thần Bảo-vệ muôn loài, và *Shiva*, vị thần tàn-phá và tiêu-diệt muôn loài. Nhưng chỉ trong cái đồ Thái-cực của Dịch-học Trung-hoa là biểu-diễn được cái ý-nghĩa Tam-nguyên rõ-ràng cả.

Trong Thái-Cực đồ, có hai phần bằng nhau : một phần Âm (màu đen) và một phần Dương (màu trắng) bao-học trong một cái vòng. Cái vòng ấy gọi là Đạo (nguyên-lý) bao gồm và điều-hòa hai lực-lượng mâu-thuẫn kia.



→ Đạo lý

Thái-Cực đồ

Phần Dương (trắng) lại có một điểm Âm (đen) ; phần Âm (đen) lại có một điểm Dương (trắng) ở giữa, để chỉ rằng tạo-vật trong đời không có một yếu-tố nào hoàn-toàn thuộc Dương hay hoàn-toàn thuộc Âm cả. Cặp tương-đối nguyên-thủy là Âm và Dương ám-chỉ

bao hàm tất-cả mọi lẽ tương-đối trên đời : ngày đêm, nóng lạnh, động tĩnh, phải quấy, tốt xấu, sanh hoại, trụ diệt, thật giả, thiện ác v. v...

Hai nguyên-tắc mâu-thuẫn Âm và Dương hoàn-toàn đồng-đẳng ; tự nó, không có nguyên-tắc nào cần-thiết hơn nguyên-tắc nào. Sự cộng-tác chặt-chẽ và điều-hòa giữa hai lực-lượng ấy rất cần-thiết để phát sinh bất-kỳ là một hiện-tượng nào trong Vũ-Trụ, dù nhỏ đến đâu. Bởi vậy, không thể cho bên nào là cao hơn bên nào, về phẩm cũng như về lượng.

Trên hai nguyên-tắc tương-phản và đồng nhất ấy có một nguyên-tắc hợp-nhất, điều-hòa và chi-phối, là Đạo. Thiếu nguyên-tắc này thì hai lực-lượng kia, tự nó bị tiêu-diệt lẫn nhau.

Con người là một cái « tiểu-kiến-khôn », cũng giống như « đại-kiến-khôn » là Vũ-Trụ. Cái thực-thể của con người là sản-vật của hai nguyên-tắc âm-dương mâu-thuẫn ấy, đứng về phương-diện tự-nhiên và thời-gian hữu-hình và một nguyên-tắc thứ ba thiêng-liêng vô-hình và ngoài thời-gian (intemporel) chi-phối.

Sự thực-hiện của con người là nhờ nắm được cái thực-thể bên trong ấy. Và chỉ nắm được cái thực-thể ấy khi nào mình đứng trong Đạo mà xem thấy nơi ta sự hoạt-động của hai nguyên-tắc tích-cực và tiêu-cực vừa mâu-thuẫn, vừa đồng-đẳng nhau về giá-trị. Bấy giờ, ta mới thực-hiện được sự tổng-hợp

quân-bình của cái con « người toàn diện » của ta mà thôi.

Có được sự nhận-thức tổng-quan ấy, tức là có được sự nhận-thức hợp nhất ấy mới có thể tiêu-trừ được cái ác tập nhĩn sự-vật với cặp mắt chia-phân Thiện-Ác, Phải-Quấy, Tốt-Xấu. Trong thiên *Tề-Vật*, Trang-Tử bài-trừ cái ác-tập phân-chia ấy vì nó là cái bệnh trầm-trọng nhất của những người chưa giác-ngộ cái Đạo nơi mình, cái bệnh của những người còn nhìn đời bằng cặp-mắt nhị-nguyên.

Có tiêu-trừ được cái ác-tập nhị-nguyên ấy, người ta mới giải-quyết được vấn-đề hạnh-phúc của mình, người ta mới giải-thoát được cõi lòng vô-minh đau khổ... (*) Cốt yếu học-thuyết Trang-Tử là đạt đến trạng-thái Tự-do, cái Tự-do tuyệt-đối của sự giải-thoát, nhờ phương-pháp san-bằng giá-trị nhị-nguyên về sự vật. Bởi vậy, tiếp hiên *Tiêu-Diêu-Du* bàn về tuyệt-đối tự-do, là thiên *Tề-Vật-Luận* bàn về sự đồng-đẳng của

(*) Đạo-Da-tổ có bài ngụ-ngôn lý-thủ này : Chúa Trời sanh ra loài người đầu tiên có ông Adam và bà Eve có thể gọi là thủy-tổ loài người. Chúa cho ở vườn Thiên-dàng. Chúa cho hưởng tất cả đồ ăn cây trái trong vườn, trừ ra cây THIÊN-ÁC. Chúa nói : « Chớ ăn trái Thiên-Ác ; động đến, con phải chết ». Bà Eve nghe lời dụ-đỗ của con rắn (hiện thân của Lý-Trì) ăn trái cây Thiên-Ác, lại còn cho ông Adam ăn nữa. Chúa bèn đuổi hai ông bà ra khỏi vườn Thiên-dàng là nơi hạnh-phúc hoàn-toàn và từ đó luôn cả con cháu của ông phải bị đau khổ vì đã « nếm » lời trái cây Thiên-Ác (Nhị-Nguyên).

tất-cả sự mâu-thuẫn trong đời. Hai thiên ấy là cơ-sở của cả nền học-thuyết Trang-Tử.

Người giải-thoát là người không còn nô-lệ bất-cứ một bảng giá-trị về đạo-đức luân-lý nào nữa cả. Không nô-lệ lấy một cái Phải hay một cái Quấy nào... Tốt xấu, lành dữ, vinh nhục, sanh tử... đều được họ nhìn với một cặp mắt huyền-đồng. Họ đã thoát khỏi quan-niệm về nhị-nguyên, chia phân « nhĩ-ngã », họ thấy tất-cả sự mâu-thuẫn trong đời đều có một cái gì chẳng-chặt dính-lưu nhau rất mật-thiết, nhất là giữa Ta và Người là cặp mâu-thuẫn to-tát nhất. Không giải-quyết được cặp mâu-thuẫn ấy là chiến-tranh, là tiêu-diệt. Bởi vậy, kẻ còn sống trong quan-niệm nhị-nguyên chia phân Nhị-Ngã, luôn-luôn lo củng-cố cái Bản-ngã của mình. Vấn-đề lớn nhất trong đời họ là cái Ta của họ. Họ nói : « Tôi ». Hoặc rộng hơn một chút : gia-đình tôi. Rộng hơn nữa : quốc-gia tôi. Rộng hơn nữa : dân-tộc tôi. Họ không thể nào hiểu được Ta là Người mà Người cũng là Ta.

Trang-Tử nói : « người cùng tạo-hóa hợp làm một rồi, thì đi đâu mà không phải là mình » (冥然與造化爲一, 則無往而非我). (Mình nhiên dữ Tạo-hóa vi nhất, tắc vô vãn như phi ngã dĩ)

Thiên *Tề-Vật* nói về chỗ phân-biệt giữa cái chân-lý Nhị-nguyên và Tam-nguyên rất rành : « Vạn-vật không đồng nhau, thế thì cái gì khiến nó được liên-lạc với nhau như vậy ? Biết một cách rộng-rãi bao quát, đó là

đại-tri, biết một cách vạn-vật chia lìa, đó là tiểu-tri. Lời nói bao-quát, đó là đại-ngôn; lời nói chi-lý, đó là tiểu-ngôn...

Henri Poincaré cũng nói một thể: « cái Thực-Tại của nhà triết-học khao-khát không phải thứ Thực-Tại của nhà khoa-học thỏa lòng. Thực-Tại, thứ thật, cái Thực-Tại của nhà triết-học thì luôn-luôn sống động; những bộ-phận trong đó chẳng-chặt dính-lu nhau, dường như hòa cùng nhau làm một vậ, đến nỗi ta không thể nào phân-tách nó ra mà khỏi phải làm cho nó tan-tành. Thực-Tại của nhà khoa-học chỉ là một cái hình-bóng, cũng như tất cả hình-bóng, nó tĩnh và chết, hoặc nói cho đúng hơn, nó là một món đồ cần trong các miếng đá cần tuy chấp nối lại với nhau rất khéo, nhưng cũng chỉ là chấp nối với nhau mà thôi. » (*)

Đạo 道 theo tam-nguyên, tức là cái mà làm cho vạn-vật hiệp lại làm một đó. Lấy theo khoa-học nguyên-tử ngày nay, ta cũng có thể lý-hội được cái lẽ chẳng-

(*) La Réalité que le philosophe aspire à connaître n'est pas celle dont le savant se contente. La Réalité, la vraie, celle du philosophe est constamment vivante, constamment changeante; les diverses parties en sont intimement liées et semblent se pénétrer mutuellement, de sorte qu'on ne saurait les séparer sans les déchirer. Celle du savant n'est qu'une image; comme toutes les images, elle est immobile et morte ou plutôt c'est un mosaïque dont les pierres sont juxtaposées avec art, mais ne sont que juxtaposées (Discours de réception à L'Académie française).

chặt, ấy trong sự-vật. Nguyên-tử vật-chất là sự kết-tinh của các hạt điện-tử « protons » và « électrons » (1). « Protons » và « électrons » không dính nhau mà lại có những khoảng rộng-rãi chia cách nhau như giữa các hành-tinh tinh-tú. Thế mà vật-chất ta vẫn thấy như là một « khối cứng ». Vạn-Vật trong Vũ-Trụ đối với ta, thật ra cũng một thể, nó chẳng-chặt dính-lu với nhau cũng như các tế-bào trong một thân-thể, tương-liên tương-ứng, và cùng sống trong cái « sống chung » của một thân-thể vậy.

Kìa như sóng ngoài biển-khơi... tuy có thiên-hình vạn-trạng, nhưng kỳ thật đều là Nước cả. Không cần quan-tâm đến cái Tướng của nó, mà chỉ nên nhìn vào cái THỂ của nó, thì tuy SỐNG có vạn-trạng thiên-hình, kỳ-trung ta thấy có Một mà thôi. Người đã diệt được cái Bản-ngã rồi, « phục-hồi được Bản-tánh » thì thấy vạn-vật đâu đâu cũng là mình cả, nghĩa là cùng một cái « Sống » như cái « Sống » của mình. (2)

Romain Rolland nói: « Cái Sống ấy, tôi thấy Nó trong tất-cả mọi vật trong đời. Tôi thấy nó toàn-mãn trong

(1) Proton = dương điện (+)

Electron = âm điện (—)

(2) ... « Nous sommes le plus grand Dieu... Les Christs et les Bouddhas ne sont que des vagues sur l'Océan-Sans-Limites que Je Suis ».

(Vivekananda)

một miếng vạn-vật cũng như trong toàn-thể Vũ-Trụ. Tinh-hoa của Nó không khác nhau chỗ nào cả. Còn lực-lượng của Nó thì đâu đâu cũng vô-cùng : lực-lượng của Nó nằm trong nhúm bụi, có thể, nếu ta biết cách, làm cho nổ tan cả một thế-giới. Sở-dĩ có sự khác biệt nhau là do chỗ Nó được kết-tinh nhiều hay ít nơi trung-tâm một tâm-hồn, hay nơi trung-tâm một hạt nguyên-tử. Bực vi-nhân trên hết cũng chỉ là một mảnh gương trong hơn hết trong mỗi giọt sương phản-chiếu ánh mặt trời... » (1)

Mỗi phần-tử đều chứa đựng cái toàn-thể, không khác nào mặt trời chiếu giọt triệu ức giọt sương, mỗi giọt sương đều chứa đựng cái hình-ảnh đầy-đủ của mặt trời. Cái Đại-Thể của Vũ-Trụ không khác nào mặt trời, mà mỗi vật trong trời đất là mỗi giọt sương. Trang-Tử nói : « Hiều tận vạn-vật rồi mới thấy nó liên-lạc nhau ». (萬物盡然而以是相連) (2).

Tìm Chân-lý (Đạo) tức là tìm chỗ liên-lạc một-

(1) ... « Je Le vois tout entier dans le moindre segment comme dans le Tout cosmique. Nulle diversité d'essence. Et quant à la puissance elle est partout infinie : Celle qui gît dans une pincée de poussière pourrait si l'on savait, faire sauter un monde. La seule différence est qu'elle est plus ou moins concentrée au cœur d'une conscience, d'un moi ou bien d'un noyau d'atome. Le plus grand homme n'est qu'un plus clair miroir du soleil qui se joue en chaque goutte de rosée (R. ROLLAND. Vie de Rama Krishna — p. 26).

(2) Tề-Vật-Luận : « Vạn-Vật tận nhiên nhi dĩ thị tương uân ».

thiết giữa mọi sự-vật, tìm thấy chỗ Một của thiên-hình vạn-trạng sự-vật. (1)

Học-thuyết Trang-Tử, trước hết, là « huyền-học », không phải là một thứ triết-học suông. (2) Chữ « Huyền » 玄 đây, nguyên nghĩa là « cột » lại, « hiệp » lại. Huyền-học tức là cái học làm cho người (人) đồng-hóa với Trời (天). Sự hỗn-hợp ấy gọi là « huyền-dồng » (3). Cho nên, học-thuyết Trang-Tử không phải đề « học » mà là đề « hành ». PLÙNG-hữu-Lan gọi là « thuần-túy kinh-nghiệm »... Henri Bergson cũng đồng một ý như trên khi ông nói : « Triết-học là sự cố-gắng để hỗn-hợp vào Đại-Toàn-Thể » (La Philosophie est un effort pour se fondre dans le Tout).

Vậy, muốn hiểu rõ học-thuyết Trang-Tử cần phải dùng Trực-Giác, không thể dùng Lý-Trí nữa.

.*.

(1) L'Un dans le Multiple.

(2) Chữ Huyền-học 玄學, cũng viết 玄. Chữ huyền có nghĩa là « cột lại » còn cũng có nghĩa là xóa-nhòa làm cho mất chỗ phân biệt đi. Cả hai đều cùng một-nghĩa, (theo chủ-giải của QUÁCH-TUÔNG 郭象).

(3) Chữ triết 折 : do chữ 折 (chiết) là chặt, là chẻ, là phân chia, chặt khúc ra... chữ 玄 nguyên là hình vẽ một khối (vật). Triết-học, là cái học phân-tích ra từng phần để nghiên-cứu, để tìm cái lý trong sự vật.

3.— LÝ-TRÍ VÀ TRỰC-GIÁC

Muốn thấy dạng chỗ liên-hiệp giữa các sự-vật không thể nào dùng đến Lý-Trí được nữa, mà phải dùng đến Trục-Giác.

Trang-Tử cho Trục-giác là một thứ đại-trí, còn Lý-Trí là tiểu-trí. Ông nói, ở thiên Tề-vật : « Biết một cách rộng-rãi bao trùm là đại-trí ; biết một cách vun-vật chia-lia là tiểu-trí » (大知聞聞小知聞聞).

Lý-Trí là cái khiêu biết nhờ phân-tích sự-vật ra từng mảnh-mún vun-vật để cân-nhắc, so-sánh với vật mà ta chưa biết, đó là phương-pháp hành-động của Lý-Trí.

Mà chân-thể của sự-vật là một cái gì « độc-nhất vô-nhị », tuyệt-đối, tự-bản tự-căn, thế thì dùng đến Lý-Trí đem một vật không phải nó để so-sánh mà hiểu biết, nhất-định là không thể được. Lý-Trí đối với sự hiểu-biết cái Chân-thể tuyệt-đối của sự-vật thật là « vô-năng » rồi vậy. Lý-Trí chỉ nhận biết được những sự-vật thuộc về quá-khứ mà thôi. Mà sự Sống thật của ta là một cái Thực-tại gồm cả quá-khứ hiện-tại và vị-hai, ngoài không-gian thời-gian, thì Lý-Trí làm gì nhận-thức được. Ta chỉ có thể dùng đến Trục-giác mà nhập ngay vào sự-vật mới mong lưu-chuyển kịp theo cái động của cái Sống ấy mà thôi.

Dùng Lý-Trí phải dùng theo sở-năng của nó và đừng đòi hỏi nó quá cái khả-năng của nó, đó là « biết

dùng ngay nơi chỗ mà trí người không hiểu được nữa, đó là sự biết cùng-tột vậy ».

Trục-giác đi ngay vào trung-tâm sự-vật, nhận-thức ngay mối liên-quan mật-thiết giữa các sự-vật. Tỉ như một bài toán-đố : Một đứa trẻ đứng trước bài toán-đố ấy, nếu nó chưa nhận thấy được cái dây liên-lạc giữa những đề của những bài toán ấy (données du problème), nó không thể nào giải-quyết được. Muốn giúp nó hiểu, ta thử lấy từng đề một, sắp gần gần nhau dùng trí tưởng-tượng tỉ-dụ, kêu gọi cho nó. Nhưng, ta phải biết đợi đến khi nào trong óc nó nảy ra cái « yếng-sáng » làm cho nó thấy dạng cái chỗ liên-lạc mật-thiết giữa các đề ấy, bấy giờ nó mới có thể hiểu được. Nếu cái yếng-sáng ấy chưa hiện-ra, thì dầu ta có già công cắt-nghĩa bực nào, cũng đều vô-ích cả. Đứa trẻ nếu cố-gắng nhớ thuộc lòng hết thấy các đề ấy, hoặc đọc thuộc lòng bài giải-đáp của ta đã làm sẵn cho nó đi nữa, nó cũng không sao hiểu được nổi bài toán-đố ấy. Trí-nhớ, óc tưởng-tượng, lý-luận cũng không sao làm cho nó hiểu được gì cả.

Cái « ánh sáng » mà ta chờ đợi hiện lên trong đầu-óc đứa trẻ ấy, tức là Trục-giác (*) đấy. Ấy

(*) Trục-giác, là dùng theo danh-từ ngày nay, nó không phải là một thứ giác-quan như người ta thường gọi là « giác-quan thứ sáu », hay thứ trực-giác theo BERGSON. Thứ trực-giác theo Bergson cũng chỉ hoạt-động trong « dòng » sắc-lượng (nói theo danh-từ nhà Phật) chưa thật là cái Trục-giác của Đại-Trí (theo Lão-Trang) của Bát-Nhã (theo Nhà Phật).

là cái lẽ sáng-suốt rất thông-tuệ, thoáng qua là suốt động cả toàn-thể sự-vật. Nó là sinh-lực của tư-tưởng ; thiếu nó, không thể nào tư-tưởng được cả.

Cái sức « tác-động đồng-hợp » ấy là cái đặc-điểm của tinh-thần khang-khện của con người. Những tạng-phủ tuy rời-rạc, khác nhau về vị-trí và phận-sự, nhưng tựu-trung đều có một « tác-động đồng-hợp » để bảo toàn sự sống-chung của toàn-thể châu-thân. Nói về tinh-thần tư-tưởng ta cũng một thể. Ta dư biết rằng hễ tinh-thần ta càng lạc-lõng, tản-mác, bám chặt vào những quan-niệm rời-rạc chi-ly... ấy là triệu-chứng tinh-thần tư-tưởng của ta đã bạc-nhược lắm rồi. Sự tản-mác lạc-lõng ấy có thể đưa ta đến sự diệt-vong của tư-tưởng và biến thành những trạng-thái cố-chấp, ám-ảnh hay định-kiến của những người mà ta gọi là mất trí. Người mất trí cũng lý-luận lắm, nhưng họ lý-luận không ăn chịu nhau gì cả, họ luận « tam hoàng quốc-chí », đầu Ngô mình Sở... Trái lại, những tinh-thần tráng-khện thì bao-trùm được tất-cả các đề, nhận thấy được sự liên-quan mật-thiết giữa các sự-vật.

« Lý-Trí và Trục-Giác là hai cái cực-đoan của tinh-thần tư-tưởng con người », nhưng trong thực-tại cả hai đều là Một.

..

B.— PHÂN-TÍCH :

Trước đây là bàn về phần tổng-quan của học-thuyết Trang-Tử và bàn ngay về phần yếu-điểm của nó. Nay muốn đi sâu thêm nữa, ta thử đem học-thuyết ấy mà phân-tích ra cho rộng đường nghiên-cứu.

Ta hãy thử đem từng thiên trong Nội-thiên mà giải-thích. Nội-thiên có 7, nhưng ở đây, tôi rất đồng-ý với Diệp-Quốc-Khánh mà bỏ thiên Nhơn-Gian-Thế. Vậy, còn 6 thiên là Tiêu-Diêu-Du, Tề-Vật-Luận, Dưỡng-Sinh-Chủ, Đức-Sung-Phù, Đại-Tông-Sư và Ứng-Đế-Vương. Những thiên khác trong Ngoại-thiên và Tạp-thiên chỉ dùng để giải-thích những yếu-điểm của 6 thiên này mà thôi.

..

I.— TIÊU-DIÊU-DU

Nền-tảng của học-thuyết Trang-Tử là Tự - Do. Một thiên Tiêu-Diêu-Du toàn đề biểu-diễn cái lẽ ấy.

Tiêu-diêu là thông-thả tự-do vui thích theo Tánh-Phận của mình. Sống theo mình là tự-do, sống theo kẻ khác là nô-lệ. Muốn sống tự-do phải biết an với Tánh-Phận của mình trước hết.

Người đời thường bảo : Không tự-do thì là chết. Ôi ! tự-do mà còn phải bị ràng-buộc như thế, sao

còn gọi được là tự-do ! Ở cảnh nào cũng tự-do, đi đến đâu cũng tự-do, mới thật là tự-do. Nên mới gọi là « *tiêu-diêu-du* ». Chứ tự-do mà phải được như thế này mới tự-do, không được như thế này thì không tự-do, cái tự-do đó phải chăng là tự-do trong nô-lệ, nô-lệ lấy một điều-kiện ngoài mình mới được tự-do. Ở thiên Tiêu-Diêu-Du, Trang-Tử không nói đến thứ tự-do đó.

Con người sở-dĩ không được tự-do, chẳng tại đâu hơn là lòng ham-muốn. Còn ham-muốn một điều gì ngoài mình là đem thân làm nô-lệ cho điều ấy rồi.

TRẦN-TRỤ 陳柱 nói rất chí-lý : « Phàm ham-muốn, ước ao, đều là tình-dục cả. Muốn mà không được thì ưu sầu. Do con mắt tục mà xem thì ta thấy sự-vật có lớn có nhỏ, có dài có vắn. Mà nhỏ đt tham lớn, vắn đt tham dài. Nhưng hễ có lớn đt cũng có cái lớn hơn, vì vậy mà cái lớn lại vô-cùng. Ngoài cái dài, còn có cái dài hơn, nên cái dài cũng vô-tận. Cái lớn vô-cùng, cái dài vô-tận thì lòng tham-muốn của ta cũng theo đó mà không biết đâu là cùng tận » !

Đó là chỗ mà đời thường bảo : túi tham không đầy. Lòng tham-muốn của con người không có hạn, cho nên sự nô-lệ của con người và đau-khổ do đó gây ra cũng không biết đâu là bờ-bến. Vậy, muốn được tự-do tuyệt-đối mỗi vật phải biết « an theo phận mình »

(各安其分) (1), không còn ham-muốn chi chi ngoài cái Tánh Phận của mình cả mới được.

..

Trang-Tử nói : « Tại biển bắc có con cá Côn, lớn không biết mấy ngàn dặm. Cá này hóa ra chim Bằng lớn không biết mấy ngàn dặm. Lúc bay, cánh nó xoè như mây che cả một phương trời. Theo hơi gió biển, chim Bằng bay qua biển Nam. Biển Nam là ao Trời. Trong sách Tê-Hài, sách chép những sự quái-dị, nói rằng chim Bằng lúc bay sang biển Nam, sà trên mặt nước ba ngàn dặm dài, rồi cất lên không-trung chín muôn dặm cao và bay trọn sáu tháng trời — Cái mà ta thấy trên không đó có phải là dã-mã (2) chăng ? Phải là bụi trần chăng ? Phải là hơi hô-hấp của vạn-vật chăng ? Còn xanh xanh kia. Có phải là chánh sắc không ? hay là màu của vô-cùng thâm-thâm ? Và ở trên đó mà dòm xuống cánh trần này thì cũng thấy như thế. — Và lại, nước không sâu thì không sức chở thuyền lớn. Đò một chung nước xuống một cái lỗ, nhỏ, lấy một cọng cỏ làm thuyền thả lên thì thuyền tự nổi ; chứ lấy chung nước ấy thả lên làm thuyền thì thuyền mắc cạn. Là tại sao ? Tại

(1) « Các an kỳ phận » Mạng là cái mình thọ-lãnh của Tạo-Hóa mà mình không thể trốn được, cũng không thêm vì vô được nữa. (Chú-giải của Quách-Tượng). Phận đây có nghĩa tùy số-năng tự nhiên mà làm đến chỗ cùng-cực của số-năng ấy.

(2) Dã-mã : hơi đất ngoài đồng ruộng bay lên,

nước không sâu mà thuyền thì lớn. Lớp gió không dày thì không sức chở nổi cánh lớn của chim Bằng. Nên chim Bằng khi bay vượt lên chín muôn dặm cao là cỡi lên lớp gió ở dưới nó. Chừng ấy, lưng chịu trời xanh, rộng đường day trở, nó bay thẳng qua Nam.

— Một con ve nhỏ và một con chim cuu thấy vậy, cười và nói với nhau : « Ta, thì quyết bay vọt lên cây du, cây phượng. Như bay không tới mà có té xuống đất cũng không hề gì ! Bay cao chín muôn dặm, sang qua Nam mà làm chi ? Ta thích đến mấy cái đồng gần-gũi đây, ăn ba miếng no bụng rồi về. Nếu ta đến chỗ xa hơn trăm dặm thì ta có lương-thực ba tháng.

— Hai con vật đó biết cái gì ? Kẻ tiêu-tri không kịp người đại-tri. Kẻ nhỏ tuổi không bì người lớn tuổi. Cây năm mai không thể biết hồi sóc là gì. Con ve không thể biết xuân-thu là gì. Đó đều là hạng tiêu-niên. Phương Nam nước Sở có cây minh-linh sống một xuân năm trăm năm. Thượng-cổ có cây đại-xuân sống một xuân là tám ngàn năm, một thu là tám ngàn năm. Xưa nay, ta đã nghe danh sống lâu của Bành-tổ. Hễ nói qua việc sống lâu thì người đời hay đem Bành-tổ ra mà so-sánh. So-sánh như thế, không đáng thương hại sao ? »

Lớn nhỏ tuy khác nhau, nhưng nếu mỗi vật đều biết thuận theo cái Tánh của mình, an theo cái Phận của mình đều được tiêu-diêu không sai.

Chim Bằng sở-di gọi là « lớn », là sánh với chim

cuu và con ve. Nhưng, nó cũng chưa phải là vật tuyệt lớn. Ngoài nó còn có nhiều giống vật lớn hơn nữa. Nếu lại sánh với cái lớn vô-cùng của Trời Đất thì cái « lớn » của nó có thấm vào đâu — nó chỉ là một vật rất nhỏ.

Còn chim cuu, nếu sánh với vật lớn hơn nó như chim Bằng thì nó là một vật rất nhỏ, nhưng nếu sánh nó với con trùng hay con kiến thì nó lại là vật lớn như chim Bằng. Thiên Thu-Thủy giải chỗ này, có nói : « Nếu lấy chỗ « không đồng » mà xem thì vật nào cũng có thể gọi là lớn cả (sánh với vật nhỏ hơn nó), mà vật nào cũng có thể gọi là nhỏ cả (sánh với vật lớn hơn nó). Trời Đất, ta có thể xem như hạt thóc, mà mây lông cũng có thể xem to như hòn núi. »

Vậy, định cho vật này là lớn, vật kia là nhỏ, thật chưa biết lấy chỗ nào làm tiêu-chuẩn nhất-định đặng. Cho nên, « chịu » chỗ nhỏ của mình mà không tự cho là lớn, luôn-luôn thấy mình là đủ và « thích-kỷ tự-an » (適己自安) mới diệt bỏ được cái bụng đèo-bồng, cái lòng tham muốn về cái « phận » ngoài mình.

..

« Chim Bằng, lúc bay sang biên Nam, sà trên mặt nước ba ngàn dặm dài, rồi cất lên không chín muôn dặm cao và bay trọn 6 tháng trời... »

QUÁCH-TƯỢNG nói : « Nếu không phải mình-hải thì không đủ chỗ cho thân chim Bằng day trở, nếu không có chín muôn dặm cao thì không đủ chỗ cái cánh to-tướng của nó. Há phải đó vì háo-kỳ mà vẽ cho ra chuyện thêm đâu ! Hễ vật lớn ắt tự-sanh nơi chỗ lớn, mà chỗ lớn tất nhiên sanh ra vật lớn đó. Lý-cổ tự-nhiên, đâu có cần lo cho nó không được như vậy. Sao lại để tâm vào việc đó mà làm gì ? ». Ông lại nói : « Cánh lớn thì khó cử động trong chỗ hẹp, cho nên phải vượt trên chín muôn dặm cao, mới có đủ chỗ mà cử động. Đã có cánh ấy mà quyết ở dưới thấp, bay lên vài chục thước cao có được không ? Đó đều là chỗ « không thể không vậy » choặng, đâu phải vui sướng gì mà làm ra như thế đâu ».

Chính Trang-Tử trong thiên Tiêu-Diêu-Du này cũng tự giải-thích : « Nước không sâu thì không sức chở thoàn lớn. Đỡ một chạng nước vô một cái lỗ nhỏ, lấy một cộng cỏ làm thoàn thả lên, thì thoàn tự nổi, bằng lấy cái chạng đó là thoàn thì thoàn mắc cạn.

— Tại sao vậy ? Tại nước không sâu, mà thoàn thì lớn. Lốp gió không dày, thì không sức chở nổi cánh lớn của chim Bằng .. »

Vậy, lớn thì thuận theo chỗ lớn, không tự xem là lớn mà kiêu với vật nhỏ. Nhỏ thì thuận với chỗ nhỏ, như « con ve, chim cu bay vọt lên cây du cây phượng » cũng không tự xem là nhỏ mà đèo bồng ham muốn cái rộng lớn của chim Bằng.

QUÁCH-TƯỢNG nói : « Sở dĩ không ham-muốn sánh kịp nhau, là bởi mỗi vật biết an theo thiên-tánh của nó, nên không lo buồn vì chỗ khác nhau ». Ông lại nói : « Nếu biết đủ với cái Tánh (tự-nhiên) của mình, thì tuy đại Bằng cũng không cho mình là quý hơn chim nhỏ, mà chim nhỏ cũng không ham muốn đến Thiên-trì (ao trời) mà làm gì. Nèn, nói đến cái vinh-dự của đại Bằng, hay cái lòng ao-ước của chim nhỏ (đề kịp với chim lớn) đều là nói thừa cả. Lớn, Nhỏ tuy khác nhau, nhưng tiêu-diêu vẫn một ».

Chim Bằng mà ở « thiên-trì », chẳng qua như chim cu ở cây du cây phượng ; — còn chim cu ở cây du cây phượng cũng chẳng qua như chim Bằng ở nơi thiên-trì : đều vừa với đó. Chim Bằng, không tự-biết mình là lớn, mà chim cu cũng không tự-biết mình là nhỏ. Không tự-biết mình là lớn, thì sao có kiêu với nhỏ ; không tự-biết mình là nhỏ, thì sao còn tham-muốn cái lớn làm gì ? Lòng tham-muốn về những điều ngoài Tánh - Phần của mình, tự-nhiên không còn. Mà lòng tham-muốn không còn, hạnh-phúc có ngay liền đó, hạnh-phúc sống được cái sống của mình, sống toại-sinh trong cái tự-tánh vô-cùng vô-tận của mình vậy (*)

..

(*) So-sánh với câu này của Epictète : « Phàm sự vật, có cái tùy ta, có cái không tùy ta. Tùy ta, là những phán-doán, khuyh-hưởng, dục-vọng, ưa ghét của ta ; nói tóm lại, (xem tiếp trang sau)

Trên đây, là bàn về « Lớn Nhỏ »

Giờ đây lại xin bàn về « Thọ Yếu ».

Trang-Tử nói : « ... Kẻ tiểu-trí không kịp người đại-trí. Kẻ nhỏ tuổi không kịp người lớn tuổi. Tay nắm nở và tàn trong một buổi sáng, không biết một tháng là gì. Con ve không biết xuân-thu là gì ? Đó là hạng tiểu-niên. Phương Nam nước Sở có cây minh-linh, sống một xuân là năm trăm năm, một thu là năm trăm năm. Thượng-cổ có cây đại-xuân sống một xuân là tám ngàn năm, một thu là tám ngàn năm. Lâu nay từng nghe danh sống lâu của Bành-tổ. Hễ nói đến sống lâu thì người đời đem Bành-tổ ra mà so-sánh. So-sánh như thế không đáng buồn sao ? »

Sống lâu, ai là người không ham muốn ? Bởi vậy, cái sống của Bành-Tổ là điều mà người đời ai ai cũng ao-ước. Có vậy, mới cho cái sống bảy trăm năm của Bành-tổ là « thọ ». Là tại sao ? Là tại có cái số-phận của con người, trăm năm là hạn, không bao giờ theo kịp cái tuổi ấy. Sống được trăm năm là lẽ dĩ-nhiên của số-phận. Thế nên mới dào-bồng ham-muốn cái sống ngoài cái số phận hạn-định của mình, mà cho cái

tất cả hành-động của ta ; — Không tùy ta, là thân-thể, tài-sản, danh-vọng, tước-phận ; nói tóm lại, tất-cả mọi sự không thuộc về hành-động của ta. Nhưng cái tùy ta, thì bản-tính nó là tự-do, không có gì ngăn-trở hay cấm-cản dặng ; cái không tùy ta thì rất nô-lệ, yếu-đuối, ỷ-lại thường bị ngăn-trở, và toàn là cái ở ngoài ta... (Bản - dịch của Phạm-Quỳnh).

sống bảy trăm năm của Bành-tổ là thọ. Giả-sử, người người đều sống được đến cái tuổi bảy trăm năm của Bành-tổ thì cái tuổi bảy trăm năm ấy, lại là cái hạn-định tự-nhiên của số kiếp con người, không đủ xem đó là « thọ » được nữa.

Lòng tham-muốn con người sở-dĩ có, là khi nào đem tâm đeo-đuổi theo cái tánh-phận bên ngoài của cái tánh-phận của mình.

Người đời, vì không ai sống được như Bành-tổ, nên mới cho cái sống của Bành-tổ là thọ mà ao-ước. Còn Bành-tổ, trái lại, nếu không biết an theo tánh-phận của mình mà lại đem lòng tham-muốn cái tánh-phận ngoài mình, thì tất sẽ cho cái hạn bảy trăm năm của mình không đủ gọi là thọ, và ao-ước sống được như cây minh-linh. Mà cây minh-linh cũng ao-ước sống được như cây đại-xuân ; cây đại-xuân lại ham-muốn được sống như trời đất... Như thế, thì vật nào cũng không thọ, nghĩa là vật nào cũng « yếu » cả. Nếu cứ tham muốn ngoài cái tánh-phận của mình, thì cái sống của Bành-tổ đối với cây đại-xuân không khác nào cái sống của đứa trẻ chết trong nôi.

Đối với ta, thì « con ve không biết xuân-thu là gì »... « tay nắm nở và tàn trong một buổi mai, không biết một tháng là gì » đều là vật chết yếu cả. Tuy đời sống một tháng của con ve, và một buổi sáng của tay nắm mai, chỉ là một khoảng-khắc rất ngắn-ngủi đối với ta,

nhưng đối với chúng nó, đó là cái tuổi thọ của chúng, cũng như cái hạn trăm năm là tuổi thọ của chúng ta vậy.

Còn như « *cây đại-xuân sống một xuân là tám ngàn năm, một thu là tám ngàn năm* »... nếu nó chỉ sống được bốn mùa thôi, ngày là ba mươi hai ngàn năm, thì cái thời-gian dằng-dặc đối với ta rất dài, nhưng đối với nó lại thật là quá « yếu » : nó chỉ sống được có một tuổi mà thôi. Giả-sử, chúng ta đều được sống theo cái tuổi của cây đại-xuân, nhưng nếu ta chỉ sống dằng có tám ngàn năm, thì cái sống ấy thật là hết sức yếu, bởi ta chỉ sống như được vừa ba tháng thôi, đối với cây đại-xuân.

Thế thì, sự dài-dặc hay ngắn-ngủi của thời-gian không được tự xem là thọ hay yếu. Chẳng qua như vật lớn ở chỗ lớn, vật nhỏ ở chỗ nhỏ mà thôi : *đau vừa với đó*.

Vật lớn thì ở chỗ lớn và sống lâu, vật nhỏ thì ở chỗ nhỏ và chết yếu, đều là cái tánh-phận của riêng mỗi vật, không thể nào không như vậy cho được.

Nếu ở chỗ nào cũng tự cho là nhỏ và yếu, thì không vật nào là không nhỏ không yếu. Mà ở chỗ nào cũng cho là lớn là thọ, thì không vật nào là không ớn không thọ. Vậy, « *tho, yếu* » cũng như « *lớn nhỏ* » chỉ là một danh từ đối-đãi, tự nó không có nghĩa gì là thật cả. Ở chỗ nhỏ mà không tự biết mình là nhỏ,

thì sống ngắn-ngủi cũng không tự biết là ngắn-ngủi. Sao còn có lòng ham-muốn đeo-bông chi những điều mà ta gọi là lâu-dài trường-cửu ngoài phận ta làm gì nữa ?

• •

Chương thứ hai, thiên Tiêu-Diêu-Du lại nói : « ... Một chức quan nhỏ, trị hòa một nước. Chức quan ấy tự thấy cũng như đang làm vua kia vậy.

« *Thế mà, Vinh-từ nước Tống lại còn cười cho đó. Và đời có khen cũng không thêm cho mình, mà đời có chê cũng không bớt cho mình. (Đó chẳng qua là vì đời còn) định cái phận trong ngoài, phân cái cảnh vinh nhục mà ra vậy. Vinh-từ đối với đời tuy chưa từng bận lòng, nhưng đức vẫn chưa được vững. Liệt-từ cỡi gió mà đi, đi một cách êm-ái nhẹ-nhàng, đi trọn 15 hôm mới về. Đó sống trong chỗ chi-phúc và chưa từng bận lòng đến việc gì. Tuy khỏi phải đi, nhưng còn có chỗ chờ Nhược-bằng, thuận theo cái chánh của trời đất, nương theo cái biến của lục-khi mà lại qua trong cõi vô-cùng thì đó còn chờ cái gì nữa. Cho nên, nói rằng : « *chỉ-nhơn vô-kỷ, thản-nhơn vô-công, thản-nhơn vô-danh* »*

• • •

Mỗi vật, nếu đều biết « tự-túc » với tánh-phận của mình, thì dù ở trong xã-hội nhận lãnh « một chức quan nhỏ ; trị hòa một xứ » thì « đức » (*) cũng không thua gì một đấng làm « vua trị hòa một nước ». Chí và Hành của hai bên chẳng qua như vật Lớn, Nhỏ, Thọ, Yếu, thế thôi.

Kẻ biết nhận thấy « đức » mình ngang với bậc vua chúa, như « chức quan nhỏ » kia, tuy đó là kẻ đã được sáng-suốt hơn người, nhưng « lập đức » chưa vững. Là vì hãy còn cậy công.

Trên đó một bậc, là những kẻ như Vinh-Tử nước Tống. Kẻ ấy « đời khen không thêm cho mình, đời chê không bớt cho mình », nghĩa là những kẻ đứng trên dư-luận. Tuy-nhiên, Trang-Tử còn cho hạng người như thế, đối với việc đời, tuy chưa từng bận lòng, nhưng « đức » cũng chưa được vững. Là vì tuy đã biết thân-nhiên đối với dư-luận, nhưng còn để cho đời biết được mà khen chê. Đó là hạng người còn để lại cái « danh ».

Ấy là hạng người như Hứa-Do.

(*) Đức 德, tức là hành-động tự-nhiên theo thiên-lánh. Như bóng nở mây bay, lửa nóng giá-lạnh... Nở, bay, nóng, lạnh là cái đức của bóng, của mây, của lửa, của giá. Tức là hành-động bất-dức-dĩ, không thể không vậy cho động, của mỗi vật trong đời. (Canh-Tang-Sở) — Xem chương « Đức-Sung-Phù ».

Trên nữa, lại còn một hạng, là hạng người như Liệt-Tử « cỡi gió mà đi, đi một cách êm-ái, nhẹ-nhàng đi trọn 15 hôm mới về ». Đây Trang-Tử muốn ám-chỉ những bậc tu-đạo đã đạt đến trạng-thái huyền-hóa (extase mystique) rồi. Bậc này, tuy đã được huyền-hóa cùng với tạo-hóa, nhưng chỉ trong một lúc thôi. Nên mới có câu : « tuy khởi phải đi, nhưng còn phải có chỗ chờ ». Liệt-Tử tuy cỡi gió mà đi... thông-thả tự-do, nhưng còn phải đợi có gió mới bay được. Kẻ được huyền-đồng cùng với tạo-hóa, tuy thông-thả tự-do thật, nhưng cũng phải đợi lúc huyền-hóa mới được tiêu-diêu. Tự-do (tiêu-diêu) mà còn phải đợi lúc huyền-hóa mới được tự-do thì chưa phải là tự-do tuyệt-đối vậy. Vì còn nhớ có « mình ».

Chỉ có những kẻ chí-nhơn đã giải-thoát Bản-ngã rồi, mới được gọi là tự-do tuyệt-đối (tiêu-diêu) mà thôi.

Tóm lại, chỉ có những kẻ « vô-kỷ, vô-công, vô-danh » là đạt được đến cái trạng-thái huyền-đồng với tạo-vật một cách vĩnh-viễn, không còn phải « chờ đợi » một điều-kiện gì khác nữa nơi ngoài. Những kẻ ấy biết « thuận theo cái chánh của trời đất, nương theo cái biến của lục-khí mà qua lại trong cõi vô-cùng », nên mới hoàn toàn được tự-do mà thôi.

« Tiêu-Diêu-Du », tức là « tự-do tuyệt-đối ». Người mà được tự-do tuyệt-đối, là kẻ đã huyền-đồng cùng

ạo-hóa, diệt mất bản-ngã... cho nên mới « thuận được theo cái tự-nhiên của trời đất, nương theo cái biến của lục-khí mà qua lại trong cõi vô-cùng » không bị một mây-may gì trói buộc nữa cả.

Câu « thuận cái chánh của trời đất, nương theo cái biến của lục-khí mà qua lại trong cõi vô-cùng » (乘天地之正而御六氣之辨, 以遊無窮者) (1) là chỗ yếu-nghĩa của thiên *Tiêu-Điều-Du* này. Vậy, ta cần hiểu cái nghĩa của nó một cách rõ-ráo mới được.

QUÁCH-TƯỢNG giải nghĩa câu này như vậy : « Trời đất, tức là tên chung của vạn-vật. Trời đất, lấy vạn-vật làm cái thể, còn vạn-vật lấy tự-nhiên làm cái chánh. Không làm mà vẫn được tự-nhiên, mới gọi là « tự-nhiên » (2). Tức như chim Bàng, cao là sở-năng của nó,

(1) « Thừa thiên địa chi chánh, nhi ngự lục khí chi biến, dĩ du vô cùng giả ».

(2) Tự-nhiên là chỉ cái chỗ « bất đắc dĩ nhiên » 不然而得, « không vậy không được » của một vật. Tánh tự-nhiên, không nên làm với tánh của bản-ngã. Chỗ « bất-đắc-dĩ » của vạn-vật, đó gọi là « tự-nhiên ». Đói, thì phải ăn, không ăn không được, đó là tự-nhiên. Khát, thì phải uống, không uống không được, đó là tự-nhiên.

« Không làm mà vẫn được tự-nhiên, mới gọi là tự-nhiên ». Lành theo bản-tánh mình, đâu phải vì dụng-tâm mà làm, chẳng qua « không làm như vậy, không được » Như giá thì lạnh, lửa thì nóng... Lạnh, nóng... đâu phải chỗ dụng-tâm của giá và lửa : nó sở-dĩ như thế là vì cái tánh nó phải như thế, không như thế không được. Cho nên mới gọi « không làm mà vẫn được tự-nhiên, mới gọi là tự-nhiên ». « Không làm » đây là « Vô-Vi » vậy.

chim cưu, thấp là sở-năng của nó ; cây đại-xuân, sống dài-dài đặc-dặc là sở-năng của nó ; tai năm mai, sống trong một hạn rất ngắn-ngủi của thời-gian cũng là sở-năng của nó. Bấy nhiêu cái đó, đều là « sở-năng » của tự-nhiên, không phải cái « sở-năng » của sự làm của mình. Không làm, mà tự được cái « sở-năng » ấy, đó gọi là « chánh » (1). Bởi vậy « thuận theo cái chánh của trời đất », tức là thuận theo cái tánh tự-nhiên của vạn-vật (2). « Nương theo cái biến của lục khí » tức là bước theo con đường của biến hóa 化. Như noi theo con đường biến-hóa đó mà đi, thì đi biết đến đâu là cùng. Gặp được cái thuận đó, (thuận theo tánh tự-nhiên của vạn-vật) thì còn phải đợi chờ (cái gì ở ngoài) nữa ? Được như thế, mới gọi là người chỉ đức, tức là người đã được tiêu-diêu trong sự huyễn-đồng. Đây với Đó. Nếu còn nhờ (cái gì ở ngoài)

(1) Chánh 正 : là tánh tự-nhiên của trời phủ cho mỗi vật. Cùng một nghĩa với câu : « Các chánh tánh mạng » (各正性命) trong Dịch-Kinh. Xem chú của « Bảo hợp thái hóa » (保合太和) trang sau đây.

(2) Nói đến chữ Tự-nhiên, ta cần phải đề ý đến cái nghĩa dùng của nó theo Trang-Tử. Tự-nhiên, là có hàm ở trong cái tánh cách nhu-thiết (absolue nécessité), không thể thiếu được. Như khát thì phải uống, không uống thì không được. Nhưng uống, thì nước là cần yếu. Cho nên khát mà uống nước, là tự-nhiên. Trái lại, khát mà uống rượu, là sai với tự-nhiên. Vì rượu không cần-thiết cho sự khát, người ta có thể không dùng đến nó cũng được. Lấy một việc ấy mà suy-mạon việc khác cũng một thể.

Xem quyển « Thanh Dạ Văn Chung » trang 25.

nữa, rồi sau mới dựng tiêu-diêu, tức như Liệt-Tử tuy « cỡi gió mà đi một cách êm-ái dịu-dàng » nhưng cũng còn phải nhờ nơi gió rồi sau mới bay đi được. Huống chi là đại Bằng. Duy, cùng với vạn-vật hòa làm Một rồi, và thuận theo cuộc đại-biến của trời đất mà đi, thì mới được « thường thông » há tự một mình thông mà thôi sao?... Chỉ như, mỗi vật đều biết an theo tánh mình thì máy trời tự xây, ta nhờ đó mà xây theo mà không tự biết, đó là cái chỗ mà ta không thể phân-biệt được ».

Lời chú-giải trên đây của QUÁCH-TƯỢNG, thật rõ-ràng đến mực. Bực chí-nhân là kẻ đã huyền-dồng cùng tạo-vật rồi, cho nên bản-ngã không còn. Bản-Ngã không còn, thì thiên-tánh hiện ra. Không khác nào mặt trời bị mây che tối, hễ mây tan, thì tự nhiên mặt trời hiện ra lại. Mà thiên-tánh hiện ra, đó gọi là « được cái thuận » hay « được cái Chánh của Tánh-Mạng ».

« Thuận theo cái Chánh của Trời Đất » tức là « thuận theo cái tánh Tự Nhiên của mình ». Miễn giữ được cái « Tánh », ấy là điều trọng-yếu hơn hết (*). Rồi thì tha hồ, tùy cảnh tùy thời... Trong cuộc đại-biến của tạo-hóa đi đến đâu thì đi, miễn là cái « gốc » của mình giữ

(*) Chính cùng một nghĩa với câu « Bảo hợp thái hòa » (保合太和) trong Dịch-Kinh 易經. Lời giải của Chu-Hi : « Các chánh giả, đắc ư hữu sanh chi sơ ; bảo hợp giả, toàn ư dĩ sanh chi hậu » (各正者, 得於有生之初 保合者 全於已生之後) Các chánh, nghĩa là nhận được từ khi mới sanh, bảo hợp, là giữ được trọn vẹn sau khi đã sanh.

vững thì thôi. Người như thế, những biến-cổ trong đời, làm gì cho lòng họ xao-xuyến được nữa. Không khác nào người đọc sách với quyển sách. Mỗi trang sách lật qua, là một cuộc thay-đổi bên ngoài, người đọc vẫn không thay đổi. Sanh, tử, tồn, vong, đắc, thất, là những cuộc biến-động thay đổi bên ngoài... có làm gì thay đổi được người đọc sách kia cho được. Cái Tánh của ta, cùng với tạo-hóa « đồng sanh », nên bất-di, bất-dịch không thể mất được (1), không khác nào người đọc sách nhìn xem cuộc biến-đổi của tạo-hóa như những trang sách lật qua ..

Một cái cây, từ lúc đâm mộng, nảy chồi, trở lá, đâm bông... những cuộc biến-hóa ấy tuy nhiều nhưng cái sống của cây vẫn một, toàn-mãn từ đầu chí cuối. Cây hường, trước sau vẫn là hường, không vì cuộc biến-hóa mà mất tánh-chất hường của mình đi. (2) Đó gọi là « thuận theo cái chánh của trời đất, nương theo cái biến của lục-khi mà lại qua trong cõi vô-càng ».

Bực chí-nhân « thuận theo tánh tự-nhiên của mình »

(1) Đây là chỗ mà Lão-Tử bảo : « Tử nhi bất vong giả thọ » (死而不亡者壽). (Đạo-Đức-Kinh) Chết mà không mất, là thọ. (Chương 33).

(2) Cái lẽ « duy-nhất » ấy tiếng Pháp gọi là « Unité individuelle » hay là cá-tánh (personne humaine).

và lưu-chuyển theo cuộc biến-hóa vô-tận của trời đất mà không làm mất cái Bản-Tánh của mình (*).

Bởi vậy, nơi mình thì lo cho được huyền-đồng cùng tạo vật, không phân-biệt lớn nhỏ dài-vắn ; mà nơi vật, thì để cho mỗi vật được « an theo chỗ đã an bài của nó » (各安其所安) nên không ép buộc đó phải theo đây hay phải giống như đây. Là vì « chí-nhân vô-kỷ » (至人無己).

Vô-kỷ, nên mới để cho vạn-vật vật nào cũng được « an theo chỗ đã an-bài » của vật ấy, nghĩa là để cho vạn-vật mỗi vật « an theo cái tánh tự-nhiên của nó », nên dầu có giúp cho vạn-vật thật, nhưng chỉ giúp cho nó sống được cái sống tự-nhiên của nó, nên không công-ơn gì với ai cả. Thế mới gọi : « thần-nhân vô-công » (神人無功).

(*) So-sánh với câu này trong Dịch-Kinh : 其唯聖人乎？知進退存亡而不失其正者，其唯人乎？(Kỳ duy thánh-nhơn hồ ? Tri tiến thoái tồn vong nhi bất thất kỳ chánh giả, kỳ duy thánh nhân hồ ?). « Chỉ có thánh-nhân mà thôi ư ? Biết đi tới, biết thoái lui, biết giữ cho còn, biết làm cho mất mà không làm mất cái Chánh của mình ! Chỉ có thánh-nhân mà thôi ư ? »

Chỗ mà Dịch-Kinh gọi « bất thất kỳ chánh » (不失其正), đồng một nghĩa với câu trên đây : « Không làm mất cái Bản-Tánh duy-nhất của mình ». Như ta đã thấy trước đây, chữ 正 (chánh, có nghĩa là Tánh tự-nhiên thọ-lãnh của Trời Đất).

Đã « vô-kỷ, vô-công », thì làm sao lại có danh. Nên mới gọi : « thánh-nhân vô-danh » (聖人無名).

Tóm lại, cái chỗ sở-di phân-biệt được giữa thánh-nhơn và thường-nhơn là : « Thánh-nhân thì an theo cái chỗ an-bài của mình không chịu an nơi chỗ không an-bài của mình. Thường-nhơn thì an chỗ không an-bài của mình, mà không an nơi chỗ an-bài của mình » (聖人安其所安, 不安其所不安, 衆人安其所不安, 不安其所安). (*)

Biết an theo chỗ mà tạo-hóa an-bài cho mình, tức là thừa-nhận cái Tánh-Phận của mình, và yên vui với đó, không đeo bông tham-muốn gì cả ở ngoài cái Tánh-Phận của mình. Đó là hạnh của Thánh-Nhân.

Còn chúng-nhân thì lại khác. Họ không chịu yên vui theo tánh-phận của họ. Trái lại, họ đeo-bông mãi theo cái chỗ không phải tánh-phận của họ, viện đến sự « tiến-bộ » bên ngoài để tranh-đua, bóc-lột người. (2) Vì thế, họ không bao giờ được yên vui lạc phúc. Chỉ có những bậc thánh-nhân « biết đủ nơi mình nên mới được an nhàn nơi đời » nghĩa là tiêu-diêu mà thôi.

..

(*) « Thánh-nhơn an kỳ sở an, bất an kỳ sở bất an ; chúng-nhơn an kỳ sở bất an, bất an kỳ sở an » (Liệt-Ngự-Khẩu). « Thánh-nhơn an kỳ sở an » nên thuận với tự-nhiên ; « chúng-nhơn an kỳ sở bất an » nên trái với tự-nhiên.

(2) So-sánh với câu này của Epicure : « Se suffire à soi » (xem tiếp trang sau)

Và Trời Đất sanh ra vạn-vật, để cho mỗi vật sống cái sống của nó (各生其生) chứ đâu phải sanh ra để cho người dùng nó, mà gọi cái này là hữu-dụng, cái kia vô-dụng.

Con người vì lòng ích-kỷ, chỉ thấy có mình, nên cho rằng vạn-vật này là hữu-dụng, vật kia là vô-dụng. Nhưng mà thật ra, có hữu-dụng vô-dụng không? Tự nó, không có vật nào là hữu-dụng hay vô-dụng cả. Như mao Chương-phủ người Tống đại-dụng, mà người nước Việt thì không dùng nó vào đâu. Cái hữu-dụng hay vô-dụng của mao Chương-phủ đâu phải là một lẽ tuyệt-đối mà đi tranh-giành nhau đến phải thương-sinh.

même c'est posséder le plus précieux des biens : la liberté ».
(Tự-túc, là có được một thứ của quý nhất trên đời : là Tự-Do).

Cũng nên so-sánh với đoạn này, trong thiên « Biền-Mẫu » :

« Hạng ta gọi là tổ tai, không phải là hạng tổ tai nghe rõ cái ngoài đầu mà là hạng tổ tai nghe rõ cái trong của mình mà thôi ! Hạng ta gọi là hạng sáng mắt, không phải là hạng sáng mắt thấy rõ cái ngoài đầu mà là hạng sáng mắt tự thấy rõ được cái người của mình mà thôi. Kể chẳng thấy mình mà thấy cái ngoài, chẳng được cái trong mình mà được cái ngoài mình, ấy là kẻ « đắc » cái « đắc » của người, mà chẳng đắc cái đắc của mình ! thích cái thích của người, mà chẳng tự-thích cái thích của mình, thì đâu là Đạo-Chích hay Bá-Đi, đều cũng là hạng mê-hoặc, không thông đạt cả ».

« Một trái bầu khô chứa nước 50 đấu » bỏ nó ra mà là cái thìa, như Huệ-tử, thì nó là vô-dụng. Để nó vậy, làm phao lội qua sông, thì nó là hữu-dụng.

Thiên TIÊU-DIÊU-DU nói : « Huệ-Tử nói với Trang-Tử : Vệ-quân thưởng tôi một giếng bầu lớn. Tôi trồng nó có trái, đựng nước năm thạch, dùng chứa nước tương. Thấy nó kênh-công khó dời-dat, tôi bỏ nó ra làm tư. Té ra không dùngặng nữa. Trang-Tử nói : Phu-tử vụng-về quá ! Sao không biết đại-dụng nó ? Tại nước Tống, một nhà để tầm kia, có phương thuốc « bất quy phủ ». Nhờ nó, người ươn to không nứt da tay. Một người khách hay biết, đến xin mua phương thuốc ấy một trăm lượng vàng. Rồi sang giúp Ngô đánh Việt Mùa đông, quân lính, nhờ phương thuốc đó, đánh thắng trận. Người kháchặng phong hầu. Cũng cùng một phương thuốc, mà chỗ dùng khác nhau, nên chỗ lợi cũng khác nhau. Nay phu-tử có trái bầu năm thạch, sao không để nguyên dùng làm phao lội qua sông hồ ? Lòng của phu-tử chưa phải là trực-đạt ».

..

Hữu-dụng hay vô-dụng, là tại chỗ dùng của mình trúng chỗ cùng không mà thôi. Câu chuyện của Trang-Tử trên đây là một câu chuyện ngụ ngôn, để giúp ta hội-y cái nghĩa hữu-dụng và vô-dụng. Nay xin đơn-cử một việc trong sử, để chứng-minh lẽ ấy :

« Phạm-Lãi bỏ Việt Câu-Tiền, vượt bể sang Tề, đổi họ tên, tự gọi là Chi-Di Tử-Bì... Sau sang ở đất Đào. Ở đó làm giàu có hàng mấy vạn vạn. Thiên hạ

gọi là Đào Chu-Công ở Đào..., thì người con trai thứ của Chu-Công giết người bị tù ở Sở...

Chu-Công lấy nghìn nén vàng, sai người con út đi lo. Con trai cả của Chu-Công cũng cố xin đi, Chu-Công không nghe. Người con trưởng nói : « Nhà có con cả, gọi kẻ đốc-suất trong nhà. Nay em có tội. Người chẳng sai con, lại sai em út. Thế ra con chẳng ra gì ! ».

Nói rồi toan tự-sát.

Người mẹ nói hộ.

Chu-Công cực-chẳng đã mới sai người con cả. Viết phong thư đưa cho người bạn cũ là Trang-Sinh, ông lại dặn riêng con rằng :

— Đến thì dâng nghìn lượng vàng vào nhà Trang-Sinh. Mặc ông ta làm ! Cần-thận ! Chớ tranh khôn với ông ta !

Người con cả khi đi, cũng tự đem riêng vài trăm nén vàng sang Sở. Trang-Sinh, nhà ở kề ngoài thành, giữa đám rau cỏ. Tới cửa, coi vẻ rất nghèo... Nhưng người con cả cũng đưa thơ, dâng nghìn vàng, theo như lời cha dặn. Trang-Sinh nói :

— Thôi ! anh nên đi ngay ! Chớ có ở lại ! Dù em có được ra, cũng đừng hỏi tại sao mà được tha.

Người con cả ra rồi, không lại qua Trang-Sinh nữa, nhưng ngằm ở lại, lấy của riêng dâng một quý-nhân có quyền-thế ở Sở.

Trang-Sinh tuy ở một xóm hẻo-lánh, song có tiếng hèm và thẳng với cả nước. Từ vua Sở trở xuống đều tôn là bực Thầy...

Trang-Sinh thông-thả vào ra mắt vua Sở, nói :

— Sao Mỗ đóng chỗ Mỗ, cái đó hại cho nước Sở.

Vua Sở vốn tin Trang-Sinh, liền hỏi :

— Giờ biết làm thế nào ?

Trang-Sinh nói :

— Chỉ có cách dùng đức là có thể trừ được nó.

Vua Sở nói :

— Thừa Thầy về nghị ! Quả-nhân sẽ làm theo..

Vua bèn sai sứ-giả niêm-phong ba kho tiền.

Quý-nhân nước Sở kinh-ngạc, báo người con cả Chu-Công rằng : « Nhà vua sắp đại-xá ! »

— Thừa sao biết ạ ?

— Mỗi lần nhà vua sắp đại-xá, thường cho niêm-phong ba kho tiền. Chiều qua nhà vua sai sứ đi niêm-phong.

Người con cả của Chu-Công cho là : nếu đại-xá thì thế nào em cũng được tha. Tiếc nghìn vàng đem cho hão Trang-Sinh không được việc gì, bèn lại ra mắt Trang-Sinh. Trang-Sinh giật mình hỏi :

— Anh chưa về à ?

Người con trưởng nói : « Thừa vẫn chưa ! Trước kia vì việc thăng em Nay em nó may được hưởng lệnh xá, cho nên lại đây chào cụ để về ».

Trang-Sinh biết ý hẳn muốn lấy lại vàng, liền nói :

— Anh vào trong nhà lấy lại vàng !

Người con trưởng liền tự vào nhà lấy vàng đem ra, lòng khắp-khởi..

Trang-Sinh tuy đã có cái ý trả vàng lại cho Chu-Công, nhưng xấu-hổ vì bị đứa trẻ con đánh lừa, bèn vào ra mắt vua Sở mà nói rằng :

— Tôi trước có nói chuyện về ngôi sao mờ Nhà Vua nói sẽ sửa đức để bù lại. Nay tôi ra đường, đầu cũng đồn rằng : Đứa con Chu-Công là một nhà giàu ở Đò, giết người bị tù ở Sở Nhà nó đem nhiều vàng bạc, đút lót các quan hầu Nhà Vua. Vậy Nhà Vua không phải biết thương nước Sở mà xi đầu, chỉ vì chuyện con Chu-Công đó thôi.

Vua Sở cả giận... liền làm án giết con Chu-Công. Ngày mai bèn xuống lệnh ân xá. Con cả Chu-Công rút lại được đưa đám tang em trở về. Người mẹ và người làng đều lấy làm xót-thương Chỉ có Chu-Công cười một mình mà rằng :

— Ta đã biết thế nào nó cũng giết em nó Không phải nó không yêu em nó đâu, nhưng có điều nó không thể đứng-dưng nổi. Nó từ nhỏ đã từng chịu khổ cùng ta, thấy việc làm ăn khó, cho nên bỏ của

thì tiếc. Đến như thằng em út nó đẻ ra, đã thấy giàu Cuối xe bên, rong ngựa tốt, theo đuôi cày cáo, nào biết của từ đâu mà đến chớ nên phung-phí thường, chẳng tiếc-rẻ gì. Hôm trước ta sở-dĩ muốn sai thằng út, chỉ là vì có nó biết coi thường tiền bạc đó thôi. Thằng cả thì không biết thế, vì vậy mà làm chết em nó. Lẽ đời là thế, có gì đáng thương ! Thì ngày đêm ta vẫn mong nó đưa đám tang em nó về... » (*)

Nếu dùng vào việc làm giàu cho nhà, thì thằng con cả là hữu-dụng, mà đứa út là vô-dụng. Trái lại, nếu dùng vào việc-cứu đứa con thứ, thì thằng con cả là vô-dụng, mà đứa út là hữu-dụng. Với bậc đại trí, ở đời không có vật gì là vô-dụng hay hữu-dụng cả, mà toàn do nơi chỗ mình biết sử-dụng cho hợp-thời thôi.

..*

Câu chuyện Vua Nghiêu nhường ngôi cho Hứa-Do, chứng tỏ rằng mỗi người đều có cái sở-thích của mình, và sở thích của các bậc thoát-tục, biết đủ trong cái Tánh Phận mình, dù cho là ngôi Vua, họ cũng không màng... Vua Nghiêu có cái tài trị nước, nhưng lại còn muốn nhường cho Hứa-Do mà ông cho là tài đức có hơn : « Nay nếu Phu-tử lên ngôi, thiên hạ ắt được trị. Tôi còn ngồi làm thần-tượng chi nữa. Tôi tự thấy rất kém. Vậy, xin mời Ngài lên trị thiên-hạ » Nhưng Hứa-Do cảm thấy sẽ không có tài trị nước như Vua Nghiêu, vì ông không thích làm cái công-việc trị thiên-

(*) Sử-Kỷ : TƯ-MÃ-THIÊN.

hạ : « Ngài trị thiên-hạ, thì thiên-hạ được trị. Tôi còn thế Ngài làm chi ? Tôi cầu danh sao ? (...) Chim tiêu-liêu đậu ở rừng sâu, chẳng qua một nhánh là vừa. Chuột đồng uống nước sông dài, chẳng qua đầy bụng là đủ. Xin trả lại cho Ngài đó... » Mà dù thật-sự, Vua Nghiêu chưa đủ đức để làm công việc trị nước, thì Hứa-Do với một tâm-hồn phóng-dật tự-do cũng không thể vượt phạm mà thay-thế cho được : « Người đầu bếp dù không xong việc bếp, người chủ tể cũng không vượt phạm mà thế cho đó được. »

Được tự-do sống theo sở-thích của mình, đó là hạnh-phúc, đó là tiêu-diêu. Kẻ thích làm Nghiêu, thì làm cái việc của Vua Nghiêu, còn kẻ thích làm Hứa-Do thì làm cái việc của Hứa-Do : con chim Cưu và con chim Bằng, không có cái chí của con vật nào là cao hơn con vật nào cả. Người của thế-tục lại không nghĩ thế : họ bao giờ cũng mong nêu lên một « con người lý-tưởng » để làm mẫu-mực cho tất-cả con người trong thiên-hạ. Đó là họ làm cho thống-khổ loài người. Phần đông ngày nay lại đem Vua Nghiêu làm mẫu-mực của con người tận-thiện khiến cho thiên-hạ đều đua nhau làm theo ông Nghiêu, mặc dù trong thâm-tâm một số đông rất thích sống theo cái nếp sống của Hứa-Do, và vì thế, đời càng ngày càng thêm giả-dối « Nghiêu, trị trăm họ trong thiên-hạ, bình-trị được trong nước, bèn sang qua núi Diếu-Cô-Tạ để ra mắt bốn Thầy.

Họ có cái vẻ sâu-xa làm sao mà Nghiêu quên mất thiên-hạ của mình »

Vật nào cũng có Tánh Tự-nhiên của nó. Phải biết « chịu » chỗ đó, tức là ta phải biết nhận sự « bất-đồng-đẳng tự-nhiên » của sự vật. Biết nhận sự « bất-đồng-đẳng » giữa vạn-vật, thì ta phải biết kính-trọng cái chỗ riêng-biệt của mỗi vật, tức là cái tánh tự-nhiên của mỗi vật mà không xen vào làm trở-ngại hay hư-hoại sự phát-triển tự-nhiên của nó. Không xen vào làm trở ngại hay hư-hoại cái tánh tự-nhiên của mỗi vật, là để cho mỗi vật được sống tự-do cái sống của nó (*), nghĩa là để cho mọi vật

(*) Tự-Do, là sống được theo Bản-tánh. Cho nên một hành-động gọi được là tự-do, khi nào trong hành-động ấy, ta đã biểu-lộ được cả cái người thâm-sâu của ta ; theo ta... chứ không phải theo kẻ khác.

So-sánh với câu này, của H. BERGSON.

« Le libre, c'est en ce sens le total, et le profond ; un acte est d'autant plus libre qu'il est un témoignage plus véridique et plus expressif sur ma personne, non pas sur cette portion oratoire et mondaine de ma personne, que je destine aux échanges sociaux, mais sur ma personne nécessaire et intime, celle dont je me sens responsable, et qui est vraiment moi-même » (BERGSON - V. Jankélévitch — p. 103).

(xem tiếp trang sau)

tự-do phát-triển cái cá-tánh của mình. Vạn-vật, vật nào cũng đều được tự-do sống cái sống của mình, đó gọi là Bình-Đẳng Tuyệt-Đối, Tự-Do và Bình-Đẳng phải chăng là hai lẽ không thể lìa nhau, theo Trang-Tử !

Thật rất khác xa với quan-niệm Tự-Do và Bình-Đẳng mà người đời thường hiểu. Khởi đầu vì biết nhận cái bất bình-dẳng của mọi sự mọi vật nên ta mới tôn-trọng tự-do của mỗi vật, và chỉ khi nào biết kính tự-do của mỗi vật, thì mỗi vật mới bình-dẳng mà thôi.

Nên nhớ kỹ : « Bản-Tánh hay là Chân-thể không nên lầm-lẫn với bản-ngã (égo), mặc dù, cả hai đều là Một. Chỉ khác nhau một mẽ một ngó, cũng như Nhà Phật gọi « Tính là Phật, Mẽ là Chúng-sinh : cả hai là Một ». Những danh-từ mà các nhà Thông-Thiên hay Ấn-độ giáo Tây-phương dùng như « Soi » để phân-biệt với « moi » tuy rõ-ràng, nhưng đối với một số đông, dễ làm cho họ hiểu sai rằng đó là hai thể khác nhau. Nhà Phật so-sánh hai trạng-thái đó như trái hồng chín (Ngộ) với trái hồng sống (Mẽ) có hai vị ngọt và chất khác nhau, kỳ trung vẫn là một trái hồng. Cái mà ta gọi là Bản-ngã (lúc mẽ) sẽ thành Chân-Tánh hay Chân-Thể (lúc ngộ) — kỳ trung là Một.

II.— TÊ-VẬT-LUẬN

Như ta đã thấy ở chương TIÊU-DIỆU-DU, quan-niệm về Tự-Do và Bình-Đẳng của Trang-Tử không giống với quan-niệm mà người đời thường hiểu.

Bình-Đẳng của đời thường hiểu, là cả thấy thiên-hạ đều giống như nhau : sang, hèn, trí, ngu, lớn, nhỏ... thấy đều có thể đồ chung vào một cái khuôn luân-lý, luật-pháp, giáo-dục... Và gọi đó là Bình-Đẳng. Nơi trường kẻ tối, người sáng, gái, trai đều phải chung chịu một lối giáo-dục giống nhau. Người ta quên đi ý đến cái cá-tánh riêng-biệt của mỗi người mỗi vật. Văn-minh con người ngày nay sợ đi không thể mưu được hạnh-phúc cho con người được cũng vì quan-niệm lạc lăm này.

• • •

Trái lại, quan-niệm về Bình-Đẳng của Trang-Tử, đâu phải thế. Theo ông, tính của vật, không đồng nhau : mỗi vật, đều có chỗ nhận là đẹp, riêng theo vật ấy. Cái phải của người này, không còn là cái phải của người kia. Cái lợi của người này, chưa ắt cũng còn là cái lợi cho người kia. Không nên cưỡng-ép cho đồng, mà cũng không sao cưỡng-ép cho đồng đặng. Vậy, chỗ không đồng của Vạn-Vật, ta phải biết « nhận

lãnh », biết « chịu » nó, và để cho mỗi vật sống tự-do theo cái sống của nó, đó là nhân chỗ « bất đồng » mà làm cho vạn-vật « đồng ». Anh và tôi, chúng ta đều tự-do sống được theo cái bản-tánh của mình, thì anh và tôi đều bình-đẳng, không ai hơn ai kém cả.

Hết thấy xã-hội, chánh-trị, chế-độ đều định ra « một cái tốt » để làm tiêu-chuẩn chung cho hành-vi, khiến người người đều theo đó mà sống (*). Ấy là cưỡng-ép chỗ « không thể đồng » được mà làm cho ra « đồng », thật là sai với lẽ tự-nhiên hết sức. Mỗi vật đều có cái tánh của nó : sự hiểu-đó cũng vì đó mà không thể đồng nhau. Nay lại cưỡng lẽ ấy, bắt buộc người người đều phải cùng nhận một điều khác xa với sự hiểu-đó của họ, đó là làm cho hư-hoại cái Tự-Do của mỗi người. Cho nên Tự-Do và Bình-Đẳng, ở đây không thể đi đôi với nhau được : hễ được Bình-Đẳng, là mất Tự-Do.

Trái lại, theo Trang-Tử, Tự-Do và Bình-Đẳng đi đôi với nhau luôn, như bóng với hình. Có Bình-Đẳng là nhờ có Tự-Do, mà được Tự-Do là nhờ có Bình-Đẳng. Nhận có Tự-Do mới cầu cho Vạn-Vật đều được sống cái Sống của mình. Mà Vạn-Vật, vật nào cũng sống được cái Sống của mình, đó là Vạn-Vật nhờ Tự-Do

(*) Thiên Chi-Lạc giải cái ý-nghĩa của đoạn này có nói :
« Cái tù nhỏ không chứa được vật lớn, dây vẫn không lới dây giếng sâu. Nghĩa là, cái sở-năng của mỗi vật đều trùm chứa trong cái Mạng của nó ; không thể thêm, không thể bớt được. »

mà được Bình-Đẳng. Còn nhận có Bình-Đẳng, mới chịu để cho Vạn-Vật, vật nào cũng sống theo mình. Mà Vạn-Vật, vật nào cũng được sống theo mình, thì Vạn-Vật, vật nào cũng nhờ đó mà được Tự-Do.

Hay nói một cách khác : phạm kẻ chủ-trương Tự-Do tuyệt-đối, ắt cũng phải chủ-trương Bình-Đẳng tuyệt-đối. Là vì, nếu ta không thừa nhận Bình-Đẳng tuyệt-đối, thì cố nhiên là ta cho rằng, giữa người và người, giữa vật với vật, có cái này hay hơn cái kia, hoặc có cái kia hay hơn cái này. Đã nhận có cái này hay hơn cái kia, người này hay hơn người kia, thì tất-nhiên, người hay phải lo cải-tạo người không hay để đó trở về đường hay. Như thế, là ta không nhận có Tự-Do tuyệt-đối của mỗi người, vì ta đã cưỡng-ép kẻ khác phải sống theo ta, không được sống tự-do theo họ. Ôi ! Nếu không phải đó là chuyên-chế, thì cái chi mới gọi là chuyên-chế ?

Người người đều được tự-do sống theo mình, thì cái « phải » của mọi người đều được xem là « phải » hết, và cái « đẹp » của mọi người đều được xem là « đẹp » hết. Anh và tôi mỗi người đều được tự-do sống theo mình, thì cái phải của anh là cái phải đối với anh, cũng như cái phải của tôi là cái phải đối với tôi, không ai có quyền bảo nó là « không phải » được cả. Thế thì vạn-vật dưới trời không vật nào là không tốt đẹp, ý-kiến dưới trời, không ý-kiến nào là không ngang bằng, nghĩa là đồng với nhau tất-cả.

a — Vấn-đề Phải-Quấy, Tốt-Xấu :

Đứng theo Bản-Ngã, tức là đứng theo quan-niệm nhị-nguyên thì thấy vật có phải, có quấy. Phải, là cái gì lợi cho ta ; quấy là cái gì không lợi cho ta. Toàn không hay rằng : quấy đối với ta, nhưng biết đâu nó vẫn phải, đối với kẻ khác ; — phải đối với ta, nhưng mà nó quấy đối với kẻ khác. Cái phải của ta bây giờ, biết đâu rồi đây sẽ không còn là phải nữa, huống chi đối với mọi người.

Phàm mọi vật, vật nào cũng lo sống cái sống của mình, thì cái phải hay cái quấy, cái tốt hay cái xấu của người không còn quan-hệ gì đến mình nữa. mà mỗi vật đều phải lo nghĩ đến cái phải hay cái quấy, cái tốt hay cái xấu đối với mình thôi. Cái phải hay cái quấy đối với mình không còn là cái phải hay cái quấy đối với kẻ khác, vậy thì đó là chuyện mình tự biết lấy mình thôi, sao lại còn đem ra mà nói với thiên-hạ, thì còn nghĩa-lý gì nữa ? Cho nên không có cái gì là phải quấy, có thể đem ra làm tiêu chuẩn cho thiên-hạ được.

Cho nên, trong TỀ-VẬT-LUẬN nói : « Người ta ở dưới bùn thì đau ốm. Con cá chạch có vậy không ? Người ta ở trên cây thì run sợ. Con khỉ có vậy không ? Đâu là chánh xử (*) ? — Người ăn thịt thà, còn hươu nai thì ăn

(*) Xử : là chỗ ở.

cỏ ; điều quạ ăn chuột... Đâu là chánh vị (*) ; Mao-Tường Lệ-Cơ là chỗ mà người ta cho là đẹp, còn cá thấy, thì lặn, chim thấy thì bay cao, nai thấy thì chạy dài. Đâu là chánh sắc ? »

Vậy, mỗi vật đều thuận theo chỗ hợp của nó, không chỗ nào là chỗ hợp chung cho mọi vật. Mỗi vật ngon theo chỗ thích của nó, không có vị nào là vị thích chung cho mọi vật. Mỗi vật, ưa theo cái đẹp của nó, không có cái đẹp nào là cái đẹp chung cho mọi vật.

Do đó mà suy, ta thấy rằng : mỗi vật đều có cái đẹp riêng theo nó, cho nên không có cái đẹp nào là cái đẹp mẫu cho tất cả mọi vật. Thế thì, đã không có cái đẹp nào là có thể đem ra làm cái gương tận-mỹ cho hết thấy mọi vật, thì cũng không có cái thiện nào có thể đem ra làm gương tận thiện cho tất cả mọi người. Thế thì, không đáng cưỡng-ép thiên-hạ phải đồng. Không ép người phải đồng, thì mỗi vật đều được đẹp theo cái đẹp của nó, cho nên mọi vật trong đời không vật nào là không đẹp (天下之物無不美). Cho nên Tề-Vật-Luận mới nói : « Phải cũng là một lẽ vô-cùng, quấy cũng là một lẽ vô-cùng ».

Vậy thì, phải quấy, tốt xấu không thể cùng nhau tranh-biến được. « Ta với người tranh-biến Người thắng ta, ta không thắng người. Quà người phải sao ? Quà ta quấy sao ? Quà người quấy sao ? Trong hai ta, có người phải

(*) Vị : là mùi ngon.

hay sao ? Có người quấy hay sao ? Cả hai đều phải chăng ? Cả hai đều quấy chẳng ? Ta cùng người không hiểu biết động nhau, thì người ngoại-cuộc phải chịu mò-ám. Ta mượn ai đâu mà chánh việc này ? Mượn người đồng với người ! Đã đồng với người, làm sao chánh việc này ? Mượn được người đồng với ta ! Đã đồng với ta, làm sao chánh được việc này ? Mượn người khác với ta và với người ! Đã khác với ta và với người, làm sao chánh được việc này ? Vậy, thì ta với người cùng ngoài cuộc đều không biết động nhau, mà còn phải chờ đó làm chi ? » (Tề-Vật Luận).

Cái phải của mình, là phải đối với mình, đối với cái sống theo cá-tánh của mình. Mà cái sống của mình cùng cái sống của kẻ khác không đồng. Thế thì, tranh-biện với nhau về phải quấy còn nghĩa-lý gì nữa ? Đã cùng nhau tranh biện là không thể được, còn thêm một người thứ ba vào để chánh-lại việc ấy thì làm gì chánh được. Nếu người cùng một ý với ta, cho ta là phải thì ra cũng như trước kia chỉ có ta và người. Mà nếu người cùng một ý với người, cho người là phải, thì ra cũng như trước kia chỉ có người và ta : vấn-đề tranh biện cũng vẫn như trước, không giải-quyết được. Mà nếu người ấy không cùng ý với ta và với người, thì người ấy làm sao chánh được việc này ? Vậy, ta và người đều quấy cả sao ? hay đều phải cả sao ?

Quấy, Phải, là một vấn-đề nghịch-thuận đối với riêng từng người một, — cho nên không thể cùng nhau tranh-biện được.

Vả, ý-kiến mọi người đều không đồng, vậy nếu phải chấp theo một ý-kiến nào, cho đó là phải để cho thiên-hạ cùng đó mà theo, thì dưới đời, ý-kiến của ai là phải ? Câu hỏi này, thật không thể quyết-định được, chẳng qua như câu hỏi trong Tề-Vật « đâu là chánh xử, đâu là chánh-vị, đâu là chánh sắc » ? vậy.

Vậy, nếu không thể chấp theo một ý-kiến nào và cho đó là phải, thì ra dưới trời ý-kiến nào của con người cũng đều phải hết. Thấy đều phải hết, thì đây đó chịu nhau, cần gì phải tranh-biện làm chi nữa. Tề-Vật-Luận nói : « Quả thật có Đây có Đó không ? Quả thật không có Đây không có Đó không ? Đây và Đó, đều đồng nhau, gọi là đạo-xu. Xu, ban sơ đứng chỗ hoàn-trung của nó, để ứng-đối vô-cùng ». Cũng là cái thuật « dĩ bất-biến ứng vạn biến » vậy.

Phàm hề có phải cho đây, là có quấy cho kia, có quấy cho đây là có phải cho kia, nên phải quấy cứ đối-đãi nhau luôn mà có. Nhược bằng cho đây là đó, đó là đây, thì quấy cho đây là phải cho đó, lợi cho đây là hại cho đó. Mà đó là đây, đây là đó, thì lợi và hại, phải và quấy, đồng nhau vậy. Cho nên không có gì gọi là lợi hay hại, phải hay quấy nữa cả.

« Phải, là một lẽ vô-cùng. quấy cũng là một lẽ vô-cùng », vậy phải quấy chẳng qua như một cái vòng tròn. không thể biết chỗ nào là phải, chỗ nào là quấy cả. Vậy không cần biện-luận về cuộc xây-văn của phải quấy ấy với « kẻ còn nhận thấy có sự phải quấy »,

và hãy biết đứng ngay nơi trung-tâm của cái vòng ay (hoàn-trung) để chịu đây đó, ấy là chỗ gọi là Đạo-Xu (cái cốt của đạo). « Thánh nhơn vì chỗ hòa, mà nói thì nói phi, rồi đứng yên nơi Thiên-Quân : ấy gọi là lưỡng hành » (Tề-Vật-Luận) (*)

Thiên Ngụ-Ngôn, giải chữ Thiên-Quân 天均 như vậy : « vạn-vật tuy biến-hóa và thay-thế hình-thức lẫn nhau; nhưng nguyên-khí là một. Hôm nay và hôm qua như cái vòng tròn. Cái lý của nó không thấy biết đặng. ấy gọi là Thiên-Quân hay là Thiên-Nghê ».

Thiên-Quân hay là Thiên-Nghê đều là đề chỉ sự biến-hóa của tự-nhiên vạn-vật : « Đứng yên nơi Thiên-Quân » là chịu cái tự-nhiên của Vạn-Vật. Thánh-nhơn đối với sự phải quấy lẫn nhau của Vạn-Vật, đều biết nhận chỗ phải quấy riêng của mỗi vật, nên thái-độ thánh-nhơn đối với đời là « ừ-hử » để hòa với mọi người mà tự-mình không vướng mắc trong đó, lại vượt qua ngoài sự phải quấy ấy. Đó gọi là « lưỡng-hành » Thánh-nhơn biết phải quấy là đồng nhau, nên thuận với thiên-hạ mà không chịu tranh-biện cùng ai, đó là cách « xử-thế tiếp-vật » của thánh-nhân ; — còn đối với mình, vì đã đồng-hóa với Vạn-Vật, nên đứng ngoài sự phải quấy, thản-nhiên đứng yên nơi cái cốt của bánh xe luân-chuyển (Thiên-Quân), đó là cách « xử-kỳ » của thánh-nhơn.

(*) Thánh-nhân đây, là tiếng dùng để chỉ Chân-nhân.

Xử-kỳ theo một cách, còn tiếp-vật theo một cách, là để vừa hòa với đời, vừa gìn-giữ Bản-Tánh của mình, đó gọi là « lưỡng hành ».

Hành-động thánh-nhơn đối với đời về vấn-đề thì phi giống như cách người nuôi khí : « Người ấy nói với khí, sớm mai ta cho ba củ khoai. chiều bốn củ. Khi đều giận. Người ấy nói : Thôi, sớm bỏ. chiều ba. Khi đều mừng. Sớm cho mỗi ngày không bớt không thêm, nhưng tại cách cho mà có giận có mừng. Ấy nên thánh-nhơn vì chỗ hòa mà nói thì nói phi, rồi đứng yên trong Thiên-Quân : ấy gọi là lưỡng-hành » (Tề-Vật-Luận).

Sự hiểu-biết của thánh-nhân có khác đời, nhưng không bao giờ vì đó mà làm ra vẻ khác đời, để chọi với đời... như phần đông những kẻ kiêu-ngạo, lập-dị... cho đó là học theo lối Trang-Châu !

Ở thiên Đại-Tông-Sur có viết : « Nhan-Hời hỏi Trọng-Ni :

— Mạnh-Tôn-Tài, mẹ chết, kêu khóc mà không có nước mắt. Trong lòng không xót-xa, để tang mà không tỏ ra bi-thảm. Không có ba điều đó, vậy mà sao lại được tiếng là người khéo cư-tang nhất ở nước Lỗ. Anh ta vốn chẳng có cái thực bên trong mà sco lại được danh như thế ?

Trọng-Ni nói :

— Ông Mạnh-Tôn đã hiểu đến chỗ tận-cùng rồi, đã tiến đến bậc Trĩ rồi ! Ông không bỏ cái mà người đời không bỏ được, nhưng ông bỏ được những tình-cảm bên trong của người đời. »

Nghi-lễ bên ngoài, ông Mạnh-Tôn không thể bỏ được là vì sợ chạm phải thói-tục, nhưng về tình-cảm thật-sự bên trong, thì ông không cho thế là phải, nên lòng không bi-cảm trước vấn-đề sống chết, ông có quyền không bắt-chước thế-nhân. Bậc Chân-nhân hòa mà không đồng, tuy bề ngoài hòa với mọi người, mà lòng vẫn cách-xa nhân thế. Làm thế, họ vừa không đụng chạm và làm bức lòng đời, mà cũng vừa giữ được lòng thành-thực đối với mình.

« Ông Mạnh-Tôn chỉ riêng biết rằng người khóc thì mình cũng khóc, nhưng trong lòng thì không khóc. » (Đại-Tông-Sư).

« Hình-phạt, theo họ là cần, nhưng họ áp-dụng hình-phạt một cách khoan-hậu. Lễ, theo họ, là phụ thuộc, chỉ dùng để dừng đụng chạm với đời. Họ thuận theo thời (...) Và như vậy, Trời (Thiên-Tánh) và Người (Nhân-tánh) không nghịch nhau », nghĩa là họ đã giải-quyết được sự xung-đột giữa Cá-Nhơn và Xã-Hội, giữa Tự-Nhiên và Xã-Uớc, giữa Tự-Do, và Nô-Lệ. Đó là cách xử-thế mà Trang-Châu gọi là « lưỡng-hành » (*).

Tuy-nhiên, có kẻ sẽ bảo : « Trang-Tử nói thế, sao lại còn đi bài-bác các chế-độ luân-lý trong thiên-hạ, bởi đã không có cái gì phải, cái gì quấy kia mà ! ».

Hỏi thế, là chưa rõ bản-tâm của Trang-Tử. Trang-Tử đâu có gọi cái chi là phải chung cho cả mọi người

(*) Trang-Tử NAM-HOÀ-KINH (Bản dịch của Thụ-Giang — trang 404).

mà đi bài-bác thiên-hạ, ép người người đều phải theo cái phải của mình. Sở-dĩ có bài-bác là bài-bác cái tánh thiên-vị ấy, cái tánh thiên-vị cho rằng : chỉ có mình là phải mà thôi. Cái phải ấy chỉ là cái phải riêng của mỗi người, và đừng bao giờ dụng tư-tâm đem cái phải của mình ra mà cưỡng-ép kẻ khác phải theo, làm cho khổ cả người lẫn mình vô-ích. Chỉ có thế thôi.

Theo Trang-Tử, sự-vật không bao giờ cô-lập cả, trái lại, vẫn chằng-chịt dính-líu nhau như Một Thiên-hạ mà loạn, phần nhiều chỉ vì ai ai cũng tưởng cái phải của mình là tuyệt-đối.

b. — Vấn-đề Sanh Tử :

Người đã nhận phải quấy, tốt xấu đều là bình đẳng cả, thì trong đời còn có gì làm cho xao-xiên được tấm lòng, nếu cũng giải-quyết luôn được vấn-đề tối-trọng của nhân-sinh này : vấn đề sanh, tử.

Theo Trang-Tử, sanh tử là Một.

Trong Trời Đất, chỉ có cái Sống thôi. Cái Sống ấy không có sanh, nên cũng không có tử. Sanh và tử chỉ là những hình-thức biến-hóa thôi. Cái Sống chính là cái mà Lão-Tử gọi « từ nhi bất vong giả thọ » (死而

不亡) (Chết mà không mất là thọ) (*)

Hình-thức mất đi, thì cái Sống ấy đi về chỗ khác. Cũng như trong một thân cây, lá này rụng, thì cái Sống ấy trở vào thân cây mà sanh ra lá khác, bông khác hoặc trái khác... Cái mà ta gọi sống, chết đây, chỉ là sự « thành hủy » của một trạng thái trong cuộc đại-hóa của trời đất mà thôi. Sự sống, chết chẳng qua như bó củi « cột lại hay tháo ra ». Sống, chết chẳng qua là « một qua một lại » tiếp nối nhau mãi thôi, còn cái chân-thể của ta vẫn như thế mãi, không thay đổi. Chính đây là chỗ mà Quách-Tượng bảo : « Cùng với tạo-hóa hòa làm một rồi, thì đi đến đâu mà không phải là ta ».

Cái « Sống » của ta đối với hình thể ta, cũng như « lửa đối với củi ». Cái Sống ấy, từ hình-thể này truyền qua hình-thể kia, cũng như lửa truyền từ bó củi này qua bó củi kia vậy. « Không khác nào hỏa truyền mãi mà không tắt, cái Sống vẫn truyền mãi mà không bao giờ tuyệt. »

Chết, chẳng qua là tự hình-thức của một vật tồn-tại này mà chuyển sang hình-thức của một vật tồn tại khác. Từ cảnh này đổi qua cảnh khác mà lo-

(*) Trong quyển « Religion de l'Homme », Tagore có viết : « Celui qui peut mourir, sans périr, a la vie éternelle ». Ông lại nói : ... « essayons de réaliser en nous-même l'homme immortel afin que, en mourant, nous ne périssions pas. C'est la signification de la parole de l'Upanishad. » Réalise la Per-sonne, afin que tu puisses ne pas mourir (p. 180-181)

sợ, có khác nào cái cảnh của « nàng-Lệ-Cơ, con một vị quan trấn-thủ phong cương xứ Ngại, gả cho vua nước Tần. Lúc xuất-gia, rơi lụy đầm bầu. Khi tới hoàng-cung, cùng vua đồng sàng, ném mùi sô-hoạn, rồi lại hối-hận giọt-lệ ngày xưa » (TỀ-VẬT-LUẬN). Lúc xuất-gia thì lo sợ đau-khổ « đến rơi lụy đầm bầu » không nỡ lia bỏ cái cảnh hiện-tại của mình. Cảnh ấy khác nào cái cảnh của kẻ sắp « lia-đời » (chết) mà đau-khổ. Chẳng qua mình lo-sợ cái mình chưa biết ra thế nào, chớ biết đâu rồi đây, ta không như nàng Lệ-Cơ, khi đến hoàng-cung, bấy giờ lại hối-hận giọt lệ ngày xưa, mà không chịu trở về quê cũ. Như ta cho hình-thức thấy đây (sở-hữu của hiện tại) là đáng vui mừng, thì sau khi chết, chỗ ta đang hình-thức mới khác, sao lại biết không có chỗ cũng đáng vui mừng như bây giờ ? Lui lại một bước mà nói : lúc ta chưa biến làm người như bây giờ, có lẽ lúc sắp lia cảnh đó mà qua cảnh đây, ta cũng đã « rơi lụy đầm bầu » dùng-dăng quyến-luyến và cho sự biến-đổi ấy là một tai-họa. Đến nay làm người rồi, nếu nghĩ lại cái « giọt lệ » trước kia, có lẽ ta cũng lấy làm hối-hận, biết rằng trước kia ta lầm. Thế mà đến nay, lại cũng như cũ, diễn lại cái cảnh lạc-lầm như trước : sắp đổi cảnh thay hình... vẫn cũng dùng-dăng khóc-lóc. Mê-muội đến thế, kẻ cũng là cùng-tột rồi vậy !

Thiên Đại-Tông-Sư nói : « Gặp hình người mà vui riêng với đó. Mà hình người là gì ? Hồi vị-thủy trong vó-

cực, theo vạn-hóa mà có nó ra. Vậy, vui với cái đó, nhận riêng nó (mà không nhận cái khác) có phải lẽ không ? »

Quách-Tượng giải thích như vậy : « Trong muôn vàn hình-thức của vạn-vật, hình-thức của người là một. Gặp được hình-thức ấy, chưa đủ riêng vui với nó mà thôi. Trong vô-cực, chỗ « gặp mới » của vạn-vật đều như con người, há chỉ riêng có con người là biết vui với cái hình mới ấy mà thôi, còn bao nhiêu vật khác đều không biết vui như con người sao ? — Gốc, ta không phải là người mà biến-hóa làm người. Hóa làm người, đó là ta mất cái chỗ cũ kia, nhưng tuy mất cái cũ mà lại vui, là vui cái chỗ « gặp mới » này đây. Mà cuộc biến-hóa thì vô cùng, vậy « chỗ gặp mới » thì chỗ nào cũng là chỗ gặp mới, và chỗ gặp mới ấy sẽ vô cùng ». Một chỗ gặp mới » như đây mà còn biết vui, há chỉ có một chỗ này mà thôi sao ? ».

Hình-thức con người là một trong muôn vàn hình-thức của vạn-vật. Thế thì, gặp hình thức nào cũng đáng vui mừng cả, há chỉ có hình-thức con người là đáng vui mừng mà thôi sao ? Sở dĩ ta vui, là vì « chỗ được hình-thức mới ». Mà vạn-vật, vật nào cũng dưới quyền thiên biến vạn-hóa như ta cả thì vạn-vật, vật nào cũng vui với chỗ được hình-thức mới của nó, cũng như ta vậy. Há chỉ có một ta là biết vui với chỗ được hình-thức mới của ta mà thôi sao ? Trước kia, có lẽ ta không phải là người, mà nay lại biết hóa làm người. Hóa làm người, đó là ta mất chỗ cũ kia, nhưng tuy mất cái cũ mà lại vui, là vui vì cái chỗ

được hình thức mới này đây. Mà cuộc biến-hóa thì vô cùng, cho nên cái « chỗ được hình thức mới » như vậy cũng là vô-tận, là cái vui cố-nhiên cũng là vô-tận, há chỉ riêng có một « chỗ hình-thức mới » hiện-thời đây là đáng vui mà thôi sao ? Chúng ta đi trên con đường biến-hóa của trời đất không khác nào một du-khách. Cảnh nào cũng mới, chỗ nào cũng đẹp. Nhưng không cảnh nào buộc trái mình được.

Trang-Tử lại nói : « Giá như tay trái ta biến làm con gà thì ta nhân đó mà gáy canh. Giá như tay mặt ta hóa làm cây cung ta nhân đó mà bắn chim. Giá như hóa cái xương-móng ta làm bánh xe, hóa tinh thần ta làm con ngựa thì ta nhân đó mà dùng, há lại còn đi thẳng xe nào khác ? Vả đắc là thời, thất là thuận. An theo thời, xử theo thuận thì buồn vui không vào đặng cõi lòng. » (1)

Thế thì, ở vào cảnh nào, vui theo cảnh ấy. « Bực chán-nhân xưa, không ham sống, không ghét chết, ra không vui, vào không sợ, thân-nhiên mà đến, thân-nhiên mà đi. » (2) (Đại-Tông-Sư). Sống, chết như nhau, « an theo thời xử theo thuận » thì buồn vui không vào đặng cõi lòng.

(1) Ở đây, ta thấy rõ-rệt tư-tưởng của Trang-Tử, không tin đến thuyết Tiến-Hóa. Chỗ mà người tin là Tiến-Hóa, ông chỉ xem là một cuộc Biến-Hóa thôi (Transformisme).

(2) « Ra », « vào » và « đến », « đi »... đều là đề chỉ sự sống chết.

c. — Ta và Vật :

« Xưa, Trang-Châu chiêm-bao, thấy mình là bướm, vui phận làm bướm, tự-nhiên thích chí không còn biết Châu Chợt tỉnh giấc, thấy mình là Châu. Không biết Châu, lúc chiêm-bao là bướm hay bướm, lúc chiêm bao là Châu. Châu cùng bướm đi có phận định ». (Tề-Vật-Luận)

Đời thường bảo, chỉ có làm người là đáng vui thích thôi. Nghĩa là người quý hơn vật. Đó là tình-thường của người ta. Nói thế, thật là chưa thông-đạt. Người và Vật, sao lại có chỗ quý tiện ? Giả-sử, tạo-hóa sanh ta làm chim, thì ắt trong thiên hạ không còn gì quý bằng chim, mà nếu sanh ta làm cá, thì ắt trong thiên hạ không còn có gì quý bằng cá.

Trang-Châu chiêm-bao, thấy mình là bướm. Trong khi làm bướm, quên lửng mình là Người và vui-thích với phận làm bướm. Nên đứng theo Trang-Châu mà luận, thì nếu hỏi đời cái kiếp người của Trang-Châu làm phận con bướm, ắt Trang-Châu không muốn. Nhưng đứng theo con bướm mà luận thì đời cái kiếp con bướm làm phận con người của Trang-Châu, ắt con bướm cũng không muốn.

Làm con Người chưa ắt là vui hơn làm con Vật,

thế thì Vật và Ta là bình-đẳng. (*) Cho nên dầu sau đây, thân này có biến-hóa ra sao, cũng không đến phải bận lòng.

Tóm lại, nếu không đặt « Nhất-Thiết Bình-Đẳng » thì có chỗ ưa, ghét, lấy, bỏ... Có chỗ ưa ghét, lấy bỏ... thì còn gì Tự-Do, mà nói đến tuyệt-đối Tự-Do. Người mà còn bận mắc trong vấn-đề Lớn-Nhỏ, Hơn-Kém, Thi-Phi, Vinh-Nhục... là chưa có thể cùng bàn đến Tự-Do với họ được nữa.

(*) *Thuyết Luận-Hồi của Phật-giáo tiêu-thừa, nếu đứng về phương-diện giải-thoát, thì phải nương thuyết Bình-Đẳng của Trang-Tử.*

Con người sở dĩ nô-lệ chỉ vì có một cái Sợ mà thôi. Sợ đủ thứ, và nhất là sợ cái cảnh sau khi chết. Luận-Hồi, căn-cứ nơi thuyết Tiến-Hóa cho rằng làm con Người là quý hơn con Vật. Cái lo ấy của Bản-Ngã được thuyết Luận-Hồi an-ủi, nhưng an-ủi cho lòng người có được hi-vọng để sống qua ngày chứ chưa phải là giải-quyết được cái « sợ » ấy. Người ta, ai ai cũng mong đi lên mãi trên nấc thang tiến-hóa : hết loài thú, đến loài người rồi đến loài tiên, phật... Lòng ham-nuốn con người ngoài cái phận mình : Không biết đến đâu là cùng. Gỡ chỗ giữa, đâu phải là trừ tuyệt được nguyên-nhân cái ngứa ấy.

Thuyết Bình-Đẳng của Trang-Tử, căn-cứ trên thuyết Vạn-Hóa của ông, cho rằng người ta chỉ cần gìn-giữ Thiên-Chân mình được trọn-vẹn thôi, thôi ngoài ra có biến ra hình gì cũng mặc. Thế thì, cái « sợ » do Bản-Ngã tạo ra, không tồn-tại được nữa. Giải-thoát tinh-thần con người khỏi cái sợ thiên-niên đã giam-hãm con người trong bóng tối, quả thuyết Luận-Hồi của Phật-giáo tiêu-thừa là bất-lực rồi vậy.

III.— DƯỞNG-SINH-CHỦ

Theo Trang-Tử thì sống chết là một, vậy sao còn quý cái sống mà dưởng nó ?

Nào phải như vậy : Sống chết là một. Nhưng ở phải vào cảnh nào, thì vui với cảnh nấy. Thế thì sống đây, hãy biết vui thích theo cảnh sống ấy. Nếu không thuận theo tự nhiên của nó mà dưởng nó, đó là ta cầu cái chết hay sao ? Vậy đâu còn phải là cái đạo của Tề-Vật nữa ?

Vả lại, muốn sống vui, mà lại đề cho thân-thể mình ốm đau, thì sống như thế, cũng không sao vui được. Epicure nói : « Một thân-thể không đau, một tinh-thần không loạn : chân hạnh-phúc của con người chỉ có bấy nhiêu thôi ».

Sống dặng theo Tiêu-Diêu và Tề-Vật, là sống với một « tinh-thần không loạn » ; — mà sống được theo Dưởng-sinh là sống với một « thân-thể không đau »

Tuy nhiên, nếu nói cho đúng lẽ, thì chỉ có những kẻ có « một tinh-thần không loạn » là mới có được một « thân thể không đau » mà thôi. Hay nói cách khác : những kẻ có một « thân thể không đau » là vì họ khéo giữ « tinh thần không loạn ».

Hoàng-Đế Nội-kinh, bàn về thuật dưởng-sinh cũng nói một thể : « Điềm-đạm ; hư-vô chân-khí từng chi ; tinh thần nội-thủ ; bình an từng lai. » (Giữ tấm lòng được

điềm-đạm hư-vô, thì chân khí theo đó ; tinh thần giữ vững được bên trong, thì bình loạn do đâu mà đến được).

Cho nên, người mà còn đau yếu, là cái đức của mình chưa vững.

Trang-Tử bảo : « Cái sống của ta đã thọ nơi Trời ; Đất, hãy biết gìn-giữ nó cho tới cùng tốt, đừng làm cho nó hư hoại trước cái giờ hạn-định của nó ». (1) Vì danh-lợi mà chết, hay vì hình-lục tru-diệt mà chết, đều cũng như nhau. Cả hai, đều làm cho hư-hoại thân mình trước cái thời giờ hạn-định của nó. Đó đều là sai với tự nhiên vậy (2).

(1) Đại-lông-Sư.

(2) Thiên Biên-Mẫu giải đoạn này có câu :

« Bá-Di vì danh mà chết nơi núi Thù-Dương, còn Đạo-Chích thì vì lợi mà chết nơi gò Đông-Lăng. Hai người ấy tuy cái họ chết theo không giống nhau, nhưng đều làm tàn cái Sống, thương cái Tánh mình cả. Chắc gì Bá-Di là phải mà Đạo-Chích là trái ? Người trong thiên-hạ đều chết theo như thế ấy cả. Nếu mà cái mình chết theo ấy, là Nhân-Nghĩa, thì tục gọi là Quán-Tử. Nếu cái mình chết theo ấy là của-cải thì tục gọi là Tiêu-Nhân. Cái mà mình chết theo chỉ có một, vậy mà cũng có Quán-Tử, có Tiêu-Nhân. Đến như cái việc tàn cái Sống, tổn cái Tánh, thì Đạo-Chích cũng như Bá-Di có khác nào ! Trong đó, lại kể chi Quán-Tử với Tiêu-Nhân ? ».

Sở-di sinh-lực ta hao kém, là vì tư-lự mà ra. Trong các mối tư-lự, không có mối nào nguy-hại hơn là mối so-do hơn kém về cái phận ngoài mình, nó không biết đâu là bờ-bến.

Thiền « Dưỡng-Sinh-Chủ » vô đầu có câu ; « Sinh-lực của ta thì có hạn, mà nỗi lo-nghĩ tư-lự của ta thì không bờ không bến. Nếu đem cái có hạn (như sinh-lực ta) mà phụng-sự cái vô hạn (như lòng ham muốn của ta) là nguy vậy ».

Trang-Tử dùng câu chuyện anh đồ-tề ra thịt để bàn về cái thuật dưỡng sinh ấy : « Bào-Đỉnh mổ bò cho Văn-Huệ-Quân, lúc ra thịt, điệu-bộ của tay động, của vai đưa, của chơn đạp, của gối chạm, tiếng da xương lia nhau tiếng dao cạo cắt đều trùng cung điệu, hiệp với điệu múa của nhạc Tang-Lâm, với bài nhạc Kinh-Thủ. Văn-Huệ-Quân nói : « Hay lắm ! Khéo đến thế là cùng » Bào Đỉnh buông dao, nói : « Sở-hiếu của thần, là Đạo. Ban-sơ, lúc ra thịt một con bò, chỗ thần chỉ có thấy mà thôi, là con bò Sau 3 năm thần không còn thấy toàn con bò nữa. Bây giờ thần dùng « cái Thần » để xem, không dùng mắt để ngó nữa. Thần bỏ lòng phóng túng mà thuận theo lý, rồi co-duỗi cánh tay mà đứng việc. Thần nương theo thiên-lý. Chỗ nào có thừng cứng làm ranh hạn, thần đưa dao vô giữa chỗ ranh hạn mà phân nó ra. Thần cắt-xé chỗ không có xương. Nhờ vậy mà lưỡi dao của thần không gặp một máy ngăn-trở nào, nên không mòn không mẻ. Một người bếp tằm-thường trong

mỗi tháng thay dao một lần, vì họ chặt. Con dao của thần, dùng đã 19 năm rồi mà còn như mới. » (...) Văn-Huệ-Quân nói :

Hay biết chừng nào ! Ta nghe lời nói của Bào-Đỉnh mà biết được đạo dưỡng-sinh (Dưỡng-Sinh-Chủ)

Lòng ham-muốn của ta, như « gân xương », còn sinh-lực của ta như « lưỡi dao ». Hễ ham-muốn, thì có lo sợ : lo dặng sợ mất. Đắc thất, doanh hư, thị-phi, vinh-nhục... đều làm náo-động tinh-thần, thương-tồn sinh-khí. Tranh-đấu với những điều không thể tranh được như ý kiến phải quấy cùng những lẽ doanh hư đắc thất trong đời, tức như Epictète nói « tranh với những điều không thuộc mình nữa, thì tranh ắt phải thất » đó là đem lưỡi dao bén mà chạm vào xương cứng, chỗ mà không thể cắt bằng dao. Kết-quả, dao mòn lưỡi mẻ, chỉ là những cố đề thương sinh vô ích. Lão-Tử nói : « Vì ta không tranh, nên thiên hạ không ai tranh nổi với ta ».

Tranh với nhau, là vì cùng cho mỗi vật có một giá-trị như nhau. Trái lại, nếu không thấy cái gì là quý, cái gì là tiện, cái gì là phải, cái gì là quấy, cái gì là tốt, cái gì là xấu, thì với người đó, còn đi tranh với họ được cái gì nữa mà tranh ! Thử xem loài chó tranh-nhau vì một miếng xương vụn : có bao giờ con người lại đi tranh-giành với chúng miếng xương vụn

ấy không ? Sự đánh giá về sự-vật mà khác nhau thì không thể có sự tranh-giành nhau được nữa.

* *

Trong những nguyên nhân làm cho người thương-sinh, như đã nói trên, còn một nguyên-nhân nữa làm cho loài người là con vật đau-khổ nhất trên đời, là lòng ham sống sợ chết. Bergson cũng nói : « Chỉ có con người là biết sợ chết mà thôi. Cho nên chỉ có con người là con vật đau-khổ nhất trên đời. » Lòng « ham sống sợ chết » mà không còn, thì tinh-thần ta mới không náo loạn. Mà tinh thần ta không náo-loạn, thì bệnh-hoạn do đâu mà đến được.

« Lão-Đam chết, Tần-Thất đến điếu, khóc ba tiếng, Rồi ra về. Đệ-tử hỏi : Ông không phải là bạn của phu tử sao ? — Phải ! — Vậy thì, điếu như thế, phải không ? — Phải... Trước kia, ta coi Lão-Đam là bạn của ta, nay xem đó, thì là không phải nữa. Lúc ta vào điếu, thấy già khóc đó như cha khóc con ; trẻ khóc đó như con khóc mẹ. Ấy là trốn thiên tánh, gia thêm tình và quên chỗ mình thọ-lãnh (của tạo-hóa). Cờ nhơn gọi đó, là hình-khổ của sự trốn thiên-tánh. Phu-tử vui « đến » là thời, vui « đi » là thuận. An-thời và xử-thuận, buồn vui không vào dạng cõi lòng. Cờ nhơn gọi đó là huyền-giải » (Dương-Sinh Chủ).

Thân-thể con người không khác nào quán-trọ. Ở hay đi... không nên vì đó mà quyến-luyến. Con người

chỉ như một lữ-khách đi trên con đường vô-tận của tạo-hóa, gặp quán mà trọ không phải là để mà « mọc gốc mọc rễ » nơi đó. Cho nên, thản-nhiên mà ở, thản-nhiên mà đi, không nên bận lòng vô ích.

* *

Dương-Sinh có hai mặt : dương cái sống « có sống có chết » (thân thể ta) và dương cái Sống « không sống không chết » (Chân-tể ta). Trên đây, là bàn về cái đạo-tu dương cái sống « có sống có chết ».

Thiên « Dương-Sinh » bàn về cái « không sống không chết » kết luận bằng cái tỉ-dụ « củi và lửa » như vậy : khi lửa cháy lụn bó củi này, nó truyền sang qua bó củi khác, và không bao giờ tắt ».

Và, dùng lửa nhen củi, củi hết mà lửa cũng hết theo : đó là chỗ thấy của thường-nhơn. Thật ra, cái Sống không bao giờ hết, cũng như lửa không bao giờ cùng. Giữ-gìn cái Sống « không sống không chết » ấy, đừng để nó vì tu dục mà điêu-bồng ham-muốn những cái ngoài phận mình, đó là không làm cho nó lu mờ mai-một. Nói tắt một lời : Ta hãy giữ-gìn cái thiên-tánh của mình, đừng để nó mai-một lu-lờ vì danh-lợi thị-phi bên ngoài, nghĩa là, sống theo kẻ khác mà bỏ mất cái sống của mình, làm cho nó không có cơ

phát-triển được, đó là làm thương-tồn cái Sống « không sống không chết » của mình vậy.

..

Đạo Dưỡng-Sinh, phải vừa lo trong, vừa lo ngoài, không nên thái-quá hay bất-cập

Thiên Đạt-Sinh giải về cái lẽ này rất rõ : « Điền-Khai-Chi yết-kiến Châu-Uy-Công. Uy-Công nói : Ta có nghe Thầy của Khanh là Chúc-Thuận có cái đạo sống. Khanh cùng Chúc-Thuận ở chung nhau ; Khanh có nghe nói về đạo ấy không ? Điền-Khai-Chi nói : Tôi là đứa quét nhà, làm sao nghe được ? Uy-Công nói : Điền tử chớ khiêm-nhượng, quả-nhân muốn nghe điều đó. Điền-Khai-Chi nói : Nghe Thầy tôi nói, người khéo dưỡng-sinh như người chăn chiên, thấy con nào lẻ bầy, thì quất nó (cho nó trở về với bầy). Uy-Công nói : Nghĩa là sao ? Điền-Khai-Chi nói : Tại nước Lỗ, có tên Đon-Báo ở trong non, uống nước suối, không cùng người cộng lợi — Đã bảy mươi tuổi mà nhan-sắc còn như đứa con nít. Rồi bị cọp đói bắt ăn. Cũng có tên Trương-Nghị, không cửa cao nhà rộng nào mà y không chạy đến (để cầu cạnh sự âm-thần phi-gia). Được bốn mươi tuổi, bị bệnh nội-nhiệt mà chết. Báo, thì dưỡng phần trong mà bị cọp ăn phần ngoài. Nghị dưỡng phần ngoài mà bị giết phần trong. Hai người đó, đều không biết quất con chiên lẻ bầy ». Trong ngoài là hai điều không thể lìa nhau. Lìa nhau là sai với tự-nhiên,

không khác nào con chiên lạc bầy. Đánh cho nó trở về, là hợp lại hai lẽ trong và ngoài, thì đạo dưỡng-sinh mới là hoàn-toàn vậy.

Theo Trang-Tử, vật-chất và tinh-thần, đã chẳng những không khác nhau, mà có thể nói là Một.

..

Còn như cái chỗ hại về lẽ sống của sự sắc-dục uống ăn, người dưỡng-sinh cũng nên thận-trọng đề ý : « Gặp nơi tử-địa, anh em cha con còn biết sợ-sệt, răn bảo nhau đừng bước vào. Còn như trên chần-chiếu, giữa cuộc uống ăn, cũng là nơi tử-địa, mà sao không mấy kẻ biết sợ-sệt, không biết răn nhau, mà lại còn mạo-hiêm bước vào thời là quá rồi ». (Đạt-Sinh)

Nhất là đừng đề kẻ khác lợi dụng cái lòng báo-danh của mình, để lấy mình làm tay sai-sử cho tư-dục họ. Trang-Tử nói : « Một vị quan lãnh việc tế-tự nói với heo : Sao bây giờ chết ? Ta nuôi bấy trọn trong ba tháng. Vì vậy mà ta giữ ba ngày trai, mười ngày giới. Lúc tế ta để bày trên chiếu trắng, trên mâm chạm. Bầy còn phản nản nổi gì nữa ? Ôi, nếu vị quan đó thật tình nuôi heo, thì sao không để cho nó tự-do ăn tắm cáng chi chi cũng được. Vị quan ấy vui-thích vì sống có áo mũ, chết có quan-quách, và cho vậy là vinh, rồi tưởng cho heo nó cũng thế ». (Đạt-Sinh)

Giống heo mà còn biết trọng sinh mạng nó đến sâu-bì vì lẽ bị người áp-bách không cho sống tự-do

theo cái sống tự nhiên của nó. Đến như con người, phần đông, vì cái hư-danh đem thân-mạng mình tự-giam vào chỗ chết của Bản-Tánh, (*) để người lợi-dụng một cách đáng thương hại hết sức, thế lại còn lên mặt hiêu hiêu tự-đắc cùng đồng-loại, há không biết xấu-hổ với loài heo-tế trên đây sao ?

(*) Thiên « Biền-Mẫu », bàn giải về lẽ này, rất là võ-vạc :

« Từ Tam-Đại trở về sau, thiên-hạ không có ai là không vì vật ngoài mà biến đổi Tánh mình. Kẻ tiểu-nhân, thì đem mình chết theo lợi. Kẻ sĩ, thì đem mình chết theo danh ; quan đại-phu thì đem mình chết theo nhà ; thánh-nhân thì đem mình chết theo thiên-hạ.

Cho nên mấy người ấy, sự-nghiệp tuy không giống, danh-hiệu tuy khác nhau, nhưng về chỗ hại Tánh-mình, vẫn như nhau. Tang cùng Cốc cùng chôn dẽ, mà đều bị mất dẽ. Tang làm gì mà mất dẽ ? Vì rong chơi mà mất dẽ. Cốc làm gì mà mất dẽ ? Vì rong chơi mà mất dẽ. Hai người này tuy công việc không giống nhau, nhưng đều bị mất dẽ : Kết-quả vẫn như nhau... Vả, đem Tánh mình mà làm tới-mọi cho Nhân-Nghĩa, thì dầu giỏi như Tăng, Tử, cũng chẳng phải hạng ta cho là hay. Đem Tánh mình mà làm tới-mọi cho người, thì dầu giỏi như Du-Nhi, cũng chẳng phải hạng ta cho là hay. Đem Tánh mình mà làm tới-mọi cho ngũ-âm, thì dầu giỏi như Sư-Khoáng, cũng chẳng phải hạng ta cho là tỏ tai. Đem Tánh mình mà làm tới-mọi cho ngũ-sắc, thì dầu giỏi như Lý-Châu, cũng chẳng phải hạng ta cho là sáng mắt. Hạng ta cho hay, không phải là chỉ về kẻ rảnh về Nhân-Nghĩa đâu, mà là hạng của những kẻ hay về chỗ khéo giữ cái « Đức » mình toàn-vẹn thôi... »

(« Đức » đây, là Bản-Tánh).

IV. — ĐỨC-SUNG-PHÙ

Lão-Tử nói : « Thị dĩ Thánh-Nhơn xử Vô-Vi chi sự, hành bất ngôn chi giáo » (Thánh-Nhân dùng vô-vi mà xử-sự, lấy « bất-ngôn » mà « hành-giao » (是以聖人處無爲之事.行不言之教)).

Lấy cái đạo « bất-ngôn » (không dùng đến lời nói mà dạy) là nghĩa làm sao ? Trang-Tử, nơi thiên « Đức-Sung-Phùng » giải rõ cái nghĩa ấy.

Bực Thánh-Nhân không dùng lời nói mà dạy người, là vì nói không thể dùng để tả « cái điều có thể cảm mà không thể nói ra » được như lẽ Đạo. « Nói ra được, không phải là cái thường của Đạo »

Cái Đạo ấy nơi mỗi người là cái sống tự-nhiên riêng biệt của người ấy. Cho nên, mỗi người đều có cái phương-thuật riêng, không ai có thể truyền cho ai được.

Không ai biết được cái thuật ấy hơn mình, cho nên không ai làm thầy mình được hơn là cái Tâm của mình cả. Vạn-vật, vật nào cũng có cái tự-nhiên của nó, không thể dạy đặng.

Đem một vật mà hóa theo một cái gì không phải thuộc về cái sở-hữu của vật ấy nữa, mới gọi là « dạy » Chỉ như, cái điều mà kẻ khác đã có sẵn nơi

trong, mà ta chỉ có kêu-gọi lại thôi, cái đó không còn gọi là « dạy » nữa. « Đồng với ta, cho ta là phải không đồng với ta, cho ta là quấy ». Có đồng mới có ứng không đồng không ứng : đó là cái hiện tượng « đồng thính tương ứng » mà nhà khoa học gọi là « phénomenes de résonance » trụ-cốt của khoa vô-tuyến điện (*). Cùng đứng trước một hàng sách, có sao kẻ thích quyền này, người thích quyền kia. Dường như có một cái tiếng thiêng-liêng, làm cho ta rung động hưởng ứng đối với cái nhãn hiệu của quyền sách ấy mà đã có ngàn muôn luồng mắt đi qua, không ai thêm đếm xia đến. Giữa ta và vật ấy có một chỗ đồng... kêu gọi nhau. Cho nên cũng thời một câu sách, đối với ta, nó có một sức mạnh kêu-gọi phi-thường có thể đổi được cả một đời tư tưởng ta, mà đối với kẻ khác, nó không có chút gì làm động tâm được cả ? Vì sao Vì nó đã có sẵn nơi ta, nên vừa gặp nó là ta hưởng-ứng liền ngay vậy. Nếu dùng lời nói mà dạy đặng, thì ta đã dạy đặng con, chồng đã dạy đặng vợ, anh đã dạy đặng em, thầy đã dạy đặng trò... Trên đã dạy đặng dưới... thì đời đã không còn có những chuyện lằng-nhằng rắc rối như ngày nay nữa. Thiên *Từ-Vật-Luận* đã nói rất rõ về lẽ này, nay không cần lập lại làm chi.

Thiên « *Biên-Mẫu* » giải-thích đoạn nói trên này có câu : « *Thiên-hạ có vật thường tự-nhiên như vậy. Có*

(*) Xem chương thứ 5, thiên *Từ-Vô-Quỷ*

vật tự-nhiên cong, không cần phải dùng đến câu móc. Có vật tự-nhiên ngay, không cần phải dùng đến dây mực. Có vật tự-nhiên tròn, không cần phải dùng đến cái khuynh. Có vật tự-nhiên vuông, không cần phải dùng đến thước-nách. Vạn-vật tự-nhiên liên-lạc dính-liu nhau, không cần phải dùng đến keo sơn, chẳng-chịt buộc chặt nhau, kêu gọi nhau. Vạn-vật sống, không biết vì có nào mà sống ; đặng không biết vì có nào mà đặng. Nguyên-lý của cái Sống và cái Đặng kia là cố-hữu, xưa nay không hai. Nó là cái luật bất-di bất-dịch. Vậy-thời, vì có nào mà đời muốn đem Nhân Nghĩa Lễ Nhạc tức là cái dây nhơn-tạo mà bó-buộc thiên-hạ, khiến cho thiên-hạ chịu lạc-lầm. »

Thánh-Nhân biết rằng : Mỗi người đều có cái « Đức » của mình thọ-lãnh của Đạo, và phận-sự duy-nhứt của mỗi người là gìn-giữ cái « Đức » ấy nơi mình cho đầy-đủ, nghĩa là lo sống cái Sống ấy một cách triệt-đề và nuôi-dưỡng nó được sung-mãn nơi trong... thì tự nhiên cái « Đức » ấy ứng hiện ra ngoài một cách rực-rỡ như cảnh bông kia nở trong buổi bình minh, hương-sắc hoàn-toàn, làm vui chung cho thiên hạ mà không cưỡng ép ai cũng phải như mình cả. Cái « Đức » của mỗi vật, tức là cái tánh tự-nhiên của nó, cái « bất-đắc-di » phải làm như thế, không thể không làm như vậy cho đặng. Tức như cái đức của mặt trời là sáng và nóng, cái đức của giá là lạnh, của hoa là thơm... Mặt trời mà muốn giúp ích đời, không cần phải làm cái gì khác hơn là làm cho cái « Đức » mình đầy-đủ, rồi thì

không vì ai mà chiếu giọi, nhưng ai ai cũng nhờ đó mà thấy rõ mọi vật. Nếu mặt trời không lo « sống » đầy-đủ cái sống của mình, không lo làm cho « Đức » mình được hoàn toàn đầy đủ lại mong đi giúp đời giúp cho mỗi vật được hạnh phúc, thì phỏng có ích gì cho đời không, mà đời lại mất cả yêng-sáng của mặt trời ; có phải là mình tự hại cái sống của mình và hại luôn đời, mất một nguồn tươi sáng không ? Con người cũng một thể. Mỗi người nên lo cái Đức của mình sung-mãn hoàn-toàn nơi trong, thì tự-nhiên nó ứng-hiện ra ngoài, thiên-hạ nhân đó mà tự hóa, không cần phải lời nói mà hóa ai cả. Nên gọi là « Đức-Sung-Phù » — nghĩa là « đức mà đầy đủ nơi trong, thì người ở ngoài tự-nhiên cảm hóa, không phải cần dùng đến lời mà dạy ».

..

Trang-Tử nói : « Tại nước Lỗ, có tên Vương-Đài cắt chơn. Kê theo học đông bằng học-trò của Trọng-Ni. Thường-Quý (đệ-tử của Trọng-Ni) nói với Trọng-Ni : « Tên Vương-Đài tàn-tật, mà càng Thầy chia hai học-trò nước Lỗ. Người đó, đứng, không trao dạy điều chi, ngồi, không nghị-luận sự gì Thế mà, người học, lúc đến không có gì cả mà khi về thấy mình đầy-đủ. Có cách dạy gì mà không nói ra chẳng ? » — Trọng-Ni nói : « Vương-Đài là thánh-nhơn. Ta còn đứng sau người rất xa. Ta muốn tôn đó làm thầy. Huống chi nói đó không bằng ta. Nói chi một nước Lỗ ta còn muốn dẫn cả thiên-hạ theo cang đó » (Đức-Sung-Phù)

Một đoạn khác Trang-Tử nói thêm : « Lỗ-Ai. Công nói với Trọng-Ni : Nước Vệ có một người rất xấu-xí, tên là Ai-Đài-Đà. Con trai nào ở với nó, không bỏ nó được. Con gái nào thấy nó, thì về xin với cha mẹ rằng : thà làm vợ bé nó hơn là vợ lớn kẻ khác. Nó đã có mấy chục vợ bé rồi, mà cũng chưa hết đâu. Chưa thường nghe nó xướng ra ý chi, chỉ có họa với ý người thôi. Không phải nó làm quan, có quyền-thế cứu tử ai, không phải nó nhà giàu, có của-cải nuôi ai no ấm. Lại thêm hình-thù xấu-xa để làm cho thiên-hạ sợ-hãi. Nó chỉ họa mà không xướng. Tri nó không ra ngoài bốn vách (nghĩa là không lo đến phận ngoài). Và, ai toàn-tài thì ở cùng vật vô hại. Dầu nhập với loài thú cũng không loạn bầy, nhập với loài chim cũng không loạn hàng, huống chi với người.

Quả-nhân triệu nó đến xem coi. Quả hình-thù xấu-xí của nó để làm cho thiên-hạ sợ-hãi. Nó ở với quả-nhân không đầy một tháng, thì quả-nhân biết nó có chỗ cao-xa. Không đầy năm quả-nhân rất tín-nhiệm nó, phong cho chức Tể-tham-Quốc. Nó thọ rồi từ, và bỏ quả-nhân mà đi. Mất người ấy, quả-nhân không tự an-ủi được. Ấy là người vì vậy ? » (Đức-Sung-Phù)

Thân-hình nơi ngoài dầu tàn-tật như Vương-Đài, xấu-xí như Ai-Đài-Đà, đều không phải việc đáng kể. Đáng đề ý, là chỗ « Đức » của mỗi người ấy đầy-đủ nơi trong, nên tuy không nói, không dạy gì ai, mà một đàn, làm cho thiên-hạ được tự-hóa « lúc đến thì

tay không, mà khi về được đầy-dủ » còn một đàng thì làm cho thiên-hạ quên chỗ xấu-xí của mình đến Lỗ-Ai-Công phải than : « mất người ấy, quốc-nhân không tự an-ủi động » !

* *

V.— ĐÀI-TÔNG-SƯ

Phàm các sự vật trong đời, hễ có sanh ắt có tử. Chỉ có cái gì không có sanh ra là không có chết mà thôi. Mà cái « không có chết » đó là cái gì ? Là cái mà ta đã thọ lãnh của Đạo, cái thân thể của ta mà Lão-Tử gọi « tử nhi bất vong giả thọ », còn Trang-Tử thì gọi là « Thiên » (天) hay là cái « Tánh trời » của ta.

Trước đây ta đã thấy Trang-Tử ví « cái sống mà không chết » ấy như « lửa »... Cái Sống ấy là gốc của muôn loài trong Vũ-Trụ. « Biết được đến cái chỗ hành-động của cái Sống ấy, đó là sự biết cùng tột vậy ». (Đài-Tông-Sư).

« Chết mà không mất », đó là cái nguồn sống của vạn-vật. Đó là cái Thể, mà vạn-vật ta thấy đây là cái Tướng. Cũng như Sóng và Nước. Sóng, tuy thiên-hình vạn-trạng, tiếp-tục nhau mà hiện ra hình này hình khác, nhưng sự thật nó chỉ có một Thể mà thôi là nước, Sóng tuy tan (chết) mà không mất bản-thể nó là nước, nên gọi là « chết mà không mất ». Hình-hai của ta đây, đối với cái Sống của ta, không khác nào Sóng đối với Nước.

Thiên Đài-Tông-Sư, riêng đề bàn về cái đạo « Sống mà không chết » đó (不死之道).

« Đạo, có tình, có tính, vô-vi vô-hình ; có thể trao mà không thể lãnh ; có thể động mà không có thể thấy. Đạo

tự-bản tự-căn. Hồi chưa có Trời Đất, Đạo mãi-mãi thường còn. Đạo là thần của quỳ, thần của Đế. Đạo sanh Trời sanh Đất. Ở trên Thái-Cực mà Đạo không gọi là Cao. Ở dưới Lục-cực mà Đạo không gọi là sâu. Có trước Trời-Đất, mà Đạo không gọi là lâu dài. Lâu hơn thượng-cổ mà Đạo không gọi là già ». (Đại-Tông-Sư)

« Không xưa nay, mà sau lại vào đặng nơi không chết không sống .. Giết cái có sống kia đi mà không làm cho đó chết, sanh ra, cũng không phải làm cho đó sống » (殺生者不死. 生生者不生).

Hai đoạn văn trên đây, là chỉ vào cái Sống, nguồn-gốc của Vũ-Trụ Vạn-Vật. Cái đó không có sống, không có chết, hay nói một cách khác, không có cái khởi-diễm, không có cái kết liễu. Tạo-hóa dùng « nguồn sống » ấy mà tạo ra vạn-vật khác nhau, thật chẳng khác nào người thợ rèn kia dùng loại kim mà rèn ra nhiều đồ vật khác vậy. Hoặc phá ra cái đồ này mà đúc ra cái kia. Nếu đứng theo phương diện đồ rèn, thì có sanh có tử, nghĩa là có thành có hủy, — mà đứng nơi phương diện của loài kim, thì vẫn trước sau là một, không có thành có hủy, có thêm có bớt gì cả : làm phương diện của loài kim, mà bị hủy-phá ra, cũng vẫn là loài kim. Vật có khác nhau về hình thức nhưng « bản-thể » là một.

« Tử-Lai có bệnh, hơi thở mạnh, sắp gần chết. Vợ con

bao chung quanh mà khóc ré lên. Tử-Lê đến thăm, thấy vậy, nói : « Đừng có khóc. Ra hết đi. Chớ làm kinh-động người gần chết ». Rồi đứng dựa cửa nói với Tử-Lai : *Lạ thay tạo hóa !* Rồi đấy, không biết buộc anh làm gì, bắt anh đi chỗ nào ? Bắt anh làm gan chuột hay bắt anh làm cánh trùng ? Tử-Lai nói : *Cha mẹ sai con đi đông tây nam bắc, thời con phải vưng mạng.* Đối với người, âm-dương còn hơn cha mẹ. Đó bắt ta chết, mà ta không vưng, là ta nghịch mạng. Và, trời đất lấy hình chớ ta, lấy sống nhọc ta, lấy già khoẻ ta, lấy chết an ta. Trời đất tốt với ta lúc sống, thì cũng tốt với ta lúc chết. Tỉ như thợ đúc đang nấu kim khí. Nếu kim khí đòi : *Tôi chỉ muốn thành cây kiếm Mạc-Da mà thôi, ắt thợ đúc cho nó là kim khí bất-tường.* Cũng như một người kia, lúc chết nói : *Tôi chỉ muốn trở lại làm người mà thôi, ắt Tạo-Hóa sẽ cho nó là người bất-tường.* Trời Đất là lò lớn. Tạo hóa là thợ đúc. Tạo-hóa đúc ra hình nào, ta phải chịu lấy ». (Đại-Tông-Sư)

Làm người hay làm vật, đều chung một nguồn sống mà ra cả. Cho nên sao lại có việc trọng người mà khinh vật ? Chỗ mà Trang-Tử gọi là thợ đúc, là Tạo-Hóa không phải chỉ về một đấng Thượng-Đế có nhơn-cách như người mà là chỉ về Tự-Nhiên. Ta nên để ý chỗ đó cho kỹ.

Sự thay-đổi hình thể bên ngoài, là một việc không thể tránh đặng. Như ta đã thấy trước đây

(*) : sở-di ta nay quý cái hình người đây, là vì hiện ta là người. Giả-sử ta là chim, thì ắt không có hình-thể nào quý đối với ta bằng hình-thể chim ; còn như ta là cá, thì ắt không có hình-thể nào quý hơn hình-thể cá của ta. Cho nên ở vào cảnh nào, ta cũng vẫn nên vui với cảnh ấy. không cần bận lòng đến sự biến đổi sẽ tới về cái hình thể phải chịu sự biến-hóa vô-cùng vô-tận ấy mà làm gì.

Mỗi một cuộc biến hóa là một lần gặp mới, một lần vui. Mà cuộc biến hóa thì vô tận, nên cái vui cũng nhân đó mà không biết đâu là cùng. Kẻ nào biết đứng vững nơi cái nguồn sống ấy mà xem với một cặp mắt thản nhiên những cuộc biến hóa vô-tận của Tạo-Hóa, Trang-Tử gọi người ấy là « ky-nhơn » (畸人). Ông nói : « ky nhơn » là kẻ bỏ riêng qua một bên tất-cả những điều gì thuộc về Người để hợp làm một với Trời (天) nơi mình mà thôi. (Đại-Tông-Sư)

Sở-di Mê-ngộ khác nhau, chỉ có bấy nhiêu thôi. Mê, là đem tâm đeo-dõi theo những cái bào-ảnh vô-thường, thoát có thoát không, cùng là những sự-vật ngoài mình ; còn Ngộ, là đem tâm quy về cái lẽ chân-thật duy-nhứt, không bao giờ mất (不亡) và biết sống vững-vàng căn-cứ nơi Đó tức là trở về cái Người-

(*) Tề-Vật-Luận.

Thật của mình. Đem Tâm mà đeo-dõi theo sự vật ngoài mình, đến quên mất cái « Người thật » của mình, là nguy.

« Làm theo danh mà bỏ mất mình, không phải làm kẻ sĩ. Làm mất thân mình, không rõ cái lẽ thật của mình, cũng chẳng phải là kẻ sai được người vậy. Như Hồ-Bất-Giai, Vư-Quang, Bá-Di, Thúc-Tề, Cơ-Tử, Tử-Dư, Kỳ-Tha, Thân-Đồ-Địch, đều là hạng làm việc làm của người, thích cái thích của người mà chẳng tự thích cái thích của mình ». Ấy cũng là chỗ Lão-Tử nói : « Thánh-nhân bảo nhất ». (聖人抱一) và : « Ta riêng khác với người, là vì ta quý thực mẫu » (我獨異於人而貴實母). Thực-mẫu chính là cái « sống bất sanh bất tử ». nguồn gốc của vạn-vật vậy. Thiên Ngu-ngôn giải cái ý-nghĩa của thiên này, nói : « Vạn-vật đều có chủng-loại của nó, nên không đồng nhau. Hình-thể của vạn-vật trước sau xây-vỡ thay-đổi mãi, nên không thường. Trong cái không thường ấy, ẩn một cái lý gọi là Thiên-Quân, tức là lý tự nhiên của mỗi vật ».

Ta phải biết tôn-trọng cái nguồn-gốc ấy như bậc « tông-sư » của mình vậy, nên gọi là Đại-Tông-Sư.

VI.— ỨNG-ĐẾ-VƯƠNG

Ứng-Đế-Vương, là nói về cái đạo của bậc cầm-quyền trị nước, theo tông-chỉ của Trang-Tử.

Lão-Tử nói : « Ta không làm, mà dân tự-hóa ,
(我無為,而民自化) (Ngã vô-vì, nhi dân tự-hóa) (*)».

Cái đạo Vô-Vì ấy là thế nào ?

Theo *Tiêu-Diêu-Du* và *Tề-Vật-Luận* chủ-trương Tự Do Bình-Đẳng, ta thấy rằng, phạm chánh-trị, chế-độ nào mà không biết đề cho thiên hạ yên theo tánh phận của mình, đều làm cho chúng ta đau khổ cả.

Tánh của vật không đồng nhau. Mỗi vật đều có chỗ nhận là phải, là tốt riêng theo vật ấy. Vậy ta không nên cưỡng ép cho đồng, mà cũng không làm sao cưỡng-ép cho đồng được. Chỗ « không thể đồng » của vạn-vật, ta phải biết nhận lãnh, biết chịu nó : đó là ta đứng chỗ « không thể đồng » mà làm cho « đồng » vậy. Thật thế, mà biết đề cho mỗi người trong thiên-hạ đều « an theo cái tánh của mình » (各安其性) thì ra, tuy là nhận thấy sự « không đồng » trong vạn-vật, mà kỳ-thật thì vật nào cũng được « đồng » nhau

(*) *Trang-Tử* nơi đây, rất phản-đối sự « bỏ mình mà theo người » (舍己適人). « Bỏ mình mà theo người » tại sao vậy ? *Trang-Tử* rất phản đối tánh vị-kỷ, có sao nay là bảo « làm theo danh mà bỏ mất mình » không phải là kẻ sĩ ? Mâu-thuẫn hay sao ? Không phải vậy ! Chỗ mà *Trang-Tử* bảo « đừng quên mình », là chỉ về cái « Người thật » (Chân-Tánh) của mình, chứ không phải cái Bản-Ngã của mình. Nên nhớ kỹ điều này.

sống tự-do theo cái Sống của mình. Tự-do và Bình-Đẳng như ta thấy trước đây là một điều không thể lìa nhau được. Hễ làm mất Bình-Đẳng, là làm mất Tự-Do, mà phạm đến Tự-Do là không còn Bình-Đẳng.

Mà hết thấy các thứ chế-độ chánh-trị xưa nay phải chăng đều định ra một cái « tận-thiện mẫu » để làm tiêu-chuẩn chung cho hành-vì, khiến thiên-hạ, người người đều phải theo đó mà hành-động, ấy là ép chỗ « không thể đồng » (1) phải « đồng ». Đó là sai với tự-nhiên rồi vậy.

Thánh-nhơn lập ra pháp-độ và các thứ chế độ để định chế chánh-trị xã-hội, khiến cho người người đều phải phục tùng theo (2). Như vậy, dụng ý của thánh nhơn, tuy chưa phải là không yêu người, nhưng kết-quả, thì lại như Lỗ-Hầu yêu chim (3) : Yêu theo chỗ « thích » riêng của mình, đó là làm hại vật mình yêu vậy. Đó là đem cái thuật cứu đời mà hại đời, dùng cái thuật cứu-nhân mà sát-nhân.

(1) Chỉ về cái tánh tự-nhiên của vạn-vật.

(2) Đây là nói về những chế-độ hạn-định sự hoạt-động về tư tưởng, tinh-thần, không bàn về sự mưu-đồ về vấn-đề vật chất như ăn, mặc, ở, v... v...

(3) Tịch : « Xưa kia có một con chim biển đậu tại nền Lỗ-Giao, Lỗ-Hầu ngự đến, rước về đến lồng-miếu, dạy trời nhạc cửu thiều, dọn yến thái-lao. Chim ta
(xem tiếp trang sau)

Trang-Tử rất phản đối cái cách « lấy trị mà trị thiên-hạ » (以治治天下). Muốn khiến thiên hạ được trị, không chỉ bằng lấy cái « không trị mà trị thiên hạ » (以不治治天下). Đó gọi là Vô-Vi.

Thiên Ưng-Đế-Vương-Nói : « Người phải làm làm sao cho Tâm thích nơi điềm-dạm. Khi hiệp với điềm tĩnh, tự-nhiên thuận theo vật mà không theo tư-dục, thì thiên hạ mới trị vậy ».

..

Về chánh-trị, Trang-Tử chủ-trương Tự-Do tuyệt-đối, vì chỉ có Tự-Do tuyệt-đối mới thuận đặng theo tánh tự-nhiên của mình mà sống và được hạnh-phúc mà thôi. Mà phàm đã chủ-trương Tự-Do tuyệt-đối, thì cũng phải chủ-trương luôn Bình-đẳng tuyệt-đối nữa. Là vì, nếu ta thừa-nhận rằng giữa người và người, giữa vật với vật, có cái này, « hay » hơn cái kia, hoặc cái kia « hay » hơn cái này, thì tất-nhiên người « hay » phải cải-tạo người « không hay », khiến cho đó trở về đường « hay ». Như thế, thì đâu còn Tự-Do tuyệt-đối nữa. Như ta đã thấy nơi Tề-Vật-Luận.

ngó đón-dắt, bộ sấu-bì, không dám ăn, dám uống. Cách 3 hôm rồi chết. Đó là dùng cách nuôi người mà nuôi chim : như dùng cách nuôi chim mà nuôi người, thì phải để cho đậu trong rừng sâu, dạo ngoài gò đất, trôi nổi giang-hồ, kiếm ăn lươn cá, đồ theo hàng liệt, ung-dung tự-đắc, thích đậu ở đó. Nó nghe tiếng người, cũng đủ nao lòng nao dạ rồi, phương-chi là tiếng nhạc... » (Chi-Lạc)

hễ có Tự-Do tuyệt-đối là nhờ có Bình-đẳng tuyệt-đối, mà hễ có Bình-đẳng tuyệt-đối là nhờ có Tự-do tuyệt-đối. Hai lẽ ấy không thể lìa nhau được. Học-thuyết Trang-Tử cho Người và Vật đều phải có Tự-Do tuyệt-đối, cho nên cho rằng vạn-vật dưới trời đều tốt đẹp, ý-kiến dưới trời đều ngang bằng, nghĩa là « đồng » với nhau tất-cả. Vì không hiểu lẽ ấy, những kẻ tự cho mình có tài đức hay hơn người, thường ham ra mặt sửa đời dạy người, cưỡng-ép thiên-hạ người người đều phải theo mình, cho rằng tế-thế độ nhơn Thế là vô-tình hay hữu-ý đã làm cho xã-hội mất cả Bình-Đẳng, luôn cả Tự-Do, xã-hội bấy giờ sẽ bị phân chia đẳng-cấp, có kẻ vinh người hèn, kẻ tốt người xấu, kẻ hay người dở... Rồi thì nhân đó, hay mới hiệp dở, tốt mới lẫn xấu.

Thánh-nhơn không thế : Thánh-nhơn « hành vô-vi » mà « dân tự-hóa ».

..

Vô-vi là gì ?

Vô-vi có ba nghĩa, cần nên để ý :

10. — Vật, mỗi vật đều có cái tánh tự-nhiên của nó, đâu có cần đến sức người nhúng tay chen vào giúp nó. Như « con chim bay cao để tránh lẫn tên, con chuột đào sâu để lánh họa hại... » nào cần phải có ai dạy mới biết. Chúng nó cũng biết tự làm lấy.

« Kiên-Ngô viếng Cưỡng-tiếp-Dư. Cưỡng-tiếp-Dư hỏi : « Ngày trước Trung-Thi nói chỉ với ông ? — Kiên-Ngô nói : Trung-Thi nói : Vua dùng Nhân-Nghĩa trị người, ai đâu dám không nghe theo mà hóa ? — Cưỡng-tiếp-Dư nói : Đó là đức đối-giã. Trị thiên-hạ bằng pháp độ, đó cũng như lợi biển đào sông, bắt muỗi mòng vác núi. Trị của thánh-nhơn nào phải lo trị ngoài ? Thánh-nhơn trước lo chánh-kỷ, sau mới hành sự. Chỉ có bao nhiêu đó mà thôi. Vả, chim bay cao tránh lẫn tên, chuột khoét nhiều ngách sâu dưới gò thờ thần, để lánh họa un khói, đào bắt. Hai con vật ấy, không hiểu gì cả hay sao ? » (Ứng-Đế-Vương).

Chim còn biết cao bay để lánh hại, chuột còn biết đào sâu để lánh họa. Huống chi con người. Lánh nguy cầu an là lẽ tự-nhiên, có cần phải ai dạy ai mới biết được. Muốn đem nhân nghĩa dạy người... há chẳng phải là đa sự hay sao ? Thánh-nhơn, vì vậy, để thiên-hạ yên theo tánh tự-nhiên của mọi vật mà không cần nhúng tay vào sửa dạy. Đó là cái nghĩa thứ nhất của Vô-Vi.

2.— Thuận theo tự-nhiên của mình mà làm, thì đó là làm mà không phải là mình làm. Cũng như lửa thì nóng và sáng. Có lửa nào mà lại không nóng và sáng hay không ? Nóng và sáng là cái « đức » tự nhiên của lửa ; nó sở dĩ như thế, là vì không như thế không được. Cho nên đó không gọi là « làm », (爲) mà phải gọi đó là « không làm » (無爲) vì đó

không còn phải là chỗ dụng tâm của mình nữa. (*)

Nếu ta dụng-tâm mà làm, đem cái ta gọi là « hay » là « phải » mà cưỡng-ép người ta đều phải nghe theo, đó là ta làm cho thiên-hạ mất cả Tự-Do Bình-Đẳng. Buộc lửa không được nóng, giá không được lạnh... có được không ? có tự-nhiên không ? Làm như thế, là làm cho thiên-hạ thống-khổ, không phải làm cái đạo trị-quốc của thánh-nhân.

« Thiên-Căn đi lên núi Ân-Dương, đến sông Liễu gặp Vô-Danh-Nhơn và nói : Xin hỏi làm sao trị thiên-hạ ? Vô-Danh-Nhơn nói : Đi đi, người là kẻ quê-mù. Sao không dự lời hỏi ? Ta hòng cùng tạo-vật nhậm chỗ tự làm của người. Ta muốn cỡi chim khinh-hư ra ngoài lục-cực, ngao-du làng Vô-Hà-Hữu, ở nơi động Vô-Trệ. Người sao lại lấy việc trị thiên-hạ mà hỏi ta. Thiên-Căn nói hỏi. Vô-Danh-Nhơn nói : Giữ tâm người cho điềm-đạm, khi cho điềm-tĩnh, thuận theo tự-nhiên của vật mà không theo ý riêng của mình, thì thiên hạ trị vậy. » (Ứng-Đế-Vương).

Điềm-đạm, Điềm-tĩnh, đều có nghĩa là « không đề

(*) Pourquoi la mer bruit-elle ? Pourquoi l'oiseau chante-t-il ? Parce qu'ils ne peuvent faire autrement, parce qu'ils y sont forcés de par leur nature. C'est wu-wei (Vô-Vi). (Tại sao tiếng bể ầm ầm ? Tại sao chim lại ca hát ? Là vì chúng không thể làm khác hơn được, là vì chúng bị bắt buộc phải làm như thế theo bản-tánh của chúng. Đó là Vô-Vi vậy).

cho ngoại-vật động đến tâm của mình. » Sống được cái sống đầy đủ của mình rồi nên không tham - muốn đeo-bông cái chi ngoài mình nữa cả ; ngoại vật không còn vật nào động đến tâm mình được nữa. Tự mình được như thế rồi, bấy-giờ mới thuận theo tự nhiên để cho mỗi vật đều được « điềm-đạm điềm-tĩnh » như mình, nghĩa là để cho mỗi vật sống tự-do theo cái tánh tự-nhiên của nó, không buộc ai phải theo ý-riêng của mình cả. Đó là cái đạo trị quốc của thánh-nhân : thuận theo tánh tự nhiên của mỗi vật mà hóa, nên tuy là làm, nhưng là theo tự nhiên chứ không làm theo ý-riêng của mình, cái làm ấy không gọi là mình làm. Ấy là cái nghĩa thứ hai của Vô-Vi.

2. — Nếu trị thiên hạ, mà làm được như trên, thì tuy có làm, dân không hay là mình có làm.

Mặt trời chiếu sáng và đem sự sống cho khắp cả vạn-vật. Giúp cho mỗi vật đều được sống cái sống của mình nhưng không vật nào dè mà dè ý đến cái công ân của mình. Như cây hường thì nhờ ánh sáng và sinh-lực mặt trời mà nở hoa hường, cây lan thì cũng nhờ ánh sáng và sinh-lực mặt trời mà nở hoa lan.., mỗi vật thọ-lãnh cái đức của mặt trời mà sống theo mình nhưng không hay là mặt trời có giúp ích nó. Làm như thế, là Vô-Vi. Đó là cái ng ĩa thứ ba của Vô-Vi vậy.

« Dương-Tử-Cư nói : Dám hỏi việc trị của minh-vương. Lão-Đam nói : Việc trị của minh-vương là, công-ơn trùm thiên hạ mà làm như không phải tự mình làm,

làm cho muôn vật ra tốt mà dân không cậy nhờ tới. Có công mà không có danh, nên vật đều tự vui, đừng nơi chỗ không thể biết được và ngao-du nơi vô-hữu » (Ừng-Đế-Vương).

..

Tuy-nhiên, những nghĩa ở trên, là thuộc về phương-diện tiêu-cực. Vô-Vi lại còn có một nghĩa tích-cực nữa là : phá hoại tất cả những điều gì có thể trở ngại cho sự Tự-Do. Bình-dẳng của nhân loại. Tức là chỗ mà nơi thiên Từ-Vô-Quỷ nói : « Cái đạo trị thiên-hạ, không khác nào việc chẵn ngựa, chỉ trừ-khử những cái gì có hại cho ngựa mà thôi » (去其害馬者而已矣) (*).

Mà cái gì là những cái có hại cho thiên-hạ, nghĩa là hại cái đời sống tự-do của mỗi người ? Chính là tất cả những chế độ, luân lý, giáo thuyết... những cái mà ta gọi chung là sản phẩm của văn-minh « tiến-bộ », căn-cứ trên quan-niệm lạc-lạm của Nhị-nguyên của Bàn-Ngã, nguyên-nhân của tất cả những sự người bóc-lột người » (exploitation de l'homme par l'homme) mà ta đã thấy trước đây.

(*) Lối giáo-dục mới (éducation nouvelle) của Tây-Phương ngày nay đã bắt đầu áp-dụng phương-pháp tiêu-cực này : vi vô-vi nhi vô bất-vi.

(為無為而無不為)

Tóm lại, bậc trị nước, cần phải để ý đến hai điều này :

1') Làm làm sao cho người người trong thiên-hạ đều được tự-do sống được trong cái sống của mình (各生其生) ; hay là nói một cách khác « làm cho sống lại nơi lòng mỗi người cái sống thiêng-liêng và trường-cửu » của họ. (欲同乎德而心居矣). (tiêu-cực).

2') Bài-trừ hoặc phòng-ngừa cho thiên-hạ, những gì trở-ngại, hoặc có hại đến cái sống tự-nhiên của họ (去其害焉而已矣) (tích-cực) (*).

Ba mươi hai thiên của sách Trang-Tử, tuy nghĩa lý sâu rộng, nhưng chỉ có sáu thiên đầu này là bao quát được cả thấy mấy thiên khác trong Ngoại và Tập-thiên, dùng để diễn-đạt cái đại-nghĩa của những thiên mà ta đã thấy trên đây.

Tiêu-Diêu-Du bàn về tự-do tuyệt-đối ; *Tề-Vật-Luận* nói về bình-đẳng tuyệt-đối.

(*) *Thiên Tại-Hựu* nói : « Nghe phòng giữ thiên-hạ, không từng nghe có chuyện trị thiên-hạ... Phòng, nghĩa là sợ thiên-hạ đắm-đuối mà mất Tánh ; giữ, nghĩa là sợ thiên-hạ dòi-dõi mà mất Đức ».

Hai thiên này là nền-tảng của toàn thể học-thuyết Trang-Tử. Bao nhiêu thiên khác trong Nội-thiên lại cũng đều là những ý-tưởng phụ, dùng để diễn-đạt cái đại-nghĩa của hai thiên ấy mà thôi.

Tóm lại, học-thuyết Trang-Tử có thể gồm trong mấy yếu-diểm sau đây :

Đạo là một cái Toàn-thể Nhất-Nguyên. Cái lớn bao nhiêu cũng ở trong Nó, mà nhỏ bao nhiêu cũng chứa đủ Nó bên trong.

Đừng xem thường cái thế-giới hữu-hình : vì vật-chất và tinh-thần tựu trung là Một. Hễ chưa đạt đến cái trung-tâm-diểm của mọi sự mọi vật, tức là chỗ Hoàn-Trung của mọi lẽ mâu-thuẫn, của mọi chân lý tương-quan vận-vật, thì cái Đạo nơi ta chưa thể thực-hiện được. Mỗi vật đều có cái giá trị riêng của nó, không có gì cao trọng hơn cái gì, nghĩa là giá trị của mọi vật đều bằng nhau. Lòng tham dục đèo-bồng theo ngoại vật, nhân đó sẽ tiêu tan tất cả.

Rồi, mở rộng tâm hồn, bao trùm vũ-trụ, nhìn vạn vật bằng cặp mắt tổng-quan, thấy sự chằng-chịt dính-liu của mọi cặp mâu-thuẫn trong đời, nghĩa là thấy được sự không thể chia-lia của những gì mà người đời thấy không thể nào hòa-hợp đặng. Mọi sự tranh-chấp

nơi lòng sẽ tiêu-tan, mọi sự tranh chấp nơi ngoài cũng sẽ hết làm cho lòng mình thắc-mắc nữa. « *Mình cảm thấy mình là người có thể có ích cho đời, nhưng không phải là người nhu-thiết cho đời* ». Muốn đạt đến Chân-lý Tuyệt-đối, tức là Đạo thì phải lo cổi bỏ cái học nhị-nguyên và trục-vật. Càng bớt náo-động chừng nào, càng lại được thành-công chừng nấy. Chân-lý này mà được thành-thực nhìn-nhận và đem ra thực-hành dễ khiến cho lòng được thư-thái nhẹ-nhàng, Tự-Do Giải-thoát.

* * *

THẾ NÀO LÀ CHÂN-NHƠN ?

Chân-nhơn là danh-từ mà Trang-Tử dùng để cụ-thể-hóa người đã được Đạo, và sống theo Đạo, tức là con người Giải thoát. Như vậy, làm cách nào để nhận thấy rõ được họ ?

* * *

1. *Điểm thứ nhất* : Chân-Nhơn là hạng người « vô-kỷ, vô-công và vô-danh », mà hành động là Vô-Vi.

« *Chí-Nhơn vô-kỷ* », tức là hạng người đã tiêu-diệt được cái Bản-Ngã của mình rồi. Ở thiên *Tề-Vật*, Nam-Quách Tử-Kỳ bảo với Nhan-Thành Tử-Du : « *Ta nay đã mất bản-ngã rồi..* » Sở-dĩ họ đã không còn thấy có mình, là vì họ đã không còn thấy có người, nghĩa là họ đã thực hiện được sự huyền-đồng cùng tạo

vật, đã vượt khỏi nhân-kiến nhị-nguyên, và dứt được tư-tâm, tư-dục. Họ đã là bậc *chí-nhân* (至仁) — (*).

Đã « vô-kỷ » thì tự-nhiên « vô-công » ; nghĩa là không nghĩ đến công mình. Không nghĩ đến công mình, tức là chỗ mà Lão-Tử bảo : « sinh nhi bất-hữu, vi nhi bất-thị, công thành nhi phất-cư », nghĩa là giúp cho Vạn-Vật sống mà không chiếm làm của riêng, giúp đời mà không khoa-trương và thành-công rồi thì để lại đó cho thiên hạ hưởng, còn mình thì lui về trong bóng tối, không thụ-hưởng ; cũng không muốn cho ai biết rõ được tên tuổi của mình (1).

Ở thiên *Thiên-Vận* có nói : « Vong thân dĩ, sử thân vong ngã nan. Sử thân vong ngã dĩ, kiêm vong thiên-hạ nan. Kiêm vong thiên-hạ dĩ, sử thiên-hạ kiêm

(*) Xem bài *Chí-Nhân* (trong *TRANG-TỬ NAM-HOÀ-KINH*). Bản dịch của *Thu-Giang*, (trang 541).

(1) Câu chuyện Sào-Phủ Hứa-Do, một phần nào đã diễn tả được cái nghĩa thâm sâu của câu « Kỳ bất dục kiến hiên » của Lão-Tử (không để cho ai thấy được cái tài hiên của mình.)

Hứa-Do rửa tai, vì không muốn nghe lời nói của Vua Nghiêu cầu ông ra cầm quyền thiên-hạ... Sào-Phủ cười bảo : « Anh đã làm gì đến nỗi Nghiêu biết anh là người hiền trong thiên-hạ để đón anh ra làm Vua ? »

Hứa-Do là bậc cao-sĩ trong thiên-hạ, thế mà còn bị Sào-Phủ chế là chưa biết « làm cho thiên-hạ quên mình », nghĩa là còn để cho thiên-hạ biết được cái tài hiên của mình.

(xem tiếp trang sau)

vong ngã nan (...) Lợi trạch thi ư vạn-thế, thiên-hạ mạc tri dã » (Quên kẻ thân yêu của mình cũng còn dễ, khiến kẻ thân yêu của mình quên mình đi mới khó. Khiến kẻ thân yêu của mình quên mình còn dễ, quên luôn cả thiên-hạ mới khó. Quên luôn cả thiên-hạ còn dễ, mà khiến cho cả thiên-hạ đều quên mình đi mới còn khó hơn nữa (...) ... ân-huệ nhuần-thấm khắp mọi người đến muôn đời mà thiên-hạ chẳng ai hay...) (2)

« Quên kẻ thân yêu của mình » cũng như « quên cả thiên-hạ » tức là người « vô-kỷ ». « Khiến kẻ thân yêu của mình quên mình đi » cũng như khiến cho cả thiên-hạ quên mình đi tức là kẻ « vô-công » và « vô-danh », nghĩa là làm lợi cho tất cả mọi người trong thiên-hạ một cách khéo-léo và kín-đáo đến nỗi thiên-hạ không một ai hay biết mà nhớ đến công-lao và tên-tuổi của mình.

Đây là cái hạnh cao nhất của những bậc Chân-Nhon ngày xưa. Và phải chăng đây là chỗ phân-biệt bậc Chân-Nhon với người nhân-thế : người đời thì chỉ nơm nớp lo sợ có một điều là thiên-hạ không ai biết đến tên-tuổi của họ, và dường như mục-dích duy-nhất của đời họ là cốt làm sao « lưu danh ư hậu thế » bất cứ bằng phương-tiện nào :

Hễ có thân thì phải có danh,

Thân đã có ắt danh ắt phải có (Nguyễn-Công-Trứ).

(2) Xem *TRANG-TỬ NAM-HOÀ-KINH* (bản dịch của *Thu-Giang* — trang 545, 546 —)

Chính đây là điểm cần phải được đặc-biệt lưu-ý : Phần đông xưa nay đã hiểu rất sai-lầm rằng Chân-Nhơn là người xa-lánh cuộc đời để tìm thú an-nhàn dật-lạc, không thiết gì đến nuân-tâm thế-sự nữa, nghĩa là kẻ đã xuất-thế hay là người yếm-thế.

Thật sự, không thiết gì đến việc đời là không thiết gì đến vấn-đề Thị Phi, Vinh Nhục của thế-nhân, chứ đâu phải là lia hẵn với đời sống của thiên-hạ... Danh-từ « mai danh ần tích » mà người ta đã gán cho Chân-Nhơn với cái nghĩa là yếm-thế, ích-ký và lười biếng thật là hết sức sai-lầm. Sao có thể gọi bậc Chân-Nhơn là người yếm-thế trong khi họ là người đã huyền-đồng cùng tạo-vật, không còn thấy có Nội có Ngoại nữa ? « Mai danh ần tích » tức là chôn tên-tuổi giấu tông-tích của mình, sau khi đã lo giúp đời một cách hết sức đắc lực và sâu rộng : « lợi trạch thí ư vạn thế » (ban ân trạch khắp mọi người đến muôn đời), nhưng có điều, họ là người « vi nhi bất thị, công thành nhi bất xử, kỳ bất dục kiến hiên » (*) mà thôi, nghĩa là họ sở-di « ần tích mai danh » là vì « công thành nhi bất xử » (xong việc rồi, không để lại tên) — Như vậy, « mai danh ần tích » của người tìm Đạo, có hai trường-hợp :

(*) (Làm mà không khoa trương ; công thành rồi không ở lại ; không muốn ai thấy cái tài hiên của mình).

1) Giai-đoạn « tâm-trai » để thực-hiện cái Đạo nơi mình : giai-đoạn này rất cần đến sự lặng-lẽ và sống trong cô-tịch để cầu tự-giác (2). Có « tự-giác » rồi mới « giác-tha ».

2) Giai-đoạn « công thành bất danh hữu » (xong việc rồi không để lại tên) nghĩa là giai-đoạn « sử thiên-hạ kiêm vong ngã » (khiến thiên-hạ đều quên mình đi) để chứng cái lòng vô-tư-lợi (« vi nhi bất thị » 爲而不恃) của mình — Đó là « vô-công » và « vô-danh » — Và mới thật là giai-đoạn khó-khăn nhất, giai-đoạn « kỳ bất dục kiến hiên ».

Ta có thể nói, với ba đặc-điểm nói trên « vô-ký », « vô-công » và « vô-danh », là đã gồm-nắm tất-cả cái hạnh của Chân-Nhơn rồi. Những đặc-điểm kể ra sau

(2) Xem Trang-Tử NAM-HOÀ-KINH (bản dịch của Thu-Giang — trang 83 đến trang 93 —)

Và đọc lại LÃO-TỬ TINH-HOÀ (cùng một tác giả) trang 126, 127, 128 và 129 — « Thanh-tĩnh Vô-Vi là điều-kiện cần-thiết để phục-hồi Khí-Dương và cũng là để nuôi Khí-Dương sắp sửa phát-hủy dương-lực, chứ không phải ăn-dật để mà hưởng thú an-nhàn dật-lạc trong sự lười biếng ích-ký — Trong Trời Đất, bất-cứ một cuộc biến-động lớn-lao nào đều đi sau một sự cực-kỳ yên-lặng — Các bậc vĩ-nhân trước khi khởi công làm một đại-sự gì, luôn luôn lần trốn một thời-gian trong cô-tịch — Đó là yên-lặng để nuôi Khí-Dương như Thích-Ca, Jésus... chẳng hạn » — (trang 129).

đây cũng đều do đó mà ra cả. Và có lẽ vì thế mà những công-trình vĩ-đại về văn-hóa của những bậc vĩ-nhân Đông-Phương ngày xưa đã để lại cho đời, phần nhiều đều là « vô-danh », thật rất khác xa với cái hạnh của người đời nay, bao giờ cũng thích đánh trống thổi kèn, chỉ nơm-nớp lo-sợ không ai biết đến cái tên-tuổi nhỏ bé của mình. Ta cũng nên để ý đến danh-từ xuất-thế mà người sau thường gán cho bậc Chân-Nhơn. Nếu hiểu rằng xuất-thế là kẻ không màng đến thế-sự, xa-lánh người đời... đó là hiểu sai, vì xuất-thế theo nghĩa này không đúng, đối với Chân-Nhơn, như ta đã thấy bàn đến trên đây. Nhưng nếu hiểu rằng xuất-thế có nghĩa là sự hiểu biết cũng như lối nhìn đời của Chân-Nhơn vượt lên trên sự nhận-thức theo nhị-nguyên của thế-nhân, thì đó là hiểu đúng, vì nhất-định nhận-thức của Chân-Nhơn khác với thế-nhân rất xa vậy.

* * *

II.— *Điểm thứ hai* : « *Chí-nhơn vô-kỳ, thần nhơn vô công, thánh-nhơn vô danh* » đó là ba đặc-điểm trong cái hạnh của những bậc Chân-Nhơn. Do đấy, đối với những biến-cổ bất-thường, nên hư, đặc biệt trong đời, sẽ không bao giờ làm động đến lòng họ được. Cho đến vấn-đề Sống Chết cũng không làm động lòng họ

được nữa : « *Bậc Chân-Nhơn ngày xưa, không ưa sống, không ghét chết, lúc ra không hăm-hở, lúc vào không do-dự, thần-nhiên mà đi ; không quên lúc bắt đầu, không cầu lúc sau chót. Nhận-lãnh thì vui với đó, mà quên đi khi phải trở về (...)* Nhờ được thế mà lòng họ luôn-luôn vững-vàng, cử-chỉ điềm-đạm gương mặt luôn-luôn bình-thản... » (Đại-Tông-Sư).

Sự thần-nhiên, điềm-đạm đối với mọi biến-cổ nhỏ lớn trong đời, sách Trang-Tử đã có ví người được Đạo giống như người say rượu té xe : « *Người say rượu té xe, tuy mang tật mà không chết. Gân cốt họ thì giống với mọi người, mà bị hại thì sao lại khác với người ? Là vì nó giữ được cái thần của nó. Lên xe cũng không biết, té xe cũng không hay : tử, sinh, kinh, cụ, không sao vào được cõi lòng* » (*)

Một nơi khác, lại ví người đắc Đạo (bậc Chân-Nhơn) như « *con gà đá lỏ* ».

Kỳ-Tĩnh-Tử lãnh phần tập gà đá cho Vua.

Được mười ngày, hỏi thăm, đã xong chưa ?

Đáp : Chưa ! Hãy còn kiêu khí.

Mười ngày nữa, lại hỏi thăm.

(*) Xem bài này trong NAM-HOÀ-KINH (bản dịch của Thu-Giang) trang 579... nhất là bài bình-chủ, trang 583.

Đáp : Chưa ! Còn đáp lại với vang, với bóng.

Mười ngày nữa, lại hỏi thăm.

Đáp : Chưa ! Mắt nhìn còn hững và khí còn thịnh lắm !

Mười ngày nữa, lại hỏi thăm.

Đáp : Sắp được rồi ! Nghe tiếng gà khóc mà lòng nó không chao-động : Nhìn nó như một con gà bả + gỗ. Đức của nó toàn rồi ! Gà lạ không con nào dám đi lại với nó trông nó là quay đầu chạy mất rồi ! » (Đạt-Sinh).

Tóm lại, đức Diêm-Đạm là đức đầu-tiên mà ta có thể nhìn ra được kẻ nào là bậc Chân-Nhơn : họ là bậc « chí-dũng » : « tri cùng chí hữu Mạng tri thông chí hữu thời, lâm đại nhi bất cự giả, Thánh-Nhơn chí-dũng dã ». (Biết cùng thông là Mạng, là Thời, lâm nạn lớn mà không biết kinh sợ, đó là cái Dũng của bậc Thánh-Nhơn vậy) (Thu-Thủy). (*)

Một cách bóng-dáng, ở thiên Đại-Tông-Sư, Trang Tử nói : « Bậc Chân-Nhơn ngày xưa... mắt không tiếc, được không mừng ; lên cao không biết sợ, xuống nước không bị ướt, vào lửa không bị cháy. Là vì cái biết của họ đã lên đến Đạo rồi ! » Ở thiên Tề-Vật-Luận, cũng có nói :

(*) Xem quyển « CẢI DƯNG CỦA THÁNH-NHÂN » (cùng một tác-giả), trang 10... Tu có thể nói : cái đặc-tính đầu tiên của các bậc Chân-Nhơn là tính diêm-đạm và diêm-đạm chí-cực.

« Chí-Nhơn là bậc Thần : chăm lớn cháy, không thể làm cho đó nóng ; sông Hà sông Hán đặc mà không thể làm cho đó lạnh ; sét đánh vỡ núi, gió dậy biển cả cũng không làm cho đó sợ. Người như thế thì theo hơi mây, cỡi mặt trời mặt trăng mà rong chơi ngoài bốn biển, chết sống còn không làm cho người họ điên-đảo, phương chi là mối lợi-hại ? » Đó đều là nghĩa bóng, chỉ sự diêm-đạm chí-cực nghĩa là không còn để cho bất-cứ thứ ngoại-vật nào động đến lòng mình được nữa.

..

III. — Diêm thứ ba : bậc Chân-Nhơn sống rất tự-nhiên, hành-động hết sức thành-thật, không chút gì dối-giả. Không cầu danh, nên cũng không cầu thân, bất-cứ dưới hình-thức nào. Bởi vậy, họ không bao giờ tìm cách mua chuộc thiện cảm của ai cả. (*) Họ cũng không thích khen, sợ chê, cho nên rất xem thường dư-luận con người. Không có một quyền-uy nào bắt họ phải không được sống thành-thật với lòng mình : họ không biết sợ cái gì cả.

Và vì vậy, họ không có mặc-cảm gì hết. Bởi thế ở thiên Đại-Tông-Sư mới nói : « Cờ nhi Chân-Nhơn, kỳ

(*) Đại-Tông-Sư có viết : « Kẻ nào còn thích trong việc cầu thân và tìm thông-cảm với người đời, kẻ ấy chẳng phải là bậc Thánh ».

tâm bất mộng, nghĩa là « bậc Chân-Nhơn ngày xưa, ngủ không mộng-mị ». Khoa Phân-Tâm-Học (1) ngày nay không nói khác hơn : ngủ mà nhiều mộng-mị, là vì đời sống hằng ngày bị nhiều cảm-ký của xã-hội, của văn-minh... mà bị dồn-ép vào tiềm-thức. Lại nữa mộng-mị cũng là những hiện-tượng dồn-ép của nhiều thèm-khát mà trong thực-tế không sao thực-hiện được. Người Chân-Nhơn giải-thoát là người đã nhận-chấn được cái sống thật của mình, cái sống đồng với Trời Đất vô-thuỷ vô-chung, tự-sinh tự-hóa... cho nên không còn cái bụng đói bụng tham-muốn những gì ngoài Tánh Phận của mình nữa. Và nhờ vậy mà tuyệt được lòng tham-dục. Bởi vậy, không tự-tôn mà cũng chẳng tự-tỉ, cũng không bao giờ có mặc-cảm tội-lỗi gì cả, vì tâm-hồn họ đã thoát khỏi những gọng-kìm của luân-lý, xã-hội, tôn-giáo, học-thuyết... (2) một cách rất sáng-suốt.

Tuy vậy, bậc Chân-Nhơn không phải vì đó mà ra vẻ cao-kỳ, bất-chấp mọi phong-tục, tập-quán của xã-hội chung quanh. Thiên Đại-Tông-Sư có viết : « Mạnh-Tôn-Tài, mệ chết, mà không có nước mắt. Trong

(1) *Psychanalyse*.

(2) Xem quyển LÃO-TỬ TINH-HOÀ (cùng một tác-giả) các trang 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 111 (chương bản riêng về chữ Tự-Nhiên) và trang 221, 223.

lòng không xót-xa, để tang mà không tỏ ra bi-thảm. Không có ba điều ấy, vậy mà được tiếng là người khéo để tang nhất ở nước Lỗ. Anh ta vốn chẳng có cái thực bên trong, mà sao lại được danh như thế?... Trọng-Ni nói : « Ông Mạnh-Tôn đã hiểu đến chỗ tận-cùng rồi, đã tiến đến bậc Trí rồi ! Ông không bỏ cái mà người đời không bỏ được, nhưng ông bỏ được những tình-cảm bên trong của người đời. Đối với ông, sống chết là Một, ông cũng không phân-biệt giữa hai trạng-thái ấy cái nào là trước, cái nào là sau (...) Ông Mạnh-Tôn chỉ biết rằng người khóc thì mình cũng khóc, nhưng trong lòng thì không khóc (Như vậy vừa không động đến thể-nhân, mà cũng vừa được thành-thực với cõi lòng). (*) Cho nên mới nói : bề ngoài của họ thì có vẻ hòa-nhã với mọi người, mà kỳ-thực, lòng họ cách xa với thể-nhân. « Hình-phạt, theo họ là cần, nhưng họ áp dụng hình-phạt một cách khoan hậu. Lẽ, theo họ, là phụ-thuộc, chỉ dùng để dừng đặng-chạm với đời. Họ thuận theo thời (...) « Và như vậy, Trời và Người (nơi họ) không nghịch nhau », nghĩa là họ đã giải-quyết được sự xung-đột giữa Cá-Nhơn và xã-hội, giữa Tự-Nhiên và Xã-Uớc, giữa Tự-Do và Nô-Lệ. Đó là cách xử-thế « triêu tam mộ tứ » mà trước đây Trang-Tử gọi là « lưỡng-hành » ở thiên Tề-Vật-Luận.

(*) Đọc thêm : TRANG-TỬ NAM-HOÀ-KINH (bản dịch của Thu-Giang) trang 383, 404, 405.

Tóm lại, bậc Chân-Nhơn bên ngoài không có gì khác với người đời, chỉ có bên trong là kẻ có một tâm-hồn lảng-lãng và điểu-n-đạm đối với tất cả mọi biến-cổ trong đời : chẳng không vui, mất không buồn, có cũng như không, không cũng như có... « Đối với họ, ưa ghét là Một, nghĩa là họ không yêu ai mà cũng chẳng ghét ai : họ xem cả thấy là Một như Trời, nhưng cũng biết phân-biệt những gì bị phân-chia giả-tạo như Người » (*). Tuy vậy, họ không phải vì thế mà trở thành một kẻ vô-tình "đối với nhân-tâm thế-sự" : « Họ không lấy cái tình Người mà chống lại lẽ Trời nơi họ, không lấy cái « Người » nơi mình mà chống lại với « lẽ Trời » nơi mình. Như thế mới gọi là Chân-Nhơn (...) Họ lạnh như mùa thu mà ấm như mùa xuân : mừng giận như bốn mùa, nên « ứng vạn-vật hợp-nhau, không biết đến đân là cùng (...) họ làm lợi và ban-bố ân-trạch đến muôn đời mà không phải vì yêu người. »

..

4. — *Điểm thứ tư* : Chân-Nhơn là kẻ hết sức tự-do, nghĩa là người không thể tự nhốt mình trong một hệ-thống luân-lý, đạo-đức, tôn-giáo hay chế-độ chính-trị nào cả. Nhất định không thể là "người của một hội đảng văn-hóa hay chánh-trị nào. Là vì Đạo

(*) Họ có được cái nhãn-quang « vừa có cái nhìn tổng-quát, vừa có cái nhìn phân-tích », nghĩa là họ thấy được chỗ chia-phân của sự vật, cũng như chỗ hợp-nhất của sự vật. Nói một cách khác : họ rất rành về cái lẽ thị phi, nhưng lại còn biết vượt lên trên thị phi mà xét-đoán.

không thể chứa-đựng trong một hình-thức cố-định nào cả, mà phải luôn luôn biến-chuyển, và con người đã nhập vào luồng sóng của Đạo, không thể bị hạn-chế trong một hệ-thống tư-tưởng nào cả.

Thiên Đại-Tông-Sư viết : « Bậc Chân-Nhơn ngày xưa, thấy như là người có nghĩa, mà không có bè-dân... Kẻ có nghĩa, tức là kẻ trung-thành, thủy-chung như nhứt đối với một người nào, đối với một chủ-tướng nào.

Cái học của Trang-Tử, cũng như của Lão-Tử là "cái học chuyên về cái học « phản bản hoàn nguyên » tức là trở về-Nguồn-gốc của cái Sống-Một, mà hiện-tượng của Nó là « luôn luôn biến-động », một sự động và biến không ngừng : hễ tĩnh cực, thì động sinh, động cực, thì tĩnh sinh. Cái động này phải là cái động của Chân-Thể, chứ không phải là cái động của Bản-Ngã. Bởi vậy, mỗi thành-kiến, mỗi thói-quen, mỗi tập-tục dù là tốt đẹp đến đâu, đều chỉ là một sự hạn-chế, một cái dừng lại, một cái « ao-tù » của « dòng sông » Chân-Thể. Vì vậy, trở ngại lớn-lao nhất trên con đường giác-ngộ và giải-thoát là tập-quán tư-tưởng, tức là lối suy-nghĩ hay phê-phán theo một khuôn-khổ hệ-thống nào. Có cái vừa thấy là Nhân, lại biến thành Bất-Nhân, có cái vừa thấy là Thị, lại biến thành Phi (...) Thế nên, cái học của Lão Trang là một cái học không học-thuyết, một giáo-lý không có giáo-điều nào cả (...) Thói-quen, bất cứ là một thứ thói-quen nào về tư-tưởng hay tình-

cảm. đều là triệu-chứng của một sự ngưng-dộng, của một sự chết : « *nhơn chi sinh dã nhu-nhược, kỳ tử giả kiên-cường* » (*) Cho nên « những thói-quen và tư-tưởng (như những giáo-lý này, giáo-lý nọ, những hệ-thống tư-tưởng hay luân-lý, những tín-điều của tôn-giáo này, tôn-giáo nọ, v.v..) đều là những trở-ngại to-tát cho những tâm-hồn giải-thoát. Bởi vậy, đặc-điểm của bậc Chân-Nhơn là Tự-Do, không theo một bè-đảng nào cả, cũng không suy-tôn một lý-tưởng cao quý nào để làm phương-châm duy-nhất cho đời sống tinh-thần của mình cả.

Tuy nhiên, nói thế không có nghĩa là bậc Chân-Nhơn là kẻ sống không nguyên-tắc gì cả, sống lãnh mạn vô cương-kỷ... « *Họ khuôn thước mà không cứng rắn... họ kín-kẻ như có vẻ vui-sướng. nhưng tâm-hồn bình-thản (...)* Bên ngoài thì có vẻ hòa-nhĩ với mọi người mà kỳ thực, lòng họ cách xa với thế-nhân... Họ thích sống một mình, không nói gì với ai, như quên cả lời nói. Hình phạt, theo họ, là cần, nhưng họ áp-dụng hình-phạt một cách khoan-hậu. Lễ, theo họ, là phụ-thuộc. Chỉ dằn dẽ dằn dẹt chạm với đời thôi. Họ thuận theo thời, theo việc. Đối với họ, ưa ghét là Một, nghĩa là họ không yêu riêng ai mà cũng không ghét riêng ai ; họ xem cả thấy là

(*) LÃO-TỬ TINH-HOÀ (càng một tác giả) trang 229 230. Hễ nói đến thói-quen, tức là nói đến sự nô-lệ, và đạo-máy-móc, bất-dộng, và chết-chóc.

Một... nhưng cũng biết phân-biệt những gì bị chia phân giả-tạo như Người (1). Và như thế Trời và Người (nơi họ) không nghịch nhau. Bởi vậy, mới gọi họ là Chân-Nhơn ». (ĐẠI-TÔNG-SU).

Như vậy, nhất-định bậc Chân-Nhơn sẽ là người không bao giờ « tử vì đạo » cho bất-cứ một chủ-nghĩa nào cả, nghĩa là nhất-định họ sẽ là người không bè-đảng, không theo một tôn-giáo nào cả (2), vì họ không tin sẽ hoán-cải được ai, nếu người ấy chính họ không thành-thực chịu hoán-cải. Và, dù có hoán-cải, cũng không sao hoán-cải, bởi « *chân vệt thì ngắn, cổ mà nối dài, nó khở. Dò học thì dài, cổ mà làm cho nó*

(1) Họ vượt lên trên Tại Phi, Thiện Ác... chứ không phải không biết chỗ phân-biệt tạm-thời của Tại Phi, Thiện Ác...

(2) « Óc tôn-giáo », tư-trung, rất dễ biến thành « óc bè-đảng » và « suy-tôn » (« tôn-giáo độc-tôn »). Ngày nay, những « tôn-giáo tổ-chức » (religions organisées) bất-cứ là tôn-giáo nào cũng đều dễ sa vào con đường « độc-tôn » và « bè-đảng » nghĩa là chia-rẻ hơn là hợp-nhất, bởi một lẽ rất giản-dị này : ai ai cũng tin chỉ có mình là Phải. Vì vậy mới có xảy ra những việc « kỳ-thị tôn-giáo » một vết như rất thối-tha của thời đại ngày nay vậy.

Một triết-gia Tây-Phương có khuyên : « Muốn hiểu thật rõ một học-thuyết nào, điều-kiện đầu tiên là phải vào trong đó, và điều-kiện kế đó, là phải ra khỏi đó ». Bởi vậy, người làm Chân-Lý cũng thường trải qua hai giai-đoạn : nhập vào một hệ thống tư-tưởng nào, và sau cùng bỏ nó mà đi ra, nhất là không để cho mình bị một hệ-thống tư-tưởng nào hạn-chế sinh-hoạt tinh-thần mình cả...

ngắn, nó dài. Cho nên Tánh mà dài, không phải cái nên chết bất ; Tánh mà ngắn, không phải cái nên kéo dài, thì còn có chỗ gì phải đem-khỏi... ».

Thường những cái mà người đời mạng-danh là « hội », « đảng » thuộc về văn-hóa, đạo-đức... với mục-đích rất cao-cả là « lo cho đời » phải chăng đều cùng có một mục-tiêu chung là đem tất-cả mọi người trong thiên-hạ cùng về với mình, nghĩa là cùng vào trong một khuôn tư-tưởng hay tín-ngưỡng chung với mình ! Cùng với ta, là phải ; không cùng với ta là quấy. Cái Phải Quấy của người đời, phải chăng chỉ như thế mà thôi ư ?

Tại sao ta dám chắc chỉ có ta là Phải ? « Biết dân cái mà ta gọi là biết, lại chẳng phải là cái mà ta không biết ? Biết dân cái mà ta gọi là không biết lại chẳng phải là cái mà ta biết ? Và (...) người nằm trong chỗ ẩm thấp thì sanh ra đau lưng và tê liệt một bên mình ; con cá chạch thì có sao không ? Người ở trên cây run-rẩy sợ sệt ; còn loài khi vượn thì có sao không ? Ba loài ấy ai biết chỗ ở nào là chỗ ở chánh ? Con người thì ưa ăn thịt-thù ; hươu nai thì thích ăn cỏ non ; rết thì cho rắn con là ngon ; chim mèo chim cá thì nghiện ăn chuột bọ. Bốn loài ấy, ai biết vị ăn nào là chánh vị ? Vượn và khi, theo với nhau ; nai và hươu, cùng với nhau ; chạch và cá lội với nhau. Mao-Tường Lê-Cơ, người thấy thì cho là đẹp, mà cá thấy thì lặn sâu, chim thấy thì bay cao, hươu nai thấy thì chạy

dài. Bốn loài ấy, ai biết sắc đẹp nào là chánh sắc trong thiên-hạ ? » (Tề-Vật-Luận).

Bởi vậy bậc Chân - Nhơn, tự mình không theo một hội đảng nào cả, mà cũng không vì mục-đích lo đời, đem thiên-hạ về cùng một khuôn tư-tưởng với mình, nghĩa là « lập hội, lập hệ » — « lập bè, lập đảng »...

V.—Điểm thứ năm :

Hơn nữa, bậc Chân-Nhơn là người không sùng-bái một thần-tượng nào cả, dù thần-tượng ấy là những bậc vĩ - nhân khả kính như Lão - Tử, Thích - Ca hay Jésus... Người đời thường có thói sùng-bái và tôn-thờ một mẫu người mà họ cho là mẫu người lý-tưởng, nghĩa là có cái thói « xá kỷ thích nhơn » (bỏ mình mà chạy theo bắt chước kẻ khác) nhận thấy cái tận-thiện của kẻ khác mà không nhận thấy cái tận-thiện của mình nên mới có cái khuynh-hướng tôn-sùng cái tận - thiện của kẻ khác, và nhân đó tôn-giáo mới bành-trướng hết sức mạnh-mẽ bất-cứ ở thời buổi nào, bất-cứ ở gầm trời nào. Như trước đây đã nói : không có một cái Tận-thiện nào có thể đem làm cái Tận-thiện-mẫu cho tất-cả muôn loài. Mỗi vật đều có cái Tánh Phận riêng mà Tạo-Hóa đã an-bài, nên mỗi vật đều có cái Tận-thiện riêng của nó. Cái

tận-thiện của hột ngọc trai, không phải là cái tận-thiện-mẫu mà ngọc kim-cương hay ngọc-bích phải noi theo. Cái tận-thiện của hoa-hường không phải là cái tận-thiện mà các loài hoa khác phải noi theo. Trong một cơ-thể, cái phối tận-thiện không còn giống với cái tận-thiện của buồng gan hay lá - lách. Cái tận-thiện của mỗi vật đều bình-đẳng cả... « Mỗi vật mà được sống một cách tự-do hoàn-toàn theo cái Sống của mình, thực-hiện được triệt-đề cái Tánh Phận của mình thì cũng vẫn đáng quý đáng trọng cũng như muôn vạn vật khác không cùng một Tánh Phận như mình. Không ai có quyền nêu lên một cái Tận-thiện lý-tưởng nào để làm mẫu-mực cho người người đều phải noi theo cả ! » (1) Làm như thế, tức là chỗ mà Trang-Tử gọi là : « tìn sinh tồn tánh » ở thiên *Biên Mẫu*. (2) Con đường giải-thoát là trở về với Bản-Tánh « quy căn, phản phác », nghĩa là sống theo Bản-Tánh của mình, mà đừng mô-phỏng theo ai tất-cả : « Kẻ mà ta gọi là tìn tai, không phải là kẻ tìn tai nghe cái ngoài của họ đâu, mà là kẻ tìn tai biết nghe cái tiếng nói của lòng mình ! Kẻ mà ta gọi là sáng mắt, không phải là kẻ sáng mắt thấy rõ cái ở ngoài của họ đâu, mà là kẻ sáng mắt thấy rõ được cái bên trong tâm-hồn của họ... Phàm kẻ chẳng thấy được mình mà chỉ thấy cái

(1) Xem lại trước đây trang 69.

(2) Xem Trang-Tử NAM-HOÀ-KINH (Bản dịch của Thu-Giang — trang 645 — 635 —).

ngoài mình, chẳng « được » cái « đắc » của mình mà lại « được » cái « đắc » của kẻ khác. Đó là kẻ « được » cái « đắc » của người mà chẳng « được » cái « đắc » của mình (...) đều là kẻ chìm đắm, thiên lệch cả ».

Tóm lại, bậc Chân-Nhơn là kẻ đã đạt đến cảnh tiêu-diêu, (*) nghĩa là sống được cái sống theo Bản-Tánh mà không mô-phỏng theo một cái gương tận-mỹ nào khác ngoài Minh.

(*) Tiêu-diêu là tự-do. Tự-Do là sống được theo Tánh tự-nhiên, tức là theo Bản-Tánh của mình. Một hành-động được gọi là hành-động tự-do, khi nào trong hành-động ấy, ta biểu-lộ được cái Người thật và thâm-sâu của ta, theo ta, chứ không phải theo kẻ khác, theo một giáo-lý hay theo một mẫu người lý tưởng nào khác ta.

Con chim cuu nhỏ, và con chim Bằng cực-kỳ to lớn ở thiên Tiêu-Diêu-Du, nếu mỗi con vật đều biết « thích kỷ tự an », không đeo bóng tham muốn và bắt chước những vật khác mình, thì « tiêu-diêu » vẫn một. Quách Tử-Huyền nói : « Nếu biết đủ với Tánh-Phận của mình, thì tuy lớn như chim Bằng, cũng không tự cho là lớn và quý hơn chim nhỏ kia ; mà con chim nhỏ kia cũng không cho mình là nhỏ và hèn mà ham muốn bay đến Ao-Trời làm gì ! Nên chỉ nói đến cái Vinh của chim Bằng hay nói đến cái lòng thèm muốn của con chim nhỏ kia để kịp với chim Bằng đều là nói thừa cả. Lớn nhỏ tuy khác nhau về hình-thức nhưng nếu biết « thích kỷ tự an » thì tâm-trạng tiêu-diêu vẫn một » Trang-Tử NAM-HOÀ-KINH. Bản dịch của THU-GIANG (trang 150).

VI.— *Điền thứ sáu* : Bậc Chân-Nhơn là kẻ rất thích lặng-lẽ và không ưa biện-bác nhiều lời.

Thiền Đại-Tông-Sư có viết : « Bậc Chân-Nhơn thích sống một mình, không nói gì với ai, như quên cả lời nói ». Là tại sao ?

Họ thích sống một mình trong cô-tịch, là vì lòng họ xa-cách với thế-nhân về vấn đề thị-phi vinh-nhục. Người ta sở-dĩ ham nói, thường là vì để biểu-dương cái bản-ngã của mình. Thật vậy sở-dĩ thích biện-luận là để đề-cao cái lẽ Phải của mình, hoặc là vì tự-ty mặc cảm nên « *vui thích trong việc cầu thân và thông-cảm với người đời* »... Khi mà người ta đã nhận thấy rõ không có gì là Phải Quấy, Thiện-Ác, Vinh Nhục... nữa, hay nói cho đúng hơn, khi người ta đã được trên cả vấn-đề Thị-Phi, Thiện Ác, Vinh Nhục... thì cũng không còn có gì phải biện-bạch hay phải nói gì với ai nữa cả. Không thể thuyết-phục được ai cả, khi người ta chưa đến trình-độ giống mình : « *Đồng thính tương ứng, đồng khí tương cầu* ». Ở thiền Tề-Vật-Luận, Trang-Tử có viết : « *Nếu ta và người cùng tranh-biện : người thắng được ta, ta không thắng được người, vậy người hẳn đã là phải, mà ta hẳn đã là quấy chưa ? Nếu ta thắng được người, người không thắng được ta, vậy ta hẳn đã là phải, mà người hẳn đã là quấy chưa ? Hay là khi thì phải, khi thì quấy hay sao ? Hay là, cả hai chúng ta đều phải cả, hoặc cùng quấy cả hay sao ? Ta và người không thể biết được nhau, thì người người đành phải chịu*

tối tăm rồi ! Ta phải nhờ ai chánh lại việc ấy ? Nhờ kẻ đồng với người để chánh lại việc đó ư ? Nó đã đồng với người thì làm sao chánh được việc đó ? Cây người đồng với ta để chánh lại việc đó ư ? Nó đã đồng với ta thì làm sao chánh được việc đó ? Cây người khác với ta và khác với người, để chánh lại việc đó ư ? Nó đã khác với ta và khác với người, thì làm sao chánh được việc đó ? Cây người đồng với ta và đồng với người để chánh lại việc đó ư ? Nó đã đồng với ta và đồng với người thì làm sao chánh được việc đó ? Vậy thì, ta với người, cùng với người đó đều không thể biết nhau được, sao phải chờ người đó là gì ? »

Diệt được cái óc nhị-nguyên, diệt được tấm lòng hiểu-danh vị-ngã, là đã dứt được cái óc thích biện-bác và ham nghị-luận, ham truyền-bá và dụ-dẫn (*), thích làm cho đẹp lòng thiên-hạ bằng cách ru-ngủ lòng hiểu danh của họ : « *tín ngôn bất mỹ, mỹ ngôn bất tín ; thiện giả bất biện, biện giả bất thiện ; tri giả bất bác, bác giả bất tri* ».

(*) Nhà văn Tây-Phương Jean GRENIER cũng nhận thấy « *L'exposé d'une doctrine, si favorable soit-il à cette doctrine, ne signifie pas qu'elle soit adoptée. Les docteurs du Tao le souhaitaient-ils eux-mêmes ? Absolument pas, puisque l'apostolat était ce qui leur répugnait le plus* ». (Trình bày một giáo-lý nào, dù có thuận-lợi cho giáo-lý ấy bực nào, cũng không có nghĩa là mình mong nó được thừa-nhận. Các nhà Đạo-học có mong được như thế không ? Tuyệt-đối là không, vì sự truyền-giáo là điều mà họ ghét nhất).

PHỤ LỤC

I.— TRANG-TỬ VÀ LÃO-TỬ

Sử-gia đầu tiên của Trung-Hoa là TƯ - MÃ - THIÊN bàn về cái học của LÃO TRANG có viết : « Triết-lý của Trang-Tử khác với Lão-Tử, lại muốn siêu thoát khỏi vấn-đề nhân-gian thế-sự. Khi ông nói đến các vị vua đầu tiên của Nhà Hán, cho rằng các bậc ấy lấy « vô vi » mà trị nước là có ý muốn nói rằng các bậc trị nước ấy đã áp-dụng triết-lý chánh-trị của Lão-Tử. Chỉ đến cuối đời Nhà Hán (220 sau tây-lịch kỷ-nguyên) thì người ta mới bắt đầu đề-ý đến Huyền-học, bấy giờ sách của Lão-Tử cũng được người ta dùng cái học của Trang-Tử mà giải-thích. Như vậy, ta thấy rằng, tuy khởi-thủy hầu như lập-trường triết-lý của hai nhà đứng riêng nhau, nhưng vẫn có sự liên-hệ với nhau luôn ».

Trong thời-kỳ tiền Hán (206 trước T. L. kỷ-nguyên (tu-tướng của Lão-Tử được truyền-bá, chỉ có tu-tướng của Trang-Tử thì mãi đến thời Hậu-Hán (từ 25 đến 220 sau T.L. kỷ-nguyên) mới được nói đến và phổ-biến. Bởi vậy, buổi đầu Nhà Hán, danh-từ *Hoàng-Lão* được xưng-tụng và phổ-thông, chỉ đến cuối đời Nhà Hán mới đổi ra thành danh-từ *Lão-Trang*. Nên chỉ các học-giả đời Nhà Hán khi nói đến Lão-học là chỉ nghĩ đến Lão - Tử mà thôi, nghĩa là chỉ quan-tâm đến vấn-đề đối-phó với thời-cuộc. Thật vậy *Đạo-Đức-Kinh* là quyển sách gối đầu giường của những nhà Chính-trị mong dùng cái đạo « Vô-vi » mà trị nước, chống lại với cái đạo trị nước bằng « hữu-vi », nghĩa là ham can-thiệp đến việc người đến đời không còn để cho một cá-nhân nào có được một hành-động nào tự-do và trách-nhiệm nữa cả, tức là những chế-độ độc-tài độc-đảng mà quyền-hành tập-trung vào một nhóm thiểu-số hay một người, bất-cứ dưới hình-thức nào.

Sách Trang-Tử, tuy không phải tuyệt-nhiên không bàn đến vấn-đề trị-nước (vì thực ra ông cũng đã dành một chương để bàn về Chính-Trị, tức là thiên *Ứng-Đế-Vương*), nhưng thực-sự lại nặng về phần giải-thoát cá-nhân hơn và bảo-toàn Thiên-Chân trước hết.

Nhà văn Jean GRENIER, trong quyển *Entretiens sur le Bon Usage de la Liberté*, cũng cùng nhận-xét như trên : « Si nous comparons le « Lao-Tze » au « Tchoang-

Tseu », nous verrons une différence plus grande qu'on ne l'a signalée jusqu'ici. Lao-Tseu participe au mouvement général de ses contemporains (Confucius, Mo-Tseu etc) pour le salut du peuple, alors que chez Tchoang-Tseu il n'est question que du salut personnel. Lao-Tseu semble donc avoir écrit son « Tao-Te-King » à l'intention non de ses disciples mais des princes et des politiciens. Quand nous lisons le « Tao-Te-King », nous sommes nécessairement frappés par son insistance sur l'art de gouverner et sa révolte contre la politique du Wei (faire), c'est-à-dire de l'intervention constante dans les affaires du peuple ». (*)

(Nếu ta so-sánh sách « Lão-Tử » với sách « Trang-Tử » ta sẽ thấy khác nhau rất xa mà từ trước đến giờ chưa ai nêu rõ lên. Lão-Tử tham-gia vào phong-trào chung của các người đồng-thời (như Khổng Mặc, v.v...) với mục-đích là cứu-dân, trong khi đó Trang-Tử chỉ quan-tâm đến vấn-đề cứu chữa lấy mình làm gốc mà thôi. Dường như Lão-Tử viết *Đạo-Đức-Kinh* là để cho các vị Vua Chúa đương-vị và các nhà làm Chính-trị, chứ không phải viết cho các đệ-tử của ông. Đọc quyển *ĐẠO - ĐỨC - KINH* ta thấy rõ ông thường nhấn-mạnh về phương trị-nước và luôn luôn chống-đối chánh-sách hữu-vi, thường hay can-thiệp đến việc của nhân-dân).

Như vậy, ta thấy rằng cái học của Trang-Tử là để cho tất-cả mọi người trong xã-hội, bất-cứ là người

(*) *Entretiens sur le Bon Usage de la Liberté*. (p. 160) Paris, Gallimard — 1948 —

dân hay kẻ cầm-quyền trị nước, còn cái học của Lão-Tử là dành riêng cho những ai có sứ-mạng diu-dắt quần-chúng hay cầm-quyền thiên hạ.

Trang-Tử, với cái thuyết Tiêu-Diêu của ông, lại còn đi xa hơn nữa ở chỗ không mấy thiết-tha đến việc cứu-rỗi thiên-hạ. Là vì ông không tin nơi sự cứu đời, bởi một lẽ rất giản-dị là không ai giải-thoát được mình cả ngoài mình, và nếu mỗi người đều biết lo cho mình được « vô-kỷ, vô-công, vô-danh » thì đâu cần ai phải lo cải tạo ai, mà việc đời sẽ tự-nhiên không còn rắc rối nữa. Vấn-đề xã-hội, vì vậy đối với ông, thực ra chỉ còn là một vấn-đề cá-nhân. Nếu thiên-hạ mà có thể dạy được và hoán-cải được theo ý mình thì cha đã dạy được con, anh đã dạy được em, chồng đã dạy được vợ, thầy đã dạy được trò... đã từ lâu rồi, còn đâu đến nay ta phải còn bận tâm sửa dạy nữa. Ông bảo : « Chân vịt thu ngắn, cổ mà nổi dài, nó khổ. Dò hạc thì dài, cổ mà làm cho nó ngắn, nó đau. Cho nên Tánh mà dài, không phải cái nên chặt bớt, Tánh mà ngắn, không phải cái nên kéo dài : thì còn chỗ nào phải đau khổ nữa... » Cái mà thiên-hạ thường gọi là thương người và giúp đời, phải chăng, tựu-trung đều có cái ý đem tất-cả người đời đều cùng theo về một quan-niệm tư-tưởng hay tình-cảm như ta, và phải chăng trong thâm-tâm ai ai cũng tin rằng : « đời ực cả, một mình ta trong ; đời say cả, một mình ta tỉnh ». Ở thiên Thiên-Địa có nói rõ điều ấy : Ôi ! hạnh thật mê, suốt

đời không tỉnh. Hạnh thật ngu, suốt đời không khôn. Ba người cùng đi, mà có một người mê, thì chỗ mình định nói đến, còn có thể mong đạt tới được, là vì kẻ mê ít mà người tỉnh nhiều. Nếu ba người cùng đi mà có tới hai người mê, thì chỗ mình định nói đến không thể mong đạt tới được, là vì người mê nhiều mà người tỉnh ít. Nay, cả thiên hạ đều mê, ta dù có muốn chỉ đường cũng không thể được. Chẳng cũng xót xa lắm sao ! Tiếng hát hay, không sao lọt được vào tai bọn dân quê : hát lưu-lo bầy-bạ vậy thôi mà chúng náo-nức vui mừng ! Thế nên, lời nói cao, không thể vào được nơi lòng thế-nhơn. Lời « hay » không thể nói ra được, là vì lời « thô » rất nhiều, và đầy-lấp cả thiên-hạ và đã được thế-lực của bè-dã ủng-hộ phụ-hợp. Lấy hai cái chình bằng đất đánh to lên, thì nó lấp cả tiếng chuông đồng, vậy cái chỗ mà mình định nói đến, làm sao đạt tới được ? Biết là sự chẳng có thể được, mà gượng làm, đó lại còn mê hơn thiên-hạ nữa. Cho nên, thả là bỏ đi, mà chẳng suy cầu đến làm gì còn hơn... »

Hễ đồng thì ứng, không, đồng không ứng, chứ thực-sự không ai có thể dạy được ai cả. Ở Tề-Vật-Luận, Trang-Tử có nói : « Hễ đồng với ta, cho ta là Phải ; không đồng với ta, cho ta là Quấy ».

Cléopâtre, Hoàng-hậu xứ Ai-Cập, muốn biết mình và nàng Octavie, ai đẹp, hỏi ý-kiến tên đầy-tớ ruột của Bà : « Cléopâtre và Octavie, ai đẹp ? » Tên đầy-tớ ngu-dại kia nói : « Octavie đẹp ! » Cléopâtre giận, tạnh... cho đến khi tên đầy-tớ ấy nhìn-nhận rằng

Cleopâtre đẹp hơn mới thôi. Tâm-trạng ấy là tâm-trạng thông-thường của phụ-nữ, nhưng cũng là tâm-trạng thông-thường của tất-cả con người trong thiên-hạ từ xưa tới nay vậy : « Anh cứ nói láo đi, nếu anh muốn, nhưng hãy nói với em rằng : anh yêu em ! » (*Mens si tu veux, mais dis-moi que tu m'aimes !*) Tâm-lý ấy cũng là tâm-lý của một người bệnh hủi kia trong sách Trang-Tử : « Người bệnh hủi kia, nửa đêm sinh được đứa con... Bèn lật-dật kiểm cho được lửa để xem, chỉ nơm nớp lo sợ nó không giống mình » (Thiên-Địa) Những kẻ « lo đời » vì « thương đời » từ xưa tới nay, phải chăng phần đông đều nơm-nớp lo sợ như người bệnh hủi trên đây : sợ những đứa con tinh-thần của mình không giống mình. Và nhân đó mới có sinh ra óc bè-đảng, óc đảng phái, óc khuyến-dụ và truyền-giáo. Là tại sao ? Con người ở đời, đều thích người ta đồng với mình, mà ghét người ta khác với mình (Tề-Vật-Luận) và đó cũng là nguyên-nhân đã làm cho nhân-gian thống khổ !

Lão-Tử thì chủ-trương « cứng rắn, dễ bị nát ; nhọn bén, dễ bị mòn lứt », « đầy, dễ đổ », v.v... cho nên ông chỉ cho con người con đường đề mà tránh khỏi sự đổ-nát, mòn gãy... Trái lại, Trang-Tử thì chủ-trương sự « ngoại tử sinh, vô chung thủy » cho nên chỗ mà Lão-Tử còn thắc-mắc chăm-chú thì Trang lại nhìn với cặp mắt thản-nhiên lạnh-lùng như không đáng kể.

..

Tóm lại, theo Sử-Ký thì « cái học của Trang-Tử không đâu là không bàn đến, nhưng gốc ở những lời dạy của Lão-Tử ». Chỗ tương-đồng của Trang và Lão là cả hai đều cùng một quan-niệm về Đạo và Đức, và cả hai đều chống-đối tư-tưởng truyền-thống và chế-độ đương-thời. Và vì thế mà Tư-Mã-Thiên đặt tên cho học-phái này là Đạo-Đức-Gia, vì hai quan-niệm Đạo và Đức này là nền-tảng cho chung cái học của Trang Lão.

Và, như thế, tuy gọi là « tự-độ » mà cũng là một cách « độ tha », độ một cách tiêu-cực.

Ở trong một tình-trạng xã-hội như thời Chiến-Quốc mà thiên-hạ đang sống trong cảnh dờ sống dờ chết, lòng tham-dục của con người đã lên đến cực-độ, còn quyền-hành trong thiên-hạ thì lại vào tay những kẻ đại-gian đại-ác, tham-lam bạo-ngược đến như cuồng-loạn tất cả, thì cái mộng đem Đạo-học vào Chánh-trị, hầu cảnh-tình các nhà cầm quyền chính-trị sẽ không ăn thua vào đâu cả. Như vậy, là thức-giả phải chăng chỉ còn một con đường là tự cứu lấy thân chứ không nên đề người ta lợi-dụng để bắt mình phục-vụ cho cái lòng tham vô-hờ-bến của họ. Ở thiên Đạt-Sinh, có nói : « Một vị quan lãnh việc tế-tự, nói với heo (nuôi để tế) : Sao bây giờ chết ? Ta nuôi bây giờ ba tháng. Vì bây giờ ta phải giữ ba ngày chay, mười ngày giới. Lúc tế, ta để bày trên chiếu trắng, trên mâm chạm. Bây giờ còn phân-nàn nỗi gì nữa ?

« Ôi ! nếu vị quan ấy, thật tình nuôi heo (vì nó), thì sao không để cho nó tự-do ăn tằm cám, sao sao cũng được ? Vị quan ấy thích sống theo áo mũ, chết có quan-quách, và cho vậy là vinh, rồi lại tưởng heo heo cũng như thế ! »

Trong mục Lão Trang Thần Hàn Liệt-Trận, Tư-Mã-Thiên cũng có thuật lại lý-do, vì sao Trang-Tử đã từ-chối việc Sở Uy-Vương mời ông ra tham-chính : « Uy-Vương nước Sở nghe nói Trang-Châu là người hiền trong thiên-hạ, sai sứ đem hậu lễ đón, muốn mời ông ra làm Tướng Quốc-Trang Châm cười, bảo với sứ-giả : Cái lợi của nghìn vàng quả trọng thật, cái địa-vị khanh-tướng quả cũng quý thật. Nhưng riêng ông chả thấy con bò tể hay sao ? Được người ta săn sóc, được người ta cho mặc đồ trang-sắc vẫn về để đưa vào đền Thái-miếu. Lúc ấy, dù có muốn được làm con lợn cái, há còn được nữa hay không ? Xin ông hãy đi về đi, chứ có đến làm nhục ta. Ta thà rong chơi ở chốn bùn-lầy như-bần này còn thấy sung-sướng hơn là để cho kẻ làm chủ một nước kia trói buộc được ta... » (Sử-Ký).

Ở Thiên Nhơn-Gian-Thế, Trang-Tử kể chuyện Nhan-Hồi định du-thuyết Vệ-quân, hỏi ý Khổng-Tử :

« Nhan-Hồi ra mắt Trọng-Ni, xin ra đi. Hỏi : Đi đâu ? — Trả : đi qua nước Vệ : — Hỏi : Qua đó làm gì ? — Trả : Hồi tôi nghe vua nước Vệ, tuổi còn niên-tráng, hành-động độc-tài, khinh thường người trong nước không chịu ai chỉ lỗi của mình và lại xem nhẹ

cái chết của nhân-dân. Cho nên kẻ chết ngồn ngang... người dân chắc là chịu không nổi. Hồi tôi nghe Thầy bảo : Nước mà trị, thì bỏ mà đi. Nước mà loạn, thì tìm mà đến. Chính vì người bệnh mà người lương-y tìm đến. Tôi muốn đem chỗ học được của tôi ở Thầy mà nghĩ ra phép cứu nước may ra có đỡ được phần nào chăng ?

Trong - Ni nói : Ôi, người đi đây là đề chuốc họa vào thân ! Đạo thì không muốn có sự phức-tạp phức-tạp thì đa-đoan, đa-đoan thì phiền-nhiều, phiền-nhiều thì lo-âu, lo-âu thì không phương cứu chữa. Bậc chí-nhơn ngày xưa, trước lo cho mình, rồi sau mới lo cho người. Lo cho mình chưa xong, rảnh đâu lo cho kẻ bạo ngược (...) Danh lợi là những thứ mà Thánh-nhơn cũng còn không trù diệt được cho mình, huống chi là con người... »

Như thế, ta thấy rằng « lo cho mình » của Trang-Tử, lo cho mình đến chỗ thật biết thật hiểu, nghĩa là lo cho mình giải-thoát, cũng là một cách lo cho đời bớt được một tâm-hồn ích-kỷ, một ảnh-hưởng xấu xa, một mối nguy cho xã-hội loài người vậy. Tuy là một cách tiêu-cực, nhưng chỉ có cách đó mới thật là giúp đời một cách hiệu-quả mà thôi. Cho nên, nếu phải cầm quyền trị nước thì phải dùng cái « không trị » mà trị (dĩ bất trị, trị thiên hạ). Ở đây Trang cũng như Lão đều cùng một quan-điểm như nhau — « vô vi nhi trị » và như vậy, thì Trang và Lão cũng không có gì là khác nhau về quan-niệm chánh-trị.

II.— TRANG-TỬ VÀ THUYẾT TIẾN-HÓA

Phần đông khi nghe Trang-Tử chủ-trương sự « *trở về* » nguồn-gốc là Đạo, đều cho rằng ông chủ-trương *thoái-hóa*, và học-thuyết của ông có tánh-cách *phản tiến-hóa*.

Chữ *tiến-hóa* (évolution) là danh-từ Tây-phương cận-đại, thật sự có nhiều nghĩa : mà nghĩa thứ nhất và cũng là nghĩa chánh là *tiến đến một trạng-thái mà mình đã có sẵn*.

Thử lấy một thí dụ : Một hột giống là một tiềm-lực ngầm chứa toàn thể một cái cây. Đi từ giai-đoạn nứt mống, đâm cây, trổ lá, rồi đến lúc trổ hoa và kết mống, trở lại cái trạng-thái đầu tiên là hột giống.

Mỗi giai-đoạn đi lần từ trạng-thái ấu-trì đến trưởng-thành đều được gọi là giai đoạn « *tiến-hóa* »

cái. Một hạt giống như lúa sẽ thực-hiện được sự toàn-thiện của nó khi nào nó phát-triển đến cực-độ là tạo được gié lúa, trở thành cái hạt giống đầu tiên. Con người cũng một thể. « *Phù vật vân vân, các phục quy kỳ căn* » 夫物芸芸，各復歸其根 Tiễn-hóa, theo Lão Trang, là *Phục Mạng* 復命, nghĩa là trở về cái Mạng của mình, tức là cái Đạo nơi mình.

..

Ta hãy so-sánh với định - nghĩa sau này của André LALANDE trong quyển *Vocabulaire technique de la Philosophie* (trang 300) :

Evolution : A. — Développement d'un principe interne qui, d'abord latent, s'actualise peu à peu, et finit par devenir manifeste. (Sự phát-triển của một nguyên-lý nội-tại, ban đầu, còn tiềm phục, lần lần hiện ra, và sau cùng hiện ra rõ-rệt).

Trong quyển *La Comédie Psychologique*, và sau này, trong quyển *Critique de la Raison Impure* của Carlo Suarès cũng định-nghĩa như trên, nhưng rõ-ràng hơn :

« Etymologiquement *évolution* signifie : déroulement (en allemand : ENTWICKELUNG). Ce sens est net. Il ne laisse aucune place à l'arbitraire. Une idée, un organe, une espèce animale, un phénomène quelconque évoluent dans l'histoire du monde lorsque l'état posté-

rieur est potentiellement implicite dans l'état antérieur, dont il n'est que le déroulement. L'évolution est donc une transformation dans le temps, conditionnée par la nature propre de la chose qui se transforme et qui varie dans les limites imposées par les conditions extérieures.

En aucun cas, la conception idéaliste (Shelling : « il existe un principe d'élévation, une tendance et une poussée vers une vie plus haute... » reprise avec une légère variation par Bergson : (« il existe une poussée vers les formes supérieures de la vie »), finaliste ou darwinienne de l'évolution ne s'accorde avec ce que nous voulons dire.

Les deux premières (Shelling et Bergson) supposent l'existence d'un type idéal de l'être qui attire vers lui, comme une sorte d'aimant, les formes imparfaites de la vie en progrès continu. La dernière (Darwin) se base sur l'observation tâtonnante, cherchant dans l'analogie extérieure un lien causal et déduisant de cette comparaison un ensemble d'hypothèses sur la légalité de l'évolution dont l'homme serait le produit parfait. Nous n'admettons pas ces théories. Elles conditionnent le réel par le transcendantal, le concret par l'abstrait, l'existant par l'inexistant. Une forme type ne peut pas modeler les êtres concrets, c'est tout au contraire la forme type qui est modelée par la spéculation.

Nous ne voulons pas savoir si, oui ou non, l'hom-

me est au faite d'une échelle de valeurs hiérarchisées : nous ne croyons pas à l'existence de ces valeurs. L'homme de Darwin est une valeur, au même titre que l'idée de Bien dans la morale. » (*)

..

Như vậy, cái nghĩa của chữ *tiến-hóa* mà Carlo Suarès, cũng như André Lalande định-nghĩa trên đây đồng một ý với câu nầy trong Dịch-Kinh. « *Các chánh giả, đắc hữu ư hữu sanh chi sơ ; bảo hợp giả, toàn ư dĩ sinh chi hậu* » (各正者,得有於有生之初.保合者,全於已生之後) « *Các chánh* », nghĩa là mỗi vật đều có cái mà mình đã thụ-lãnh nơi Đạo, đã nhận được từ khi mới sanh ra ; « *bảo hợp* » là gìn-giữ cho trọn vẹn sau khi đã sinh.

Trái lại, theo quan-niệm *tiến-hóa* của các triết-gia khác như trên đây đã nêu lên của (Shelling và Bergson) tức là nêu lên một *mẫu người lý-tưởng về đạo-đức* giả-tạo nào để làm khuôn-mẫu cho tất cả loài người đều phải noi theo và lấy đó làm mục-tiêu chính để tiến đến, nghĩa là tiến theo bên ngoài. Đó là mục-đích *tiến-hóa* theo cái bên ngoài, tức là con cừu muốn làm con

(1) La Comédie Psychologique (1932) Chez José Corti. Paris p. 63, 64, 65. Critique de la Raison impure (1955) Chez Stock Paris (p. 48, 49)

chim Bàng, và đó phải chăng là tiêu-chuẩn chung của các nhà đạo-đức, tôn-giáo kêu gào người người phải hướng theo một cái gương tận-thiện nào mà mỗi thứ đạo-đức hay tôn-giáo đề-xướng.

Theo Lão Trang thì cái tận-thiện của cây hường là trở hoa hường, cái tận-thiện của cây lan là trở hoa lan. Hơn nữa cái tận-thiện của đá kim-cương không còn giống với cái tận-thiện của hột ngọc-trai : cái tận thiện của mỗi người không phải là cái tận-thiện của người khác. Tuy cái Đạo nơi mỗi người thì có Một, mà cái hiện-tượng của mỗi người (existence) thì không ai giống ai cả. Trong Trời Đất không có hai cọng lá mà giống nhau.

Hột giống, tự nó chứa một cách đầy-đủ cả cái cây sau này... Nhưng, nó cần phải có những điều-kiện bên ngoài giúp vào mới có thể phát-triển tất-cả khả-năng của nó, như RENÉ GUÉNON đã ghi trong quyển *Le Symbolisme de la Croix* : « *le mot évolution ne peut signifier pour nous rien de plus que le développement d'un certain ensemble de possibilités* » và LALANDE như trước đây đã viết : « *évolution, développement d'un principe interne qui, d'abord latent, s'actualise peu à peu, et finit par devenir manifeste* ».

Theo Lão Trang thì điều kiện nội và ngoại nương nhau mà có, và trong thật-sự, nội ngoại là Một, cá-nhân và xã-hội là Một, vật-chất và tinh-thần là Một.

Cho nên, có hột giống cũng phải có những điều

kiện bên ngoài, như đất, nước, không-khí, ánh-sáng v.v... nhưng điều-kiện bên ngoài, không nên mà cũng không làm gì sửa đổi « bản-tánh » của hột giống, bắt nó phải trở theo một thể-thức nào khác hơn là cái thể-thức tự-nhiên của nó. Đó là những hành-động vô-vi theo Lão Trang. Trái lại, còn người xưa nay theo hữu-vi, thường lấy những điều-kiện bên ngoài của xã-hội và chế-độ luân-lý để đặt thành quy-chế bắt-buộc cưỡng-ép không cho người ta tự-do sống theo cái sống của Tự-Tánh, mà phải « xá kỳ thích nhơn » (*) làm cho con người vô-cùng thống-khổ. Đó là những hành-vi hữu-vi can-thiệp đến đời sống của mọi vật mà phá vỡ hữu-vi ưa-thích nhất.

Tóm lại, ta có thể nói rằng « tiến-hóa » theo cái học của Lão-Trang, « là một sự thay-đổi trong thời-gian của một sự vật bị hạn-chế trong bản-tánh của sự vật ấy và chuyển-biến cùng thay-đổi trong giới-hạn bắt-buộc của những điều-kiện bên ngoài » (*l'évolution est donc une transformation dans le temps, conditionnée par la nature propre de la chose qui se transforme et qui varie dans les limites imposés par les conditions extérieures*) như trước đây đã nói.

Trống quỳên Một Nghệ-Thuật Sống cũng đã có nói : « Người ta ở đời, không một sinh-vật nào là không thọ của Trời Đất một cái sống... cái sống ấy cùng với Trời Đất là

(*) Bỏ mình mà chạy theo kẻ khác.

một, một cái mầm sống toàn năng, toàn-lực, toàn-thiện, toàn mỹ. Phận-sự của ta là phải lo trở về với cái Sống. Một ấy đề sống cái sống vô-cùng đồng với Trời Đất đang ẩn núp trong đáy lòng (...) Không nhận thấy được sự toàn-thiện của mình mới có sinh cái lòng đèo-bồng ham muốn cái toàn-thiện ngoài mình, bấy giờ mới có lấy sự Phải Quấy của người làm cái Phải Quấy của mình ; lấy cái vinh, nhục của người làm cái vinh nhục của mình ; lấy cái Lớn Nhỏ của người làm cái Lớn Nhỏ của mình. Đâu có biết rằng cái Phải của người này đâu còn là cái Phải đối với người kia ; cái Quấy của người kia đâu còn là cái Quấy của người nọ. Không có cái Phải nào là cái Phải chung cho tất cả mọi người, mà cũng không có cái Quấy nào là cái Quấy chung cho tất-cả mọi người được. Vạn-vật dưới Trời, không vật nào tự nó là hữu-dụng hay vô-dụng cả (...) Người ta sinh ra không phải là một vật toàn-thiện ngay. Cái « Sống Vô-Cùng » nơi ta, không khác nào cái « Sống Toàn-Mãn » của một cây kia hàm chứa trong một hột giống. Trong hột giống, đã chứa sẵn cái mầm của tất-cả cái cây sau này : lúc đầu chỉ là một giọt xanh, rồi đến hồi đơm bông kết-quả... phải trải qua không biết bao nhiêu giai-đoạn mới phát huy được tất-cả sức sống của mình. Phận-sự của ta, nếu có thể gọi đó là phận-sự, là phải thực-hiện cái sống ấy đến chỗ chí-thiện của nó ». (*)

(*) MỘT NGHỆ-THUẬT SỐNG — (cùng một tác-giả)
(trang 22-23).

III.— KHÔNG-TỬ VÀ ĐẠO-CHÍCH

Không-Tử cùng với Liễu-Hạ-Quý là bạn. Em của Liễu-Hạ Quý là Đạo-Chích. Chích có quân đi theo chín ngàn người. hoành-hành trong thiên-hạ, lấn cướp cả chư-hầu. Đào nhà, khoét vách, lừa bò ngựa của người, lấy vợ con của người, Tham được, thì quên cả thân thích, chẳng thiết gì đến cha mẹ anh em, lại cũng chẳng cúng tế tổ-tiên. Nó đi qua đâu, nước lớn phải lo giữ thành, nước nhỏ phải trốn vào lũy : muôn dân chịu khổ vì nó.

Không-Tử bảo Liễu-Hạ-Quý : Làm cha anh người ắt phải bảo dạy được con em mình. Nếu không bảo dạy được thì còn gì là quý ! trong chỗ thân tình ! Nay tiên-sinh là bậc tài-sĩ trong đời, em là Đạo-Chích làm hại thiên-hạ mà không dạy nổi, vậy Khâu này

trộm lấy việc ấy làm xấu hổ thay cho tiên-sinh. Khâu xin vì tiên-sinh đi khuyên nó ».

Liễu-Hạ-Quý nói : « Tiên-sinh bảo rằng kẻ làm cha anh người tất phải dạy được con em mình. Nhưng nếu chúng không nghe, thì dù có tài hùng biện như tiên-sinh cũng không làm gì được chúng. Vả chăng, Chích là người lòng như suối dề, ý như gió lốc, mạnh đủ để cự kẻ địch, biện đủ để che cái quý. Thuận lòng nó, thì nó vui, nghịch ý nó, thì nó giận. Nó dùng lời mà nhục người quá dễ dàng. tiên-sinh xin đừng đến nó làm chi ».

Không-Tử không nghe. Bảo Nhan-Hồi đánh xe, Từ-Cống ngồi bên phải, cùng đến ra mắt Đạo-Chích.

Đạo-Chích đang nghỉ quán ở phía Nam núi Thái, thói sống gan người mà ăn.

Không-Tử xuống xe, đi lên trước. Thấy kẻ truyền báo liền nói : « Người nước Lỗ, tên là Không-Khâu được nghe cao nghĩa của tướng-quân, kính lạy hai lạy ».

Kẻ truyền báo vào thưa. Đạo-Chích nghe nói nổi giận, mắt như sao sáng, tóc dựng ngược, bảo : « Đó có phải là tên xảo ngụy nước Lỗ tên là Không-Khâu chăng ? Vì ta bảo họ với nó : Chích nó là kẻ bày lời khen lão Vua Văn Vua Vũ, dối mũi cành cây, thất lương đa bề. nói nhiều, bèn nhảm ! Không cày ruộng mà ăn cơm, không dệt vải mà mặc áo ! Khua môi múa

mỏ, bày đặt thị phi để làm mê hoặc vua chúa trong thiên-hạ, khiến cho kẻ sĩ trong thiên-hạ chẳng biết trở về gốc rễ ! Giả bộ làm chuyện hiếu-đễ để cầu được phong hầu phú quý ! Tội của nó to nặng lắm ! Hãy về mau đi ! Nếu không, ta sẽ lấy gan làm món ăn thêm buổi trưa ! ».

Không-Tử lại cố xin vào cho được : « Khâu may được hân-hạnh biết ông Quý. Xin cho vào hầu dưới trướng ».

Kẻ truyền-báo vào bẩm lại. Chích nói : « Bảo nó vào đây ! »

Không-Tử liền vào, tránh chiếu, lùi lại, lạy Đạo-Chích hai lạy.

Đạo-Chích giận lắm, ngồi dang hai chân, cầm gương trợn mắt, tiếng như cộp.cái :

— Khâu lại đây ! Nếu lời nói của người, thuận ý ta thì sống, nghịch ý ta thì chết !

Không-Tử nói :

— Khâu tôi nghe rằng trong thiên-hạ có ba thứ đức : sinh ra cao lớn, tốt đẹp không hai ; nhỏ, lớn sang, hèn trông đều phải mến. Đó là thượng-đức ! Trí thông suốt Trời Đất, rõ được mọi vật. Đó là trung-đức. Mạnh-khỏe, bạo-dạn, tụ hợp được quân binh, đó là hạ-đức. Làm người mà được một trong ba đức

Ấy cũng đủ để quay mặt về Nam mà xưng Cô (*) ! Nay Tướng-quân gồm cả ba đức ấy ; minh cao tám thước hai tắc ; mặt, mắt sáng có hào-quang ; mũi như thoa sơn ; răng đều như hến úp ; còn tiếng nói như hoàng chung ! Vậy mà tên là Đạo-Chích ! Khâu này, trộm lấy làm xấu hổ cho Tướng-quân đó. Nếu Tướng-quân có chỉ nghe tôi, tôi xin phả Nam đi sứ nước Ngô nước Việt, Bắc đi sứ nước Tề nước Lỗ, Đông đi sứ nước Tống, nước Vệ, Tây đi sứ nước Tần nước Sở, khiến họ vì tướng-quân dựng lên một thành lớn vài trăm dặm, lập nên một ấp vài chục vạn nóc nhà, tôn tướng-quân làm chư-hầu, cùng với thiên-hạ đổi mới, bãi binh, thâu nuôi anh em, cùng cùng tử-tiền, đó là việc làm của bậc Thánh-nhơn tài-sĩ, mà cũng là lòng mong-mỏi của thiên-hạ vậy ».

Đạo-Chích cả giận, nói :

— Khâu, lại đây ! Kê có thể lấy lợi mà đồ được lấy lời nói mà can ngăn được, đều là những phường ngu-lậu mà thôi ! Thân ta nay cao lớn tốt đẹp, ai ai trông thấy cũng ưa mến, đó là cái đức của cha mẹ ta để lại. Khâu đó không khen ta, riêng ta há lại chẳng biết như thế hay sao ? Và chẳng ta cũng có nghe : Kê hay khen ta trước mặt, ắt cũng hay chê ta sau lưng. Nay đem những thành phố lớn dân đông mà bảo ta, ấỵ là đem cái lợi để nhử ta, coi ta như hạng

(*) *Tiếng tự-xưng của Vua chư-hầu.*

người thường ! Sao mà lâu dài được ! Thành dù lớn cũng không lớn hơn thiên-hạ, thế nhưng Nghiêu-Thuấn có thiên-hạ, mà con cháu vẫn không có đất cắm dùi ! Thang Vũ làm đến thiên-tử mà đời sau lại tuyệt diệt. Chẳng phải vì có lợi lớn, nên mới đến thế hay sao ? Và chẳng ta nghe rằng đời xưa chim muông nhiều, mà nhơn dân ít, nên dân ở trên ồ mà tránh chúng. Ban ngày lượm hết gấm hạt dẻ mà ăn, đêm nằm nghỉ trên cây, cho nên gọi họ là dân « hữu-sào » ! Xưa, dân không biết mặc áo quần, mùa hè chứa củi, mùa đông lấy đó mà sưởi, cho nên gọi họ là dân « tri-sinh ». Qua đời vua Thần-Nông, năm thì xúm-xít, bảy thì lảng-xảng. Dân biết có mẹ mà không biết có cha, cùng sống chung với hươu, nai ; cây mà ăn, dẻ mà mặc, không có bụng hại nhau. Đó là lúc cực thịnh của Chi-Đức vậy ! Nhưng, đến vua Hoàng-Đế, không thể gây được Đức đến nơi đến chốn. nên mới cùng Xi-Vưu đánh nhau ở Trác-Lộc, máu chảy hàng trăm dặm.

Nghiêu Thuấn lên ngôi, lập thành quân-thần. Thang đuổi chúa mình, Vũ-Vương giết Trụ. Từ đó, mạnh hiếp yếu, đông hiếp ít. Từ Thang Vũ đến giờ đều là bọn người làm loạn cả ! Nay, người tu theo cái đạo của Văn, Vũ ; cầm quyền biện-bác trong thiên hạ để mà dạy người đời sau. Mặc áo thêu, thắt đai rộng, dùng lời kiêu-kỳ, làm việc dối-giả để mê hoặc vua chúa trong đời, mong cầu phú quý. Không còn

hạng trộm lớn nào hơn người nữa, thế sao thiên-hạ không gọi người là Đạo-Khâu lại gọi ta là Đạo-Chích. Người đem lời nói ngọt-ngào thuyết Tử-Lộ bỏ mũ cao, cởi gươm dài để theo học với người. Thiên-hạ đều bảo : Khổng-Khâu hay ngăn được kẻ bạo, cấm được sự làm lỗi. Rốt cùng, Tử-Lộ muốn giết vua nước Vệ, nhưng việc không xong, thân bị làm mắm treo ở cửa Đông nước Vệ. Đó là cách dạy của người chưa đến chốn. Người còn tự xem mình là thánh-nhơn, tài-nĩ nữa chẳng ? Thì hai lần bị đuổi ở nước Lỗ bị quét dấu vết ở nước Vệ, bị cùng khốn ở nước Tề, bị vây ở Trần, Sái, không còn chỗ để dung thân trong thiên-hạ. Người dạy Tử-Lộ đến bị nạn làm mắm thế là người, trên vì mình không xong, dưới vì người cũng không được việc. Đạo của người, vậy thì có gì là đáng quý ! Người mà đời cho là cao, chưa ai bằng Hoàng-Đế, thế mà Hoàng-Đế chưa toàn được đức, nên đã phải đánh giết nhau ở Trác-Lộc, máu chảy hàng trăm dặm. Nghiêu thì bắt tì, Thuấn thì bắt hiếu, Vũ đánh thiên khô, vua Shang đuổi Chúa mình, Võ đánh Chúa Trụ. Văn-Vương bị giam nơi đữu-lý. Sáu người ấy, người đời rất chuộng, nhưng hèn cho kỹ họ đều vì lợi mà mê hoặc chân tánh, miễn cưỡng làm trái lại với Tánh Tính của họ. Sự làm đó thật rất đáng làm xấu hổ lắm ! Kia những hạng mà người đời gọi là hiền-sĩ : Bá-Di, Thúc Tề bỏ ngôi vua Cô Trúc, chịu chết đói ở núi Thù-Dương, xương thịt chẳng chôn ; Bào-Tiêu sửa bệnh, chế đời, ôm cây

mà chết ; Thân-Đổ-Địch can vua không được, ôm đá mà tự trầm... ; Giới-Tử-Thời rất trung, tự cắt thịt đùi để nuôi Văn-Công, sau bị Văn-Công phụ hãm ; Vi-Sinh hẹn với cô gái dưới cầu, cô gái không lại, nước đến không đi, ôm cột cầu mà thác. Bốn người ấy không khác nào chó thui, lợn mỡ, như kẻ ôm chén đi ăn mỳ, đều là hạng người lìa danh khinh chết, không nghĩ cái gốc nuôi mạng sống cho lâu dài. Kẻ mà đời gọi là tới trung, thì còn ai bằng Vương-Tử Tỷ Can và Ngũ-Tử-Tư. Tử-Tư phải chết đắm, Tỷ-Can bị moi gan ! Hai người ấy, đời gọi là trung-thần mà rốt cuộc bị thiên-hạ chê cười ! Từ trên mà xem xuống cho đến Tử-Tư, Tỷ-Can phải chăng là hạng người không đáng quý !

Chuyện mà Khâu đem đề thuyết phục ta, nếu bảo về chuyện ma quỷ thì ta không thể biết, chứ bảo với ta về chuyện người, thì chẳng qua cũng như thế đó mà thôi ! Đó là những điều mà ta đã nghe biết cả rồi ! Nay, ta bảo cho người về cái tình-thương của con người : mắt thì muốn trông màu, tai thì muốn nghe tiếng, miệng thì muốn nếm mùi, chí khí thì muốn cho thỏa mãn. Chỗ mà gọi là « thượng-thọ » của con người là trăm tuổi, « trung-thọ » là tám mươi tuổi, « hạ thọ » là sáu mươi tuổi. Trừ ốm đau, chết chóc, lo buồn... trong khoảng đó, được mở miệng mà cười trong một tháng chỉ được bốn năm ngày là cùng ! Trời Đất thì không cùng, mà cái chết của con người thì có hạn.

Đem một vật có hện mà gói vào trong khoảng vô-cùng, có khác gì bóng ngựa Kỳ Kỳ qua khe cửa. Kẻ không thỏa được ý chí của mình, nuôi được lâu dài cái Mạng của mình, đều không phải là kẻ thông hiểu Đạo. Lời mà Khâu đã đem nói với ta đều là những lời mà ta đã bỏ lâu rồi ! Mau chạy về ngay ! Đừng nói gì nữa cả ! Đạo của người là chuyện diên-diên khùng-khùng, trá xảo, hư ngụy, không phải có thể toàn được thiên chân, có đâu đủ để mà luận bàn ! ».

Không-Tử lạy hai lạy, chạy ra cửa, lên xe, cầm cương... Mắt mờ không trông thấy gì... nhan-sắc như tro ngụy, cúi đầu vịn càng xe, chẳng thở hơi ra được.

Về đến ngoài cửa thành phía Đông nước Lỗ, gặp ngay Liễu-Hạ-Quý. Quý hỏi :

— Nay vắng mấy ngày chẳng thấy tiên-sinh... Xe ngựa có về đi mới về... Phải chăng đã đi đến Chích ?

Không-Tử ngửa mặt lên trời, than rằng :

— Phải !

Liễu-Hạ-Quý hỏi :

— Chích phải chăng đã làm nghịch ý tiên-sinh như tôi đã nói trước chăng ?

Không-Tử nói :

— Phải ! Khâu quả là hạng người không bệnh mà tự đem lửa đốt mình. Chạy ngay lại đầu cạp, vuốt râu cạp... xuýt lại tránh không khỏi miệng cạp.

NAM-HOÀ-KINH

(Tập-Thiên)

IV.— CÓ ÍCH NHƯNG KHÔNG PHẢI LÀ CẦN THIẾT

Ở trang 184, có câu : « *Mình có thể là người có ích cho đời, nhưng không phải là người nhu-thiết cho đời* ».

Là nghĩa làm sao ?

Bạc chân nhưn đạt Đạo, dù là người giúp ích cho đời đến bậc nào, cũng vẫn không bao giờ dám tự xem là người cần-thiết cho đời. Cần-thiết, tức là không có không được, cũng như không có ánh Thái-dương thì sinh-vật không sao tồn-tại được nữa.

Tín-tưởng mình là cần - thiết, phải chăng là cái thông-bệnh trầm-trọng nhất của loài người của chúng ta Đó là một căn-bệnh chủ-quan độc-tại khiến cho

ai ai cũng tin-tưởng rằng : đời đực cả, một mình ta trong ; đời say cả, một mình ta tỉnh ! Cho nên nếu không phải là ta, thì không ai thay thế được ta để cứu quần sinh. Cái bệnh ham làm thấy đời nhân đó mà sinh ta, và gây tai hoạ cho nhân-loại không thể kể !

Mục-dịch duy-nhất của các bậc mà ta thường gọi là Giáo-chủ các tông-giáo đã chịu nổi thử-thách của thời-gian như Thích-Ca, Lão-Tử, Jésus... phải chăng là giải-phóng tinh-thần nhân-loại, chắc-chắn không bao giờ lại tìm cách đim-hảm nhân-loại, trong những khuôn khổ tư-tưởng eo-hẹp của một giáo-lý dù có rộng lớn đến bậc nào ! Chắc-chắn là họ không bao giờ có cái mộng đem những ý-kiến cá-nhân của mình để hạn-chế sinh-hoạt tinh-thần của nhân-loại.

Cáo bệnh của phần đông người đời, trái lại là tin-tưởng rằng mình là một nhân-vật *không thể thiếu* sự được trong xã-hội nhân-loại. Nếu không ai phong cho họ, thì họ cũng tự phong có cái sứ-mạng làm *Đấng Cứu-Thế* của nhân-loại. Vì vậy mới có cái mộng làm « thầy đời », thích làm người dẫn-đạo con người, trước khi mình đủ sáng-suốt dẫn-đạo lấy mình ra khỏi vòng vô-minh đau-khổ. Thật sự không ai có thể cứu rỗi ai được cả. Cái danh-dự lớn nhất của con người, là ngoài mình ra, không ai giải-thoát cho mình được cả. Cái mà thiên hạ phần đông gọi là « lo cho đời » hay « phụng sự cho đời » phải chăng đều là những hoạt-động

có cao-vọng đem kẻ khác theo về cùng một quan-niệm với ta về điều phải hay lẽ quấy. Và nhân đó, đồng với ta là phải, không đồng với ta là quấy. Tôn-giáo, đảng phái do đấy mà mọc lên như nấm : nguồn gốc chia rẽ nhân-loại không bao giờ dứt được. Bậc chân-nhơn có thể tự xem *có ích* cho người, nhưng không bao giờ tin rằng mình là *cần thiết* cho người nghĩa là không có mình đời sẽ không có ai khác thế được để cứu rỗi. Câu ngạn-ngữ này của người bình-dân Việt-Nam miêu-tả rất đúng tâm-trạng « vô-công » « vô-danh » của bậc Chân-Nhơn : « có mợ, chợ cũng đông ; không mợ thì chợ cũng không không buổi nào » Đời sở-di loạn, chẳng phải vì thiếu người lo đời, mà thực-sự phải chăng vì đã có quá nhiều kẻ lo đời !

SÁCH THAM KHẢO

A. — SÁCH CHỮ HÁN :

莊子
TRANG-TỬ

沈德鴻選註
Trần-Đức-Hồng

(商務印書館發行)

莊子
TRANG-TỬ

葉玉麟譯
Diệp-Ngọc-Ẩn

(上海新民書局出版)

莊子集解
TRANG-TỬ TẬP GIẢI

葉的棧閱
Diệp-Tuân

(廣益書局發行)

莊子內篇證補
TRANG-TỬ NỘI-THIÊN CHỨNG BỔ

朱桂曜著
Châu-Quế-Diệu

(商務印書館發行)

莊子研究
TRANG-TỬ NGHIÊN-CỨU

費國慶著
Diệp-Quốc-Khánh
(商務印書館發行)

莊子
TRANG-TỬ

周象撰清
Châu-Tượng
(廣益書局)

老莊哲學
TRANG-TỬ TRIẾT-HỌC

胡哲敏著
Hồ Triết Phu
(廣益書局)

莊子集註
TRANG-TỬ TẬP CHÚ

阮毓蓉註
Nguyễn-Dục-Tùng
(廣益書局)

B. — SÁCH CHỮ PHÁP :

1. GRANET (Marcel) : *La Pensée Chinoise*
Paris, Albin Michel (1934)
2. GAUCHET (L.) : *Un livre taoïque, Le CHENG-CHEN-KING*
Hong-Kong B.U.A, n° 37 (1949)
3. GAUCHET (L.) : *Contribution à l'Etude du Taoïsme*
Hong-Kong, Bulletin de l'Université de l'Aurore,
n° 34, 35 (1948)
4. KAKUZO (Kakura) : *Le Livre du Thé*
Paris, Payot (1931)
5. LIOU-KIA-HWAY : *L'Esprit synthétique de la Chine*
Paris, P.V.F. (1961)
6. MASPÉRO (H.) : *Le Taoïsme*
Paris, Civilisation du Sud (1950)
7. MASPÉRO (H.) : *Le Saint et la Vie mystique chez Lao-Tseu et Tchoang-Tseu*
Paris, Bulletin de l'Association Française des
Amis de l'Orient (1949)
8. WALLEY (A.) : *Trois Courants de la Pensée Chinoise*
Paris, Payot (1949)
9. WANG (J.) : *Le Mysticisme de Tchoang-Tseu*
Hong-Kong, Bulletin de l'Université de l'Aurore,
n° 33, 35 (1949)
10. WIEGER (Léon) : *Les Pères du Système Taoïste*
Hien-Hien, Imprimerie de Hien-Hien (1913)
11. YUE (Hoang-Tsen) : *Etude comparative sur les Philosophies de Lao-Tseu, Khong-Tseu, Mo-Tseu*
Lyon, Annales de l'Université de Lyon (1925)

C. — SÁCH CHỮ ANH :

GILES (H.A.) : *CHUANG-TSU*
Sanghai, Kelly & Walsh (1926)

D. — SÁCH CHỮ VIỆT :

NGUYỄN-DUY-CẦN : *Trang-Tử NAM-HOÀ-KINH*
Saigon, Khai-Trí (1963)

NGUYỄN-DUY-CẦN : *Một Nghệ-Thuật Sống*
Saigon, Khai-Trí (1961)

MỤC - LỤC

	Trang
TỰA	11
LỜI NÓI ĐẦU	17
<i>CHƯƠNG THỨ NHẤT</i>	
A. LƯỢC-SỬ	41
B. SÁCH CỦA TRANG-TỬ	46
1. Phân-biệt các thiên	46
2. Vấn-đề chân-ngụy trong các thiên chương	49
A. So-sánh nội-thiên với các thiên khác	50
B. Vấn-đề chân-ngụy trong Ngoại và Tạp-thiên	52
C. Vấn-đề chân-ngụy trong Nội-thiên	58
3) Bàn về văn-học của Trang-Tử	65
4) Bàn về phép đọc sách Trang-Tử	68
5) Bàn về các nhà chú-giải Trang-Tử	74

CHƯƠNG THỨ HAI

Trang

A. PHẦN TỔNG-QUAN :

1) Tâm-diện của học-thuyết	85
2) Nhị-nguyên và Nhất-nguyên	65
3) Lý-Trí và Thực-giác	107

B. PHẦN PHÂN-TÍCH :

1) Tiêu-Diên-Du	109
2) Tề-Vật-Luận	137
3) Dưỡng-Sinh-Chủ	154
4) Đức-Sung-Phủ	165
5) Đại-Tông-Sư	165
6) Ứng-Đế-Vương	173
Thế nào là Chân-Nhơn	185

PHỤ LỤC

I. Trang-Tử và Lão-Tử	209
II. Trang-Tử và thuyết Tiến-Hóa	219
III. Khổng-Tử và Đạo-Chích	227
IV. Có ích nhưng không phải cần thiết	237
Sách tham-khảo	241



CÙNG MỘT TÁC GIẢ

ĐÃ XUẤT - BẢN

I.— DUY-TÂM VÀ DUY-VẬT (hết)	1935
II.— TOÀN-CHÂN TRIẾT-LUẬN (hết)	1936
III.— THANH DẠ VĂN CHUNG (hết)	1939
IV.— CỒ-NHÂN (Phê-bình Đông-Lai Bác-Nghị) (hết)	1940
V.— CÁI DŨNG CỦA THÁNH-NHÂN	1951
Phương-pháp rèn-luyện tinh diễm-đạm, phẩm-cách thanh cao nhất của con người, theo Đạo-hạnh Đông-Phương.	
In lần thứ 2	1955
In lần thứ 3	1957
In lần thứ 4	1959
In lần thứ 5	1964
In lần thứ 6	1967
VI.— ỐC SÁNG-SUỐT	1952
Những nguyên-tắc căn-bản trong phép rèn-luyện một khối óc sáng-suốt, biết suy-nghĩ và phán-đoán theo tinh-thần khoa-học.	
In lần thứ 2	1952
In lần thứ 3	1956
In lần thứ 4	1960
In lần thứ 5	1965
In lần thứ 6	1968
VII.— THUẬT TƯ-TƯỞNG	1952
Những phương-pháp thực-tiến để vận-dụng tư-tưởng cho đứng-đan. Tất-cả những lẽ-lời, những kỹ-thuật để minh-xác, phán-đoán và phê-bình.	
In lần thứ 2	1954
In lần thứ 3	1956
In lần thứ 4	1960
In lần thứ 5	1965
In lần thứ 6	1968
VIII.— THUẬT XỬ-THỂ CỦA NGƯỜI XƯA	1954
Những cách xử-thể khôn-ngaoan và tế-nhị của người xưa ở xã-hội Đông-Phương.	
In lần thứ 2	1955
In lần thứ 3	1957
In lần thứ 4	1959
In lần thứ 5	1964
In lần thứ 6	1967

IX.—	TRANG-TỬ TINH-HOÀ	1956
	Nghiên-cứu một học-thuyết có ảnh-hưởng to nhất trong vùng Triết-học Đông-Phương.	
	In lần thứ 2	1963
	In lần thứ 3	1968
X.—	VĂN-MINH ĐÔNG-PHƯƠNG	
	VÀ TÂY-PHƯƠNG (hết)	1957
	Trình-bày những đặc-tính và kiểm-soát lại bảng giá-trị của hai nền văn-minh căn-bản của nhân-loại. Một vấn-đề mà văn-sĩ Romain Rolland báo là « tối-đại vấn-đề của thế-kỷ ngày nay ».	
	In lần thứ 2	1969
XI.—	TÔI TỰ-HỌC	1959
	Những nguyên-tắc căn-bản để tạo cho mình một cơ-sở học-thức đầy-đủ... để bù vào những thiếu-sót của cái học ở nhà trường. Nhất là rất có ích cho những ai không được cái may-mắn học được cái học ở nhà trường.	
	In lần thứ 2.	1961
	In lần thứ 3.	1966
	In lần thứ 4.	1969
XII.—	THUẬT YÊU-ĐƯƠNG	1961
	... « Quyền Sách để xây-dựng hạnh-phúc gia- đình cho những cặp vợ chồng trẻ cũng như già và để soi đường cho những thanh-niên thiếu-nữ chưa lập gia-đình tránh được những lạc-lầm đau-khổ ».	
	(Văn-Hóa Á-Châu)	
	In lần thứ 2.	1963
	In lần thứ 3	1965
	In lần thứ 4.	1966
XIII.—	MỘT NGHỆ-THUẬT SỐNG	1962
	Một nhân-sinh quan thoát-thai ở tinh-thần Đạo-học Đông-Phương (Sắp tái-bản)	
XIV.—	LÃO-TỬ ĐẠO-ĐỨC-KINH (2 quyển)	1962
	Bản-dịch đầy-đủ có bình-chú và nguyên-văn đối- chiếu (450 trang).	
	In lần thứ 2.	1968
XV.—	TRANG-TỬ NAM-HOÀ-KINH (3 quyển)	1963
	Bản-dịch có bình-chú và nguyên-văn đối chiếu. (670 trang)	
	In lần thứ 2.	1968
XVI.—	LÃO-TỬ TINH-HOÀ	1963
	In lần thứ 2.	1968
XVII.—	ĐỀ THÀNH NHÀ VĂN	1968